

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Nhi khoa Y học hiện đại
- * Tiếng Anh: Pediatric
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 36 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CDR1] – [CDR2]	2-3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	3 -4.5
Kỹ năng			
MT4	<i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5
Thái độ			
MT5	- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm	[CDR14 – CDR17]	2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em. Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm,

	kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em CLO6: Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em. Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT 5: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc. Biết cách phối hợp làm việc nhóm	CLO7: Lập được kế hoạch học tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình học. Thực hiện được và phối hợp được với các bạn trong việc thảo luận. Biết cách tư vấn người nhà 1 số cách chăm sóc trẻ bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kì phát triển của trẻ em Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	3	3					1
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng			3	3	3	3	1
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh			3	3	3	3	1
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại và xử trí NTHHCT Bài 7. Viêm phổi			3	3	3	3	1
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh trẻ em			3	3	3	3	1
Phần VI. Tiêu hóa Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương Bài 10. Suy dinh dưỡng Bài 11. Tiêu chảy cấp			3	3	3	3	1
Phần VII. Thận TN Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu Bài 13. Hội chứng thận hư			3	3	3	3	1
Phần VIII. Huyết học Bài 14. Hội chứng thiếu máu Bài 15. Hội chứng xuất huyết			3	3	3	3	1
Phần IX. Thần kinh Bài 16. Viêm màng não			3	3	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kỳ phát triển của trẻ em <ol style="list-style-type: none"> Đại cương Thời kì sơ sinh Thời kì bú mẹ Thời kì răng sữa Thời kì thiếu niên Thời kì dậy thì Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ <ol style="list-style-type: none"> Da, cơ Hô hấp Tim mạch Tiêu hóa Thận Tiết niệu Thần kinh Huyết học 	1			1	1	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
	1			1	1	
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng <ol style="list-style-type: none"> Đại cương Đánh giá và xử trí ban đầu tình tổn thương hô hấp Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương tim mạch Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương thần kinh 	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh <ol style="list-style-type: none"> Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng- non tháng Chăm sóc ngay sau đẻ Chăm sóc sơ sinh đủ tháng Chăm sóc sơ sinh non tháng Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh <ol style="list-style-type: none"> Các đường lây nhiễm Các yếu tố nguy cơ Nhiễm trùng các cơ quan bộ 	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập

1. Phân loại NKHHCT 2. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ 3. Đánh giá, phân loại và xử trí NKHHCT Bài 7. Viêm phổi 1. Định nghĩa, nguyên nhân 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2			2	2	Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ em 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VI. Tiêu hóa – Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương 1. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh 2. Triệu chứng 3. Điều trị 4. Dự phòng Bài 10. Suy dinh dưỡng 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Điều trị 4. Dự phòng Bài 11. Tiêu chảy cấp 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VII. Thận – Tiết niệu Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng Bài 13. Hội chứng thận hư 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VIII. Huyết học Bái 14. Hội chứng thiếu máu	4			4		Chấp hành nội qui học tập

1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Một số bệnh thiếu máu thường gặp ở trẻ Bài 15. Hội chứng xuất huyết 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Một số bệnh xuất huyết ở trẻ					4	Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IX. Thân kinh Bài 16. Viêm màng não 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2			2	2	Chấp hành nội quy học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) “Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em”.

[2] Bộ Y Tế (2015) “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em”.

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) “Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa”.

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) “Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa”.

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) “Bài giảng nhi khoa”.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Các thời kì phát triển trẻ em	2					4
	Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ						
	Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng	2					
2	Chăm sóc trẻ sơ sinh Nhiễm trùng sơ sinh	4					4
3	Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính Viêm phổi	4					4
4	Còi xương, suy dinh dưỡng	4					4
5	Tiêu chảy cấp Viêm màng não mủ	4					4
6	Hội chứng thận hư Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu	4					4
7	Hội chứng thiếu máu	2					4
	Hội chứng xuất huyết	2					2
8	Bệnh lý tim bẩm sinh ở trẻ em	2					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO7].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Chuyên cần: Không vắng quá 20% số buổi giảng lý thuyết	0	Đạt/ không đạt	CĐR ...
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Điểm đạt ≥ 4	CLO1 đến CLO 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành: Thi vấn đáp tại bệnh viện thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1 + Điểm lý thuyết x 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI (THỰC HÀNH)**

Đối tượng đào tạo: dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Nhi khoa Y học hiện đại
- * Tiếng Anh: Pediatric
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	3 -4.5
	Kỹ năng		
MT4	Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em 		
	Thái độ		
MT5	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm 	[CDR14 – CDR17]	2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em. Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em CLO6: Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em. Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT 5: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. Có ý thức tự chủ	CLO7: Lập được kế hoạch học tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình

và có ý thức trách nhiệm với công việc. Biết cách phối hợp làm việc nhóm	học. Thực hiện được và phối hợp được với các bạn trong việc thảo luận. Biết cách tư vấn người nhà 1 số cách chăm sóc trẻ bệnh.
--	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kì phát triển của trẻ em Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	3	3					1
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng			3	3	3	3	1
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh			3	3	3	3	1
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại và xử trí NTHHCT Bài 7. Viêm phổi			3	3	3	3	1
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh trẻ em			3	3	3	3	1
Phần VI. Tiêu hóa Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương Bài 10. Suy dinh dưỡng Bài 11. Tiêu chảy cấp			3	3	3	3	1
Phần VII. Thận TN Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu Bài 13. Hội chứng thận hư			3	3	3	3	1
Phần VIII. Huyết học Bài 14. Hội chứng thiếu máu Bài 15. Hội chứng xuất huyết			3	3	3	3	1
Phần IX. Thần kinh Bài 16. Viêm màng não			3	3	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Nhi khoa Y học hiện đại là bộ phận của Học phần Nhi khoa Y học hiện đại, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y học cổ truyền đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bao gồm cách khám và phát hiện các triệu chứng bất thường, các xét nghiệm. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Cách làm bệnh án Nhi khoa	2	4	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo. Thực hành hỏi bệnh, thăm khám bệnh nhân. Làm bệnh án tại các khoa phòng. Chuẩn bị bệnh án thảo luận lâm sàng.
2. Hướng dẫn khám lâm sàng Nhi khoa	2	4	
3. Hướng dẫn đọc Xq tim phổi trẻ em	2	4	
4. Nhận biết và xử trí tình trạng trẻ bị bệnh nặng (co giật,...)	2	4	
5. Bình bệnh án viêm phổi trẻ em	2	4	
6. Bình bệnh án nhiễm trùng hô hấp cấp tính	2	4	
7. Bình bệnh án tiêu chảy cấp trẻ em	2	4	
8. Bình bệnh án viêm màng não mủ	2	4	
9. Bình bệnh án suy hô hấp trẻ em	2	4	
10. Bình bệnh án bệnh thận – tiết niệu (viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư,...)	2	4	
11. Bình bệnh án bệnh tim mạch (tim bẩm sinh,...)	2	4	
12. Bình bệnh án truyền nhiễm (thủy đậu, sởi, tay chân miệng,...).	2	4	
13. Bình bệnh án còi xương, suy dinh dưỡng	2	4	
14. Bình bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	2	4	
15. Bình bệnh án chăm sóc trẻ sơ sinh	2	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) “Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em”.

[2] Bộ Y Tế (2015) “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em”.

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) “Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa”.

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) “Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa”.

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) “Bài giảng nhi khoa”.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Cách làm bệnh án Nhi khoa	2				2	4
2	Hướng dẫn khám lâm sàng Nhi khoa	2				2	4

3	Hướng dẫn đọc Xq tim phổi trẻ em	2				2	4
4	Nhận biết và xử trí tình trạng trẻ bị bệnh nặng (co giật,...)	2				2	4
5	Bình bệnh án viêm phổi trẻ em	2				2	4
6	Bình bệnh án nhiễm trùng hô hấp cấp tính	2				2	4
7	Bình bệnh án tiêu chảy cấp trẻ em	2				2	4
8	Bình bệnh án viêm màng não mủ	2				2	4
9	Bình bệnh án suy hô hấp trẻ em	2				2	4
10	Bình bệnh án bệnh thận – tiết niệu (viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư,...)	2				2	4
11	Bình bệnh án bệnh tim mạch (tim bẩm sinh,...)	2				2	4
12	Bình bệnh án truyền nhiễm (thủy đậu, sởi, tay chân miệng,...).	2				2	4
13	Bình bệnh án còi xương, suy dinh dưỡng	2				2	4
14	Bình bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	2				2	4
15	Bình bệnh án chăm sóc trẻ sơ sinh	2				2	4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO3 đến CLO7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Dạy học bên giường bệnh: Đi buồng, điễm bệnh.

Dạy học ca bệnh dài. Thảo luận lâm sàng ca bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có phòng giảng được trang bị bảng phooc mica, bút dạ xóa được, máy đọc phim Xquang, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng (30 – 40 SV/tổ).

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên có mặt tại khoa thực tập đúng thời gian qui định, thực hiện đúng nội qui khoa phòng
- Sinh viên tham gia trực ít nhất 01 lần/tuần.
- Sinh viên nộp 01 bệnh án điều kiện vào thứ 6 cuối tuần cho giảng viên phụ trách.
- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng
- Sinh viên nghỉ học không phép, bỏ trực, không nộp đủ bệnh án điều kiện không được dự thi cuối kỳ và phải đăng ký học lại.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Chuyên cần:			
	Tham gia học và trực đầy đủ		Đạt/ không đạt	CLO 3 đến CLO7
	Tham gia trực đủ theo lịch trực		Đạt/ không đạt	
	Nộp bệnh án điều kiện đúng mẫu		Đạt/ không đạt	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Thi thực hành tại bệnh viện	100%	≥ 4	CLO3 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết LT: điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành TH: Điểm thi thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (điểm LT x 2 + điểm TH)/3

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT)
 Đối tượng đào tạo: YHCT trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Nhi khoa Y học hiện đại
- * Tiếng Anh: Pediatric
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Các môn học thuộc Kiến thức cơ sở của khối ngành và kiến thức cơ sở ngành
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 36 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CDR1] – [CDR2]	2-3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	3 -4.5
Kỹ năng			
MT4	<i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5
Thái độ			
MT5	- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm	[CDR14 – CDR17]	2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em. Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm,

	kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em CLO6: Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em. Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT 5: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc. Biết cách phối hợp làm việc nhóm	CLO7: Lập được kế hoạch học tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình học. Thực hiện được và phối hợp được với các bạn trong việc thảo luận. Biết cách tư vấn người nhà 1 số cách chăm sóc trẻ bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kì phát triển của trẻ em Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	3	3					1
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng			3	3	3	3	1
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh			3	3	3	3	1
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại và xử trí NTHHCT Bài 7. Viêm phổi			3	3	3	3	1
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh trẻ em			3	3	3	3	1
Phần VI. Tiêu hóa Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương Bài 10. Suy dinh dưỡng Bài 11. Tiêu chảy cấp			3	3	3	3	1
Phần VII. Thận TN Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu Bài 13. Hội chứng thận hư			3	3	3	3	1
Phần VIII. Huyết học Bài 14. Hội chứng thiếu máu Bài 15. Hội chứng xuất huyết			3	3	3	3	1
Phần IX. Thần kinh Bài 16. Viêm màng não			3	3	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kỳ phát triển của trẻ em 7. Đại cương 8. Thời kì sơ sinh 9. Thời kì bú mẹ 10. Thời kì răng sữa 11. Thời kì thiếu niên 12. Thời kì dậy thì Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ 8. Da, cơ 9. Hô hấp 10. Tim mạch 11. Tiêu hóa 12. Thận Tiết niệu 13. Thần kinh 14. Huyết học	1			1	1	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
	1			1	1	
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng 5. Đại cương 6. Đánh giá và xử trí ban đầu tình tổn thương hô hấp 7. Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương tim mạch 8. Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương thần kinh	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh 5. Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng- non tháng 6. Chăm sóc ngay sau đẻ 7. Chăm sóc sơ sinh đủ tháng 8. Chăm sóc sơ sinh non tháng Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh 4. Các đường lây nhiễm 5. Các yếu tố nguy cơ 6. Nhiễm trùng các cơ quan bộ	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 4. Phân loại NKHHCT	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

<p>5. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ</p> <p>6. Đánh giá, phân loại và xử trí NKHHCT</p> <p>Bài 7. Viêm phổi</p> <p>6. Định nghĩa, nguyên nhân</p> <p>7. Phân loại</p> <p>8. Triệu chứng</p> <p>9. Điều trị</p> <p>10. Phòng bệnh</p>	2			2	2	
<p>Phần V. Tim mạch</p> <p>Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ em</p> <p>4. Đại cương</p> <p>5. Phân loại</p> <p>6. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ</p>	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
<p>Phần VI. Tiêu hóa – Dinh dưỡng</p> <p>Bài 9. Còi xương</p> <p>5. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh</p> <p>6. Triệu chứng</p> <p>7. Điều trị</p> <p>8. Dự phòng</p> <p>Bài 10. Suy dinh dưỡng</p> <p>5. Định nghĩa</p> <p>6. Phân loại</p> <p>7. Điều trị</p> <p>8. Dự phòng</p> <p>Bài 11. Tiêu chảy cấp</p> <p>6. Đại cương</p> <p>7. Cơ chế bệnh sinh</p> <p>8. Triệu chứng</p> <p>9. Điều trị</p> <p>10. Dự phòng</p>	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
<p>Phần VII. Thận – Tiết niệu</p> <p>Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu</p> <p>6. Đại cương</p> <p>7. Cơ chế bệnh sinh</p> <p>8. Triệu chứng</p> <p>9. Điều trị</p> <p>10. Dự phòng</p> <p>Bài 13. Hội chứng thận hư</p> <p>6. Đại cương</p> <p>7. Cơ chế bệnh sinh</p> <p>8. Triệu chứng</p> <p>9. Điều trị</p> <p>10. Dự phòng</p>	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
<p>Phần VIII. Huyết học</p> <p>Bái 14. Hội chứng thiếu máu</p> <p>1. Định nghĩa</p>	4			4		Chấp hành nội qui học tập

2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Một số bệnh thiếu máu thường gặp ở trẻ Bài 15. Hội chứng xuất huyết 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Một số bệnh xuất huyết ở trẻ					4	Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IX. Thần kinh Bài 16. Viêm màng não 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2		2	2		Chấp hành nội quy học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) “Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em”.

[2] Bộ Y Tế (2015) “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em”.

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) “Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa”.

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) “Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa”.

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) “Bài giảng nhi khoa”.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Các thời kì phát triển trẻ em	2					4
	Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ						
	Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng	2					
2	Chăm sóc trẻ sơ sinh Nhiễm trùng sơ sinh	4					4
3	Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính Viêm phổi	4					4
4	Còi xương, suy dinh dưỡng	4					4
5	Tiêu chảy cấp Viêm màng não mủ	4					4
6	Hội chứng thận hư Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu	4					4
7	Hội chứng thiếu máu	2					4
	Hội chứng xuất huyết	2					2
8	Bệnh lý tim bẩm sinh ở trẻ em	2					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO7].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Chuyên cần: Không vắng quá 20% số buổi giảng lý thuyết	0	Đạt/ không đạt	CĐR ...
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Điểm đạt ≥ 4	CLO1 đến CLO 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành: Thi vấn đáp tại bệnh viện thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1 + Điểm lý thuyết x 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (THỰC HÀNH)**

Đối tượng đào tạo: bác sĩ y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Nhi khoa Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Pediatric
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học phần Y học cơ sở (Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh...) Học phần chuyên ngành: Y lý, Phương tế, Châm cứu, Phục hồi chức năng...
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	bsnganhiyhct@gmail.com
2	TS Trần Quang Minh	0912355774	Tranquangminh260878@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Nắm được đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT2	Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.	[CDR1] – [CDR2]	2-3
	Kỹ năng		
MT3	Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận dụng được vọng vấn vấn thiết trong thăm khám, biện chứng luận trị, chẩn đoán bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc và phòng bệnh một số bệnh thường gặp. Có kĩ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học.	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5
	Thái độ		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT4	Tích cực học hỏi, nghiêm túc trong học tập, tuân thủ nội quy của khoa phòng bệnh viện, nơi thực tập lâm sàng, tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật.	[CDR14 – CDR17]	2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT 1: Nắm được đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CLO1: Giải thích được các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT CLO2: Phân tích được các nội dung trong vọng, vấn, vấn, thiết nhi khoa YHCT.
MT2: Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD.	CLO3: Giải thích được chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD.
Kỹ năng	
MT3: Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận dụng được vọng vấn, vấn, vấn, thiết trong thăm khám, biện chứng luận trị, chẩn đoán bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc và phòng bệnh một số bệnh thường gặp. Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học.	CLO4: Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi. CLO5: Vận dụng được các kỹ năng vọng, vấn, vấn, thiết của YHCT để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, pháp điều trị một số bệnh thường gặp cho bệnh nhi. CLO6: Vận dụng được các kỹ năng dùng thuốc, không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc và phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em. CLO7: Có khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành.
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT4: Tích cực học hỏi, nghiêm túc trong học tập, tuân thủ nội quy của khoa phòng bệnh viện, nơi thực tập lâm sàng, tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật.	CLO8: Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun							
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT	3							
NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT	2	2	2					
CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT	2	3	3					
SUY DINH DƯỠNG	2	2	3	2	3	3	2	2
TIÊU CHẢY	2	2	3	2	3	3	2	2
VIÊM PHỔI	2	2	3	2	3	3	2	2
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRẺ BẠI NÃO	2	2	3	2	3	3	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Nhi khoa Y học cổ truyền là bộ phận của Học phần Nhi khoa Y học cổ truyền, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y học cổ truyền đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bao gồm cách khám tứ chẩn và phát hiện các triệu chứng bệnh lý. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em bằng y học cổ truyền.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1.Hướng dẫn làm bệnh án Nhi khoa YHCT	04	08	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo. Thực hành hỏi bệnh, thăm khám bệnh nhân và điều trị theo hướng dẫn của bác sĩ tại khoa phòng. Làm bệnh án tại các khoa phòng. Chuẩn bị bệnh án thảo luận lâm sàng.
2.Hướng dẫn khám tứ chẩn trẻ em	06	12	
3.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Suy dinh dưỡng	04	08	
4.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Tiêu chảy	04	08	
5.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Viêm phổi	04	08	
6.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Bại não	08	16	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi (2022), Giáo trình Nhi Khoa YHCT, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2011), Giáo trình Nhi khoa Y học cổ truyền, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2] Bộ môn nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Giáo trình Nhi khoa Y học hiện đại, tài liệu lưu hành nội bộ.

[3] Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

[4] Vũ Nam (2005), Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.

[5] Hải thượng lần ông Lê Hữu Trác (2012), Hải thượng y tông tâm lĩnh, Nhà xuất bản y học.

[6] Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Hướng dẫn làm bệnh án Nhi khoa YHCT	04				04	08
2	Hướng dẫn khám tứ chẩn trẻ em	06				06	12
3	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Suy dinh dưỡng	04				04	08
4	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Tiêu chảy	04				04	08
5	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Viêm phổi	04				04	08
6	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Bại não	08				08	16

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO3 đến CLO7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Day học bên giường bệnh: Đi buồng, điễm bệnh.

Dạy học ca bệnh dài. Thảo luận lâm sàng ca bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có phòng giảng được trang bị bảng phooc mica, bút dạ xóa được, máy đọc phim Xquang, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng (30 – 40 SV/tô).

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên có mặt tại khoa thực tập đúng thời gian qui định, thực hiện đúng nội qui khoa phòng
- Sinh viên tham gia trực ít nhất 01 lần/tuần.
- Sinh viên nộp 01 bệnh án điều kiện vào thứ 6 cuối tuần cho giảng viên phụ trách.
- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng
- Sinh viên nghỉ học không phép, bỏ trực, không nộp đủ bệnh án điều kiện không được dự thi cuối kỳ và phải đăng ký học lại.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Chuyên cần:			

	Tham gia học và trực đầy đủ		Đạt/ không đạt	CLO 3 đến CLO7
	Tham gia trực đủ theo lịch trực		Đạt/ không đạt	
	Nộp bệnh án điều kiện đúng mẫu		Đạt/ không đạt	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Thi thực hành tại bệnh viện	100%	≥ 4	CLO3 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết LT: điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành TH: Điểm thi thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (điểm LT x 2 + điểm TH)/3

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (Phần Lý thuyết)
 Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành: Y học cổ truyền
 Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Lão khoa Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHCT, ngoại YHCT, phụ sản YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Yên	0983159129	Bshongyen69@gmail.com
3	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsyphamvukhanh@yahoo.com
4	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com
5	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
6	Ths. Phùng Thùy Trang	0942215189	Thuytrang811@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CĐR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2]	3

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3

Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ - Trình bày được cơ sở lý luận của YHCT về Lão khoa
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa YHHĐ và YHCT
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T u â n	Giảng viên lên lớp (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)	
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận		Các hình thức khác
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành: Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lão khoa Y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHCT, ngoại YHCT, phụ sản YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Yên	0983159129	Bshongyen69@gmail.com
3	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsyphamvukhanh@yahoo.com
4	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com
5	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
6	Ths. Phùng Thùy Trang	0942215189	Thuytrang811@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CDR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CDR1], [CDR2]	3

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3

Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ - Trình bày được cơ sở lý luận của YHCT về Lão khoa
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa YHHĐ và YHCT
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T u ầ n	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
TIỀN LÂM SÀNG Y HỌC HIỆN ĐẠI

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Tiền lâm sàng

* Tiếng Anh: Preclinical modern medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 02

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu, hóa sinh, sinh lý, ký sinh trùng, vi sinh

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Nội – tổ YHHD, Bộ môn Nhi, Bộ môn Ngoại, Bộ môn Sản

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII.Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths.BSCKII.Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths.Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbe@gmail.com
5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yên	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	Ths. Nguyễn Ngọc Đăng	091635838	bsdang1988@gmail.com
8.	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
9.	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
10.	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com
11.	TS Nguyễn Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
12.	BSCKII Trần Quyết Thắng		
13.	Thạc sĩ Nguyễn Thành Trung		
14.	Thạc sĩ Đào Hồng Phượng		
15.	Thạc sĩ Nguyễn Thị Thu		
16.	Thạc sĩ Lê Văn Đạt		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	- Hiểu được các bước khám bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi khoa	CĐR1, CĐR6	3
Kỹ năng			
MT2	- Thực hiện được các kỹ năng khám nhi khoa: khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hội chứng thiếu máu, hội chứng xuất huyết	CĐR1, CĐR6	3
MT3	- Thực hiện được các kỹ năng khám nội khoa: khám toàn thân, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh	CĐR1, CĐR6	3
MT4	- Thực hiện được các kỹ năng khám bụng ngoại khoa	CĐR1, CĐR6	3
MT5	- Thực hiện được các kỹ năng khám thai, khám phụ khoa và khám vú	CĐR1, CĐR6	3
Thái độ			
MT6	- Thái độ cẩn thận, nghiêm túc trong thực hiện các kỹ năng	CĐR14, CĐR15	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được các bước khám bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi khoa	CLO1: Trình bày và giải thích được ý nghĩa các bước khám bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi khoa
Kỹ năng	
MT2: Thực hiện được kỹ năng khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hội chứng thiếu máu, hội chứng xuất huyết ở trẻ em	CLO2: Thực hiện được các kỹ năng khám nhi khoa: khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hội chứng thiếu máu, hội chứng xuất huyết
MT3: Thực hiện được các kỹ năng khám nội khoa: khám toàn thân, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh	CLO3: Thực hiện được các kỹ năng khám nội khoa: khám toàn thân, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh
MT4: Thực hiện được các kỹ năng khám bụng ngoại khoa	CLO4: Thực hiện được các kỹ năng khám bụng ngoại khoa

MT5: Thực hiện được các kỹ năng khám thai, khám phụ khoa và khám vú	CLO5: Thực hiện được các kỹ năng khám thai, khám phụ khoa và khám vú
Thái độ	
MT6: Thái độ cẩn thận, nghiêm túc trong thực hành	CLO6: Thái độ cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành các kỹ năng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung bài giảng	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Khám lâm sàng tim mạch	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng hô hấp	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng tiêu hóa	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng thận - tiết niệu	3	3	3	3	3	2
Khám Nội tiết , khám toàn thân	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng cơ xương khớp	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng thần kinh	3	3	3	3	3	2
Khám gãy xương	3	3	3	3	3	2
Khám bụng ngoại khoa	3	3	3	3	3	2
Khám thai	3	3	3	3	3	2
Khám phụ khoa	3	3	3	3	3	2
Khám vú	3	3	3	3	3	2
Cách bước khám bệnh Nhi khoa	3	3	3	3	3	2
Hướng dẫn khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh Nhi khoa	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Tiền lâm sàng Y học hiện đại là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thăm khám bệnh nhân được thực hiện trên mô hình và trên người bệnh đóng vai, để người học hiểu được cách thức thăm khám từ đó có thể vận dụng và thực hiện được kỹ năng thăm khám trên người bệnh cụ thể. Học phần tiền lâm sàng nội Y học hiện đại đã giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám cơ bản để từ đó vận dụng vào thăm khám lâm sàng trên người bệnh thực phục vụ cho sinh viên đi học các môn lâm sàng nói chung đặc biệt là lâm sàng Nội cơ sở Y học hiện đại, Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội bệnh lý Y học hiện đại, Ngoại bệnh lý, Sản phụ khoa Y học hiện đại, Nhi khoa Y học hiện đại.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khám lâm sàng tim mạch	4	4	- Chuẩn bị bài: Sinh viên đọc lý thuyết về nội dung bài học trước buổi học và chủ động ôn lại bài cũ
Khám lâm sàng hô hấp	4	4	
Khám lâm sàng tiêu hóa	4	4	

Khám lâm sàng thận - tiết niệu	4	4	- Tham gia học đầy đủ buổi học thực hành
Khám Nội tiết , khám toàn thân	4	4	
Khám lâm sàng cơ xương khớp	5	5	
Khám lâm sàng thần kinh	5	5	
Khám gãy xương	4	4	
Khám bụng ngoại khoa	6	6	
Khám thai	2	2	
Khám phụ khoa	2	2	
Khám vú	2	2	
Cách bước khám bệnh Nhi khoa	4	4	
Hướng dẫn khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh Nhi khoa	6	6	

8. Tài liệu học tập

Tài liệu chính (TLC):

- Trường Đại học Y Hà Nội (2021), “Giáo trình kỹ năng Y khoa”, Nhà Xuất bản Y học
- Bài giảng tiền lâm sàng nội, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Tài liệu lưu hành nội bộ
- Tài liệu phát tay
- Tài liệu tham khảo:
 - Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2020), Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
 - Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2020), Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
 - Bộ môn Ngoại (2021), Ngoại cơ sở, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1.	Khám lâm sàng tim mạch	4					4
2.	Khám lâm sàng hô hấp	4					4
3.	Khám lâm sàng tiêu hóa	4					4
4.	Khám lâm sàng thận - tiết niệu	4					4
5.	Khám Nội tiết , khám toàn thân	4					4
6.	Khám lâm sàng cơ xương khớp	5					5
7.	Khám lâm sàng thần kinh	5					5
8.	Khám bụng ngoại khoa	5					5
9.	Khám thai	2					2
10.	Khám phụ khoa	2					2
11.	Khám vú	2					2

12.	Cách bước khám bệnh Nhi khoa Hướng dẫn khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh Nhi khoa	5					5
-----	---	---	--	--	--	--	---

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Dạy học trên mô hình, bệnh nhân đóng vai. Thuyết trình tích cực hóa người học bằng phát vấn.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng Tiền Lâm sàng được trang bị máy chiếu Projector, mô hình trẻ em, thước dây, cân trẻ em, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành tại trung tâm tiền lâm sàng theo lịch. Tham gia đầy đủ 100% thời lượng chương trình học tập. Tập trung nghe giảng, không gây mất trật tự, tích cực xây dựng bài.
- Thực hiện kỹ năng thăm khám dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của trung tâm tiền lâm sàng.
- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế học, tham gia đầy đủ 100% thời gian học tiền lâm sàng.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Thi thực hành tại phòng Tiền lâm sàng	100%	≥ 4	CLO1 – CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Nội khoa
- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Ngoại khoa
- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Sản khoa
- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Nhi khoa
- Điểm kết thúc học phần = Điểm thi thực hành [Nội khoa + (Điểm thi thực hành Ngoại khoa + Điểm thi thực hành Sản khoa + Điểm thi thực hành Nhi khoa)/3]/2

BAN GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 20...
TRƯỞNG KHOA **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MODULE CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Trình độ đào tạo: Đại Học Ngành: Y Học Cổ Truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về Học Phần/ Module

- Tên học phần/ mô đun: Chẩn Đoán Hình Ảnh
- * Tiếng Việt: Chẩn Đoán Hình Ảnh
- * Tiếng Anh: Image Analysation
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 3116
- Số tín chỉ: 02 (LT: 01 / TH: 01)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Lâm sàng : 30 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:
 - + Kiểm tra: 05 tiết
 - + Thời gian tự học: 50 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành Y Học Cổ Truyền năm thứ 3
- Vị trí của Học Phần/ Module trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Điều kiện tham gia học phần:

- + Học phần tiên quyết:
- + Học phần học trước: Giải phẫu đại cương, Mô đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương.
- + Học phần song hành: Y học cơ sở, Hệ tim mạch, Hệ hô hấp, Hệ tiêu hóa, Hệ tiết niệu, Hệ Thần kinh, Hệ cơ xương khớp, Hệ nội tiết chuyển hóa, Hệ Sinh dục sinh sản và Giới tính, Nội Cơ sở, Ngoại cơ sở
- Đơn vị phụ trách Học phần/ Module: Bộ Môn Chẩn Đoán Hình Ảnh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	BSCKII. Phạm Văn Thương	0904196111	thuongtc@gmail.com
2.	Ths.BS. Quang Ngọc Khuê	0989432828	quangngockhue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	Kiến thức		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Trình bày được các chỉ định thông thường và các chỉ đặc biệt của phương pháp Chẩn Đoán Hình Ảnh để thăm khám bệnh lý của các cơ quan thuộc các hệ như Tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thận tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ sinh dục sinh sản và giới tính, hệ huyết học và miễn dịch, hệ nội tiết và chuyển hóa.	[CDR1], [CDR2], [CDR4] [CDR7], [CDR9], [CDR11]	3
Kỹ năng			
MT2	Vận dụng được Các phương pháp của Chẩn đoán hình ảnh để áp dụng chẩn đoán các bệnh của các hệ như trên, Và nhận biết được 1 số hình ảnh tổn thương đặc biệt của các hệ như trên bằng các Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	[CDR5] [CDR6]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc, xử trí nhanh, chính xác.	[CDR8], [CDR9]	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CDR10] [CDR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR).

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra 1 số chỉ định Chẩn Đoán Hình Ảnh để thăm khám bệnh lý của các cơ quan thuộc các hệ như Tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thận tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ sinh dục sinh sản và giới tính, hệ huyết học và miễn dịch, hệ nội tiết và chuyển hóa.	CLO1: Vận dụng kiến thức để đưa ra chỉ định chẩn đoán hình ảnh xác định CLO2: Quan sát được tổn thương trên tiêu bản Chẩn đoán hình ảnh. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.

dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của Học Phần/ Module (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của Học Phần/ Module (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO 1			1	1	1	1								1	1
CLO 2			1	1	1	1								1	1

6. Yêu cầu của Học Phần/ Module

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng Học Phần/ Module:

6.1.1. Lý thuyết: Bài giảng Chẩn Đoán Hình Ảnh (tài liệu lưu hành nội bộ)

Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện thực hành phù hợp

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	Loa, mic.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

Học Viên

- Sinh viên phải có tài liệu học tập (Bài giảng Chẩn Đoán Hình Ảnh)

Dự lớp học lý thuyết:

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập/ thực hành/ thảo luận:

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi lên lớp

- Tự học: Chủ động giờ tự học ở nhà

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Đạt kết quả theo yêu cầu 100% bài thảo luận (thực hành) và tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học. Sinh viên vắng quá 50% buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

- Phải tham dự thi kết thúc học phần

7. Mô tả chung Học Phần/ Module

- Học phần Chẩn Đoán Hình Ảnh rất quan trọng đối với sinh viên năm thứ 3 của chương trình đào tạo Y khoa. Học phần sẽ cung cấp góc nhìn tổng quát cho Sinh viên để có thể nắm vững được làm thế nào để chẩn đoán được 1 bệnh lý, dựa trên những triệu chứng lâm sàng đã có, từ đó đưa ra các Phương pháp Chẩn Đoán Hình Ảnh sao cho phù hợp để chẩn đoán đúng tình trạng của bệnh nhân.

- Giúp cho Sinh viên có 1 cách nhìn toàn diện về 1 bệnh, xuyên suốt từ triệu chứng bệnh, diễn biến lâm sàng, đưa ra chẩn đoán cận lâm sàng phù hợp để Chẩn đoán xác định được đúng bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy Học Phần/ Module, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra.

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
HỒ HẤP							
1.	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống hô hấp	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống hô hấp	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống hô hấp	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống hô hấp có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2			
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống hô hấp	1	-Vận dụng được thành thạo các chỉ định của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để áp dụng Chẩn đoán cho bệnh lý thuộc hệ thống hô hấp. -Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù	CLO 1 CLO 2			

			bệnh lý của hệ hô hấp như: Viêm phổi, Viêm phế quản, abces phổi, tràn dịch màng phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, ung thư phế quản nguyên phát, tràn khí màng phổi, suy hô hấp cấp, suy hô hấp mạn tính...				
TIM MẠCH							
2	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Tim mạch	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Tim mạch.	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Tim mạch	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Tim mạch có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2			
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Tim mạch	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ Tim mạch như: suy tim, tràn dịch màng ngoài tim, tràn dịch phổi, tràn dịch màng phổi, khối u trung thất...	CLO 1 CLO 2			
TIÊU HÓA							
3	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Tiêu hóa	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Tiêu hóa.	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Tiêu hóa	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Tiêu hóa có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2			
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Tiêu hóa	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ Tiêu hóa như: xuất huyết đường tiêu hóa cao, xuất huyết đường tiêu hóa thấp, xơ gan, ung thư gan, sỏi mật, viêm tụy cấp, viêm tụy mạn tính...	CLO 1 CLO 2			

THẬN TIẾT NIỆU						
4	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Thận tiết niệu	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Thận tiết niệu	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Thận tiết niệu	0.5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Thận tiết niệu có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2		
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Thận tiết niệu	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ Thận tiết niệu như: sỏi thận, sỏi đường tiết niệu, suy thận mạn tính, suy thận cấp tính, thận đa nang, viêm bàng quang...	CLO 1 CLO 2		
NỘI TIẾT CHUYÊN HÓA						
5	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Nội tiết	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Nội tiết	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Nội tiết	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Nội tiết có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2		
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Nội tiết	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống Nội tiết như: ung thư tuyến giáp, các bệnh chức năng tuyến giáp, suy tuyến thượng thận mạn tính, bệnh Basedow, hội chứng sheehan, u tủy thượng thận, Hội chứng Cushing...	CLO 1 CLO 2		

HUYẾT HỌC MIỄN DỊCH						
6	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống huyết học miễn dịch	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống huyết học.	CLO 1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống huyết học miễn dịch	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống huyết học có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2		
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống huyết học miễn dịch	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống huyết học như: bệnh đa u tủy xương, lách to, u lách, Bệnh u lympho ác tính, bệnh lách đa nang, Hạch lành và hạch ác tính...	CLO 1 CLO 2		
CƠ XƯƠNG KHỚP						
7	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống cơ xương khớp	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống cơ xương khớp	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống cơ xương khớp	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống cơ xương khớp có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2		
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống cơ xương khớp.	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống cơ xương khớp như: viêm cột sống dính khớp, thoái hóa cột sống thắt lưng, lao khớp, gãy cổ xương đùi, hoại tử chỏm xương đùi, gãy xương Protocol, gãy xương Dumechen...	CLO 1 CLO 2		

SINH DỤC SINH SẢN VÀ GIỚI TÍNH							
8	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính.	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính.	CLO 1 CLO 2			
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính.	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính.	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống sinh dục sinh sản như: lạc nội mạc tử cung, viêm phần phụ, buồng trứng đa nang, u xơ tử cung, u nang buồng trứng, tràn dịch màng tinh hoàn, ung thư tử cung, ung thư buồng trứng, ung thư tinh hoàn...	CLO 1 CLO 2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết /b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lưu ý đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Hô hấp trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4	Quan sát nhận định đúng tổn thương trên tiêu bản hoặc film chụp rõ ràng, chính xác.	CLO 1 CLO 2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.	Tham gia thảo luận và phân tích
2.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Tim mạch trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO 1 CLO 2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.	
3.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Tiêu hóa trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO 1 CLO 2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.	
4.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Thận tiết niệu trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO 1 CLO 2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.	
5.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan cơ xương khớp trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO 1 CLO 2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích	
6.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Nội tiết chuyển hóa trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO 1 CLO 2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích	
7.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Huyết học Miễn dịch trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO 1 CLO 2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích, thảo luận	

8.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Sinh dục sinh sản và giới tính trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO 1 CLO 2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích		
----	---	-----	--	----------------	--	--	--	--

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án; Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số...)).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần: Xét điều kiện được thi:

- Sinh viên phải tham gia số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá kiểm tra, tiểu luận

Rubric 6. Đánh giá bài kiểm tra, tiểu luận

Điểm/ câu	Câu1 (tự luận)	Câu 2 (tình huống)	Xếp loại theo tổng điểm của bài kiểm tra			
			Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
	3	1				

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm.

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	100%	Lý thuyết: Điểm thi tự luận				CLO1 CLO2	

Điểm thi kết thúc học phần lâm sàng	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc tiêu bản phim và trả lời câu hỏi.				CLO1 CLO2	
-------------------------------------	------	---	--	--	--	--------------	--

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm Học Phần/ Module

Điểm đánh giá kết thúc học phần = ĐTBMH= (Lý thuyết x 2 + Thực hành)/3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC):

1. Bài giảng chẩn đoán hình ảnh, Tài liệu lưu hành nội bộ, HVYDCTVN

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK):

1. Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông. Chẩn đoán hình ảnh, Nhà xuất bản giáo dục việt nam.
2. Bài giảng chẩn đoán hình ảnh, Trường đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản giáo dục.
3. Nguyễn Phước Bảo Quân, Siêu âm bụng tổng quát, Nhà xuất bản Y học.
4. Phạm Minh Thông, Siêu âm bụng tổng quát, Nhà xuất bản đại học Huế.
5. Phạm Ngọc Hoa, Bài giảng Chẩn đoán Xq, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh.
6. Võ Nguyễn Thành Nhân, Các phương pháp Chẩn đoán hình ảnh Cơ xương khớp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Bệnh học Cơ Xương khớp Nội khoa, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

BAN GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
TRƯỞNG KHOA **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔN TRUYỀN NHIỄM

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền: Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Truyền Nhiễm
- * Tiếng Việt: Truyền nhiễm
- * Tiếng Anh: Infectious
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 3 tuần
 - + Kiểm tra: (test+ hỏi thi lâm sàng)
 - + Thời gian tự học:
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Truyền nhiễm
 - + Học phần học trước: Sinh lý
 - + Học phần song hành: Sinh lý bệnh, miễn dịch
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền Nhiễm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Trần Thị Thu Hà	0904288514	Thuha1968bvtt@gmail.com
2	Đinh Thị Thúy Hà	0946887509	Bs.dinhha72@gmail.com
3	Lê Thị Phương Thảo	0904017479	Lethao.bvtt88@gmail.com
4	Trần Thanh Hà	0965607190	Hatran1090@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức về nguyên nhân, các yếu tố dịch tễ (đường lây, nguồn lây, mầm bệnh, cơ thể cảm thụ, phân bố dịch tễ..), triệu chứng của một số bệnh lý truyền nhiễm thường gặp trên lâm sàng, có kiến thức về chẩn đoán, điều trị, một số bệnh truyền nhiễm, dự phòng một số bệnh trong cộng đồng và nhận thức tầm quan trọng của môn Truyền Nhiễm trong thực hành lâm sàng. Biết phòng bệnh cho bản thân gia đình và cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nêu được nguyên nhân, các yếu tố dịch tễ, dự phòng thích hợp một số bệnh lý thường gặp.
CLO2	Nêu được các triệu chứng của một số bệnh truyền nhiễm
CLO3	Phân tích và chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm trên
CLO4	Có thể xử trí tham gia điều trị một số bệnh truyền nhiễm, phòng bệnh cho bản thân, gia đình, cộng đồng

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2	2				1	1										
CLO 2	2					1											
CLO 3	2					2											
CLO 4	2	2				1											

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu (màn hình led), loa, mic

6.1.2. Thực hành:

Thực tập tại các bệnh viện có khoa Truyền nhiễm

+ Sinh viên học thực hành tại 4 bệnh viện (BV Tuệ Tĩnh, BV ĐK Hà Đông, BV ĐK Đống Đa, BV YHCT TW)

+ Thời gian học : 03 tuần / 01 lớp

+ Kiểm tra: Yêu cầu 01 tuần sinh viên có 02 bệnh án điều kiện

+ Cuối đợt thực hành: 01 bài kiểm tra (hình thức: làm bệnh án+ hỏi thi trên bệnh nhân)

6.1.3. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi trong bài và thảo luận nhóm về các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh lý.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%, thực hành đạt 100%

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh Truyền Nhiễm: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các mức độ biểu hiện lâm sàng, chẩn đoán, dịch tễ cũng như khả năng lây nhiễm của bệnh truyền nhiễm, biết cách phòng bệnh cho bản thân và cộng đồng bị không bị lây nhiễm. Vận dụng kiến thức đã học để xác định chẩn đoán và sàng lọc một số bệnh lý thường gặp ở Việt Nam.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi 4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lựa chọn đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		
1	Đại cương	04 LT/	- Quá trình hình thành lịch sử môn truyền nhiễm	CLO1 , CLO2 , CLO3 CLO4	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận	Đọc giáo trình Truyền Nhiễm (lưu hành nội bộ) Nghe, trả lời câu hỏi và thảo luận			
2		04 LT/	- Một số các thuật ngữ, định nghĩa về bệnh truyền nhiễm - Các nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm - Tình hình bệnh truyền nhiễm trong nước và nước ngoài						
3	Các bệnh lý lây qua các đường - Hô hấp - Huyết học - Tiêu hóa - Da, Niêm mạc	04 LT/	- Phát hiện nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh lý thường gặp, đề xuất hướng dự phòng và điều trị thích hợp						
4		04 LT/	- Vận dụng kiến thức nhận định và mô tả được các tr/c của một số bệnh lý thường gặp, đối chiếu biểu hiện trên lâm sàng						
5		04 LT/	- Nhận thức được vai trò của công tác phòng chống dịch lây nhiễm						
6		04 LT/							

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi 3 tuần	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
	Thực hành lâm sàng tại bệnh viện		Biết khám và phát hiện triệu chứng Chẩn đoán, Điều trị, dự phòng Một số bệnh lý truyền nhiễm thông thường				Học trên bệnh nhân cụ thể tại bệnh viện		

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	số
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành vấn đáp

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	số
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Chẩn đoán bệnh nhân	Không thực hiện được chẩn đoán bệnh	Thực hiện được chẩn đoán chưa đầy đủ (đạt 30%) ý	Thực hiện được chẩn đoán được 30% - 50% ý	Thực hiện được chẩn đoán được 50% - 80% ý	Thực hiện được chẩn đoán được 80-100% ý	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	60%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết		Điểm chuyên cần		20	1		
		Điểm thi	01	50		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Trắc nghiệm trên máy tính
Thực hành		Điểm thi thực hành	01	30	2	CLO2, CLO3, CL04	Thi trên bệnh nhân

9.3. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm chuyên cần*, *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

$$TK = 0.2 CC + 0.3 TH + 0.5 Thi$$

10. Tài liệu học tập

1. Bài giảng bệnh truyền nhiễm – Đại học Y Hà Nội - Nhà xuất bản y học 2016
2. Bài giảng bệnh Truyền Nhiễm - Học viện Y Dược Học cổ Truyền Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

BAN GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 20...
TRƯỞNG KHOA **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

Đối tượng đào tạo: Đại học chính quy ngành Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Phục hồi chức năng
- * Tiếng Anh: Rehabilitation Chair
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5127/3
- Số tín chỉ: 03 (2LT,1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 5, học kỳ 10
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học Nội -Ngoại-Sản -Nhi- Thần kinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 28 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phục hồi chức

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	huychinhnnguyenvinh@gmail.com
2	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	bsthuyhoa@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	[CDR1]	4
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng	[CDR1] [CDR2]	4
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	[CDR1] [CDR2],[CDR6]	4
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội	[CDR1]	
MT5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	[CDR1] [CDR2],[CDR6]	

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CĐR [CĐR14] [CĐR16]	
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.	[CĐR14]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1	CLO1: Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	CLO 2: Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
MT3	CLO 3: Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	CLO 4: Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	CLO 5: Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
MT 6	CLO 6: Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	CLO 7 :Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	3	3	3	3	3	3	3
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	3	3	3	3	3	3	3
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	3	3	3	3	3	3	3
Vận động trị liệu HĐTL	3	3	3	3	3	3	3

Các phương thức PHCN							
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	3	3	3	3	3	3	3
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	04LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Đo tâm vận động khớp Thử cơ bằng tay	04LT		Khám, lượng giá được người bệnh
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	04LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Vận động trị liệu HDTL Các phương thức PHCN	04LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	04LT		Lượng giá được chức năng, nguyên tắc phục hồi theo từng giai đoạn bệnh lý. Thực hành khám được bệnh nhân
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	04LT		
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04LT		
Giải đáp thắc mắc	02TL		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2019) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phục hồi chức năng(2020) – Đại học Y Hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu				04	
	Đo tâm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật				04	
	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật				04	
2	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN				04	
	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não				04	
	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não				04	
3	PHCN tổn thương tủy sống				04	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

- Nghiên cứu tình huống x□ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □
- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDRđến CDR
 - Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR
 - Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...
 - Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...
- ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Bệnh viện thực hành có khoa Phục hồi chức năng.

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

(Lý thuyết^{x2}+ Thực hành)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/
mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm

2021
BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vinh Huy Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: MEDI 5127

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Phục hồi chức năng
- * Tiếng Anh: Rehabilitation Chair
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5127/3
- Số tín chỉ: 03(2LT,1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 5, học kỳ 10
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học Nội -Ngoại-Sản -Nhi- Thần kinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 0 tiết
 - + Thực hành: 26 tiết
 - + Bài tập: 2 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - + Kiểm tra: 4 tiết
 - + Thời gian tự học: 2 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phục hồi chức

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	huychinhnghuyenvinh@gmail.com
2	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	bsthuyhoa@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	[CĐR1]	4
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2]	4
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	4
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội	[CĐR1]	

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	
MT6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CĐR [CĐR14] [CĐR16]	
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.	[CĐR14]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1	CLO1: Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	CLO 2: Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
MT3	CLO 3: Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	CLO 4: Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	CLO 5: Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
MT 6	CLO 6: Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	CLO 7 :Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	3	3	3	3	3	3	3
Đo tâm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	3	3	3	3	3	3	3

Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	3	3	3	3	3	3	3
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	3	3	3	3	3	3	3
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	03TH		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Đo tâm vận động khớp Thử cơ bằng tay	08(5TH,3TL)		Khám, lượng giá được người bệnh
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	04TH		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	06(4TH,2TL)		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	08(4TH,4 TL)		Lượng giá được chức năng, nguyên tắc phục hồi theo từng giai đoạn bệnh lý. Thực hành khám được bệnh nhân
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	04TH	02	
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	06(2 TH,2 BT,2TL)		
Bốc bệnh án+ Hỏi thi	04KT		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2011) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1] Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng(2006)- Bộ môn Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng – Nhà xuất bản quân đội nhân dân.
 [2]Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh (2011)- Bộ y tế- Nhà xuất bản y học.
 [3] Giáo trình Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu(2005) – Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội- Nhà xuất bản Hà Nội
 [4] Lượng giá chức năng hệ vận động(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
 [5] Các phương thức điều trị bằng vật lý(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt nam
 [6] Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh (2011 (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
 [7] Vận động trị liệu (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu				04	
	Đo tâm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật				04	
	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật				04	
2	Vận động trị liệu HDTL Các phương thức PHCN				04	
	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não				04	
	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm				04	

	PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não					
3	PHCN tổn thương tủy sống				04	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng, đóng vai.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Bệnh viện thực hành có khoa Phục hồi chức năng

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài.

Sinh viên vắng 1 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Bài thực hành	4 bệnh án	Bệnh án điều kiện	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Lâm sàng (vấn đáp)	≥4		

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vinh Huy Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH
 Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Thần kinh.
- * Tiếng Việt: Thần kinh.
- * Tiếng Anh: Nervous
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 (LT:1/ TH:1)
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: nội bệnh lý, ngoại bệnh lý
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 11 tiết
 - + Bài tập: 2 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - + Kiểm tra: 4 tiết
 - + Thời gian tự học: 15 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHĐ- BM NỘI

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du	0912337842	Bsnguyendu65@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức: 1. Mô tả được một số triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng thần kinh thường gặp.		3-3,5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	2. Biết cách chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp 3. Biết cách xử trí, điều trị dự phòng một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.		
	Kỹ năng 4. Thực hiện được cách khám để phát hiện một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp. 5. Vận dụng xử trí một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp		3,5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm 6. Biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. 7. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh...		3,5

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1:	CDR1: Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của: hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, phân biệt liệt trung ương và liệt ngoại vi
MT2	Biết chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt: hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
MT3	Biết cách xử trí, điều trị dự phòng bệnh nhân: liệt nửa người, liệt hai chân, đau thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
Kỹ năng	
MT4:	CDR4: Thực hiện được cách khám để phát hiện: bệnh nhân liệt nửa người, liệt hai chân, đau thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
MT5	CDR5: Vận dụng thực hành xử trí ban đầu và điều trị tại bệnh viện
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT6	CĐR6: Biết cách tiếp xúc với bệnh nhân: giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị.
MT7	CĐR7: Tự chịu trách nhiệm về kết quả khám, chẩn đoán bệnh, không đổ lỗi cho người khác. Trung thực khi đánh giá kết quả khám bệnh, chữa bệnh....

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1		3		3			
Nội dung 2			3				
Nội dung 3					3		
Nội dung 4					3		
Nội dung 5						3	3
Nội dung 6				2	3		
Nội dung 7				2	3		

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Có vị trí , vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ . Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg...). Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu não,... Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người.

Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,...), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gợi,...đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,... Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, diếc thần kinh, các chứng đau, Parkinson,...đang hứa hẹn triển vọng tốt.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. Đại cương các hội chứng liệt: 1.Giải phẫu- Chức năng đường vận động chủ động. 2. Hội chứng vận động trung ương, ngoại vi (vị trí tổn thương, triệu chứng: vận động, cảm giác, phản xạ,...). 3. Chẩn đoán định khu: vỏ não, bao trong, thân não, tủy sống,... II. Hội chứng liệt nửa người 1.Đại cương: định nghĩa, ...	3,5	0	0,5	4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

<p>2. Nguyên nhân(chấn thương sọ não, tủy cổ, tai biến mạch máu não,...)</p> <p>3. Triệu chứng: lâm sàng (bệnh nhân: hôn mê, tỉnh), cận lâm sàng (phim chụp CLVT, MRI,...)</p> <p>Chẩn đoán định khu liệt nửa người (ở vỏ não, bao trong, thân não, tủy sống).</p> <p>5. Chẩn đoán phân biệt (rối loạn phân ly, h/c Parkinson, liệt Todd, mất nhận thức nửa thân)</p>							
<p>I.Hội chứng liệt hai chân</p> <p>1. Đại cương: định nghĩa...</p> <p>2. Nguyên nhân (do tổn thương trung ương và ngoại vi)</p> <p>3.Triệu chứng: lâm sàng (liệt cứng, liệt mềm, diễn biến), cận lâm sàng (giúp tìm nguyên nhân)</p> <p>4.Chẩn đoán liệt hai chân (thực thể hay chức năng, liệt trung ương hay ngoại vi, vị trí tổn thương).</p> <p>5.Điều trị: nguyên tắc, đ. trị cụ thể</p> <p>II. Hội chứng đau thắt lưng hông</p> <p>1.Đại cương.</p> <p>2.Giải phẫu-Chức năng dây thần kinh hông to.</p> <p>3.Các nguyên nhân thường gặp của đau TLH (TVĐ.đệm, chấn thương, ung thư, thoái hóa...).</p> <p>4.Triệu chứng: hỏi bệnh và khám lâm sàng(hỏi vị trí, đặc điểm của đau, khám cột sống và các rễ thần kinh...). Cận LS(X-quang thường qui, MRI, CT-Scan, EMG, sinh hóa- tế bào,...).</p> <p>5.Chẩn đoán (xác định, phân biệt).</p> <p>6.Điều trị (nguyên nhân, triệu chứng, PHCN,...)</p>	3,5	0	0,5		4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
<p>I. Liệt mặt</p> <p>1.Đại cương.</p> <p>2.Giải phẫu, chức năng dây thần kinh VII.</p> <p>3.Nguyên nhân (liệt VII: trung ương, ngoại vi).</p> <p>4.Triệu chứng: lâm sàng (liệt VII trung ương, ngoại vi), cận lâm sàng.</p> <p>5.Chẩn đoán (xác định, phân biệt).</p> <p>6.Điều trị (nguyên nhân, triệu chứng, PHCN,...)</p>	3,5	0	0,5		4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

<p>II. Động kinh</p> <p>1.Đại cương.</p> <p>2.Sinh lý bệnh.</p> <p>3.Phân loại.</p> <p>4.Nguyên nhân (chấn thương sọ não, u não, bệnh lý mạch máu não,...).</p> <p>5.Triệu chứng lâm sàng (con co cứng-co giật, cơn vắng ý thức, cơn động kinh thùy thái dương,...)</p> <p>6.Chẩn đoán (xác định, phân biệt).</p> <p>7.Điều trị (nguyên tắc chung, điều trị trạng thái động kinh,...)</p> <p>8.Tiên lượng và phòng bệnh</p>							
<p>Tai biến mạch máu não</p> <p>1.Đại cương.</p> <p>2.Định nghĩa và phân loại.</p> <p>3.Giải phẫu-Sinh lý hệ thống tuần hoàn não (hệ thống động mạch cảnh trong, động mạch đốt sống thân nền,...). Sinh lý tuần hoàn não (điều hòa tuần hoàn,..)</p> <p>4.Nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ và cơ chế bệnh sinh của TBMMN.</p> <p>5.Triệu chứng: lâm sàng (TBMMN thoáng qua, nhồi máu não, chảy máu não), cận lâm sàng (phim CLVT, MRI, siêu âm Doppler...).</p> <p>6.Chẩn đoán (dựa vào định nghĩa TBMMN, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, phân biệt nhồi máu não và chảy máu não).</p> <p>7.Điều trị (nguyên tắc, điều trị cụ thể, dự phòng, phục hồi chức năng...).</p>	2,5	0	0,5		3	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Bài giảng nội thần kinh do BM biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Tiếng việt

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.

5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.

6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học* tập II, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.
7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016
8. . Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học*- Tập I, II, III, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
10. Trương D, Lê Đức Hình, Nguyễn Thị Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.
11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.
12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú.*

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.
2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.
3. Harrison's., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.
4. Merritt's., *Texbook of Neurology*. 2000.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	7	0,5	0,5	0,5		12
2	6	0,5	0,5	0,5		12
3						
.....						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 6

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 7

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 7

✓ **Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....**

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. *Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:*

Có phòng giảng đủ chỗ cho sinh viên ngồi, có phân bảng, máy chiếu, mạng wifi

11.2. *Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
 - ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
 - ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
 - ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.
- ✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR:1-7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...			CĐR:1 đến CĐR:7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Du

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH (lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Thần kinh
- * Tiếng Việt: Thần kinh
- * Tiếng Anh: Nervous
- Mã học phần:
- Số tín chỉ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Học phần tiên quyết: nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHĐ- BMN

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du	0912337842	bsnguyendu65@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Trần Thị Thủy	0985232035	thuytrandocor153@gmail.com
3	Thạc sỹ- Bác sỹ Trần Văn Phong	0988262648	bsphongbv198@gmail.com
4	Thạc sỹ- Bác sỹ Đỗ Thị Yến	0983419584	bs.yen198@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức 1. Mô tả được một số triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng thần kinh thường gặp. 2. Biết cách lập luận chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp 3. Biết cách xử trí, điều trị dự phòng một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.		3-3,5
	Kỹ năng 4. Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của bệnh thần kinh		3,5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	5. Khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp 6. Biết thực hành cách xử trí, điều trị một số bệnh nhân thần kinh thường gặp.		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm 7. Biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh...		4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
MT1:	CDR1: Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT2	CDR2: Biết lập luận chẩn đoán hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT3:	CDR: Biết xử trí bệnh nhân: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT4	CDR: Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT5	CDR5: Khám phát hiện các triệu chứng: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT6	CDR6: Biết xử trí bệnh nhân: có hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt

	mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não.
MT7	CĐR7: Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh bệnh nhân đó

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1		3		3	3		
Nội dung 2			3			3	
Nội dung 3						3	2
Nội dung 4		3			2		2
Nội dung 5		3				2	2
Nội dung 6							3
Nội dung 7				3	3	3	

6. Mô tả học phần lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Học phần lâm sàng có vị trí quan trọng và giữ vai trò quyết định năng lực chuyên môn của bác sỹ. Nội dung bao gồm khám phát hiện các triệu chứng thần kinh (lâm sàng và cận lâm sàng) của các bệnh thần kinh hay gặp từ đó đưa ra chẩn đoán và cách xử trí cụ thể: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não. Sơ bộ biết đọc kết quả từ phim chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ (sọ não, tủy sống) điện não, điện cơ, dịch não tủy, cũng như các xn máu, nước tiểu thường qui.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khám vận động, cảm giác, phản xạ, thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị hội chứng thắt lưng hông	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân liệt mặt	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị 12 đôi dây thần kinh sọ não	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm

Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có hội chứng màng não, tiền đình	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hôn mê	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Hướng dẫn đọc kết quả cận Ls trong bệnh TK	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.
Giáo trình khám thần kinh do BM biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Tiếng việt

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001
2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001
3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.
5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.
6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học* tập II, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.
7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016
8. . Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học- Tập I, II, III*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
10. Trương D, Lê Đức Hình, Nguyễn Thị Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.
11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.
12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú*.

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.
2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.
3. Harrison's., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.
4. Merritt's., *Texbook of Neurology*. 2000.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	20	2				20
2	20	2				20
3						
.....						

10. Các phương pháp giảng dạy và học lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Trước khi đi học lâm sàng sv tập khám trên người đóng vai bệnh nhân. Tại buồng bệnh gv khám bệnh nhân, sv quan sát kỹ. Gv cho sv khám dưới sự hướng dẫn của mình, uốn nắn sai sót của sv. Hướng dẫn đọc kết quả cận lâm sàng của bệnh nhân. Cùng lập luận chẩn đoán và đưa hướng xử trí.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành lâm sàng:

SV phải được học ở bệnh viện có bệnh nhân thần kinh, đủ mặt bệnh thần kinh cũng như có các xn chuyên khoa thần kinh.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ, trong quá trình học phải khám bệnh nhân (theo chỉ tiêu lâm sàng), tham gia trực đầy đủ, có báo trực hàng ngày, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân. Yêu cầu gv hướng dẫn khám lại nếu như không khám đúng. Thảo luận nhóm, bình bệnh án khi có bệnh nhân khó...

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CDR1 đến CDR 7

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Anh: Resuscitation

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 3 (LT: 02 / TH: 01).

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ YHCT năm thứ 5.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Dược, Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
3.	Trần Văn Phú	0948588088	drtranvanphu@yahoo.com
4.	Bùi Nam Phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
5.	Nguyễn Thế Anh	0988555929	theanhstc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	CDR 1, CDR 6, CDR 7, CDR 17	4
MT2	Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	CDR 1, CDR 6, CDR 7, CDR 17	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT3	Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	CDR 1, CDR 6, CDR 7, CDR 17	4
MT4	Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.	CDR 1, CDR 6, CDR 7, CDR 17	4
MT5	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CDR 1, CDR 6, CDR 7, CDR 17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.
MT2: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.
MT3: Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).
MT4: Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.	Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.
MT5: Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CĐR1	CĐR..	CĐR6	CĐR7	CĐR14	CĐR...
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3		3	3	3	
Cơn tăng huyết áp	3		3	3	3	
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3		3	3	3	
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	3		3	3	3	
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	3		3	3	3	
Ngộ độc cấp	3		3	3	3	
Phù phổi cấp	3		3	3	3	
Ngừng tuần hoàn	3		3	3	3	
Suy hô hấp cấp	3		3	3	3	
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	3		3	3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp..

Học phần này làm nổi bật các CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Chương/ phần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	TH	BT/T L/KT		Tổng cộng		
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04				04	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2], [3]	
2.	Cơn tăng huyết áp	02				02		
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03				03		
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04				04		
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04				04		
6.	Ngộ độc cấp	02				02		
7.	Phù phổi cấp	03				03		
8.	Ngừng tuần hoàn	02				02		
9.	Suy hô hấp cấp	02				02		
10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04				04		

8. Tài liệu học tập

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Hồi sức cấp cứu, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
2. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1

3. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 2

4. Vũ Văn Đỉnh (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04					04
2.	Con tăng huyết áp	02					02
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03					03
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04					04
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04					04
6.	Ngộ độc cấp	02					02
7.	Phù phổi cấp	03					03
8.	Ngừng tuần hoàn	02					02
9.	Suy hô hấp cấp	02					02
10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04					04

1. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình:			
	Xét điều kiện được thi		Tham gia học lý thuyết tối thiểu đạt 80 %;	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17
0.92	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1 + Điểm lý thuyết X 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Việt: Lâm sàng Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Anh: Clinical Resuscitation.

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 3.0 (2/1.0)

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ YHCT năm thứ 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Dược, Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
6.	Trần Văn Phú	0948588088	drtranvanphu@yahoo.com
7.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	CDR 1, 6, 14	5
MT2	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	CDR 1, 6, 14	5
MT3	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	CDR 1, 6, 14	4
MT4	Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	CDR 1, 6, 14	5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT5	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	CDR 1, 6, 14	4
MT6	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CDR 1, 6, 14	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức
Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức
Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.
Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.
Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.
Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

							cứu (giờ)
Thứ tự giảng tùy thuộc vào lịch của khoa phòng tại bệnh viện thực hành	Khó thở cấp	04					04
	Đau ngực cấp ở người lớn	04					04
	Rối loạn ý thức và hôn mê	04					04
	Đau bụng cấp	04					04
	Rối loạn nhịp tim và huyết động	04					04
	Xuất huyết tiêu hóa	04					04
	Ngộ độc cấp	04					04
	Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ	04					04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 6, CDR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CDR 1 và CDR 6

Học tập thảo luận đạt CDR 1 và CDR 6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CDR 1 và CDR 6, CDR14

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và định hướng điều trị và một số xử trí cấp cứu.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.

- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.

- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:

+ Ngày thường: Nhận trực lúc **16h30** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)

+ Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).

+ Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN

+ Mỗi nhóm sinh viên có một **Sổ theo dõi trực lâm sàng**. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực

- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.

- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR1, CĐR 6, CĐR 14.

BAN GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 20...
TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Nghiên cứu khoa học.
- * Tiếng Việt: Nghiên cứu khoa học.
- * Tiếng Anh: Basic Medical Research Methodology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30. tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 6 tiết
 - + Bài tập: 30 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 .tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 40 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sỹ. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sỹ Bằng Thị Hoài	0945989989	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	bsvantai@gmail.com
5	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0369203688	bshytcca@gmail.com
6	Thạc sỹ. Đỗ Văn Pha	0963836058	dopha2005@gmail.com
7	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu Trình bày được các khái niệm về mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu. - Nêu được các nội dung kiến thức về thu thập, xử lý, trình bày số liệu. - Trình bày được các bước của một đề cương nghiên cứu. - Trình bày được cấu trúc của đề cương nghiên cứu khoa học và cách viết bài báo khoa học 	CĐR1, CĐR2, CĐR3 CĐR BSYHCT	4
G2	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng thiết kế nghiên cứu. - Tính được cỡ mẫu, chọn mẫu đối với từng thiết kế nghiên cứu. - xây dựng biến số và chỉ số nghiên cứu - Xây dựng công cụ thu thập thông tin - Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học. 	CĐR8, CĐR11 CĐR BSYHCT	4
G3	<ul style="list-style-type: none"> Rèn luyện phẩm chất say mê trong nghiên cứu. Trung thực trong nghiên cứu. Trách nhiệm về các thông tin trong nghiên cứu. Xây dựng được đạo đức, tác phong tốt trong nghiên cứu khoa học. 	CĐR14 CĐR15 CĐR17 CĐR BSYHCT	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học y sinh, bệnh học và điều trị y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại trong khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe Xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học về y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại trên cơ sở y học bằng chứng và đạo đức nghiên cứu	CĐR1, CĐR2, CĐR3 CĐR BSYHCT
Kỹ năng	
MT2: Thực hiện được một số hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hành nghề nghiệp	CĐR8, CĐR11 CĐR BSYHCT
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tính sáng tạo trong môi trường đa dạng; chịu	CĐR14 CĐR15

Bài 1: Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu:	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 2: Lựa chọn vấn đề ưu tiên, phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 3: Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 4: Chọn mẫu, cỡ mẫu trong nghiên cứu	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 5: Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin Mục tiêu bài học	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 6: Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học	2						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 7: Hướng dẫn chung về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	2						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 8: Hướng dẫn trình bày đề cương nghiên cứu khoa học	2						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học cơ bản (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băng Tường và cộng sự (1998), “Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.
2. Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng (2013), Trường đại học Y Hà Nội
3. Tổ chức Y tế Thế giới (2003), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe, nhà xuất bản Y học
4. Trương Việt Dũng (2017); phương pháp nghiên cứu y học lâm sàng, Nhà xuất bản Y học
5. Lưu Ngọc Hoạt (2017); Phương pháp thống kê sinh y học, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu:	4	0	0	0	-	-
2	Lựa chọn vấn đề ưu tiên, phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3	-	-	-	-	-

3	Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu	4	-	0	-	-	
4	Chọn mẫu, cỡ mẫu trong nghiên cứu	4	0	0	0	-	-
5	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin Mục tiêu bài học	4	0	0	0	-	-
6	Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học	2	0	0	0	-	-
7	Hướng dẫn chung về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	2					
8	Hướng dẫn trình bày đề cương nghiên cứu khoa học	2					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ **Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....**

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14
	Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CĐR7, CĐR12
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	70%	Bộ câu hỏi của bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN Y HỌC GIA ĐÌNH

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Y học gia đình.
- * Tiếng Việt: Y học gia đình.
- * Tiếng Anh: Family medicine
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 (0.2 LT/0.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phải học trước môn: Giải phẫu- giải phẫu bệnh; Sinh lý- Sinh lý bệnh; Sinh hóa; Nội; ngoại; sản; nhi cơ sở
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	096371071	Minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm	0971021972	Tranthiminhtam12@gmail.com
4	PGS.TS. Trần Thị Hồng Phương	0945989989	Hongphuong_ma@yahoo.com
5	Đình Văn Tài	0912373999	bsvatai@gmail.com
6	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	Nguyen thanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	Kiến thức Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các nguyên lý YHGD trong khám chữa bệnh tại các phòng khám chuyên khoa YHGD	CDR2, CDR5	
G2	Kỹ năng Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng đúng một số bệnh thường gặp tại phòng khám ngoại trú. Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình. Thực hành bệnh án ngoại trú theo nguyên lý YHGD.	CDR7, CDR12	
G3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm Cảm thông nỗi lo âu của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân khi mắc bệnh. Nhận thức được sự cần thiết trong việc thiết lập mối quan hệ bác sĩ gia đình và bệnh nhân	CDR14	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: - Trình bày được khái niệm, nguyên lý vị trí và vai trò của Y học gia đình trong hệ thống Y tế. - Trình bày được khái niệm, ứng dụng một số công cụ đánh giá gia đình trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.	CLO1: Giải thích được sự tác động của môi trường đến sức khỏe con người, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng để duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp YHCT kết hợp y học hiện đại
- Trình bày được các nguyên lý Y học gia đình và các chiến lược tư vấn sức khỏe và khái niệm vòng đời người, vòng đời gia đình và các vấn đề sức khỏe ưu tiên, các cách chăm sóc quản lý Y tế cần quan tâm trong từng giai đoạn của vòng đời người, vòng đời gia đình	CLO2: có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, giám sát, điều hành và đánh giá các quá trình trong hoạt động chăm sóc sức khỏe phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu thực tiễn
Kỹ năng	

MT2: Biết cách vận dụng các công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình vào chăm sóc ban đầu, tổng quát, toàn diện, liên tục trong hành nghề y học gia đình của Bác sĩ gia đình trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam.	CLO3: Thực hiện được kỹ năng truyền thông- giáo dục sức khỏe để bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân. Xác định được vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất sớm các biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng
Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình; Áp dụng kiến thức về vòng đời người và vòng đời gia đình vào trong công tác chăm sóc sức khỏe theo định hướng Y học gia đình.	CLO4: Truyền đạt được các vấn đề, giải pháp liên quan đến chuyên môn tới người bệnh, đồng nghiệp, đối tác...tại nơi công tác, chuyển tải phổ biến được kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong việc thực hiện dự phòng bệnh
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO5: Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	1	2	3	4	5
Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	3	3	3	3	3
Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	3	3	3	3	3
Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật	3	3	3	3	3
Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	3	3	3	3	3
Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	3	3	3	3	3
Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	3	3	3	3	3
Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân	3	3	3	3	3

miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, đại, viêm gan B					
Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	3	3	3	3	3
Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	3	3	3	3	3
Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	2	0	0		2		Nắm được các khái niệm cơ bản về Y học gia đình
Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	2	0	0		2		Ứng dụng nguyên tắc mọi thành phần trong xã hội được quyền tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng tốt; Thực hành nghề y trong phạm vi chuyên môn được cấp phép, tuân thủ các qui định nghề nghiệp và phù hợp với điều kiện sức khỏe
Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật	4	0	0		4		Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người với sức khỏe, bệnh tật và áp dụng vào trong chăm sóc sức khỏe

Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	4	0	0		4	Quan điểm và định hướng phát triển mô hình Bác sĩ gia đình Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe trong YHGĐ
Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe	4	0	0		4	Mô tả được cách phân loại các cấp độ chăm sóc dự phòng và nội dung chăm sóc của từng cấp
Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	4	0	0		4	Phân tích được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe Trình bày được nguyên tắc và nội dung quản lý một số yếu tố nguy cơ
Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	2	0	0		2	Hiểu được vai trò, ý nghĩa của sàng lọc trong phát hiện sớm bệnh (8,25,26,34,35,36) Mô tả phương pháp sàng lọc 4 mặt bệnh thường gặp nhất tại địa phương. (8,25,26,34,35,36)
Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe	1	0	0		1	Xác định được nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe (8,10,11,21,22,25,26,27,28,31,32,34,35,36)
Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	2	0	0		2	Lập được kế hoạch và thực hiện được hoạt động tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (8,10,11,21,22,25,26,27,28,31,32)
Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	1	0	0		1	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ (20,21,22,26,27,28,30,34,35,36,45,46,47,48,49,50)

Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, đại, viêm gan B	3	0	0		3	Chẩn đoán – điều trị và tư vấn dự phòng đối với một số bệnh truyền nhiễm có tần suất mắc cao trong cộng đồng (34,35,36,37,38,39)
Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	1	0	0		1	Trình bày lịch chủng ngừa và các yếu tố cần chú ý khi sử dụng vaccin - chủng ngừa Thực hành tiêm chủng an toàn
Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	4	0	0		4	Trình bày được các nguyên tắc và nội dung quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng* Áp dụng các nguyên lý của YHGD trong quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng * tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn
Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	02	02	0		2	Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu tổng hợp hướng dẫn lý thuyết, thực hành Y học gia đình (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Giáo trình Y học gia đình - Bộ môn Y học gia đình - Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
2. Nguyễn Xuân Trung Dũng. Bộ môn Y học gia đình, Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, *Bệnh án Y học gia đình*.
3. Asia Pacific Family Medicine, 2011. Family resources study: part 1.
<http://www.apfmj.com/content/10/1/14.uptodate> 01.7.2012.
4. <https://sites.google.com/site/ykhoapnt2008a/3-tong-hop-download-tai-lieu-1/y5-2012--2013>

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	2	0	0	0	0	0
1	Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	2	0	0	0	0	0
1	Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật	4	0	0	0	0	0
1	Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	4	0	0	0	0	0
1	Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe	4	0	0	0	0	0
1	Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	4	0	0	0	0	0
1	Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	2	0	0	0	0	0
2	Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe	1	0	0	0	0	0
2	Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	2	0	0	0	0	0
2	Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	1	0	0	0	0	0
2	Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, đại, viêm gan B	3	0	0	0	0	0
2	Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	1	0	0	0	0	0
2	Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng	4	0	0	0	0	0

	đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)						
2	Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	2	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

✓ **Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....**

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14
	Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	70%	Bộ câu hỏi của bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA-TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Chương trình Y tế quốc gia – Tổ chức quản lý Y tế.
- * Tiếng Việt: Chương trình Y tế quốc gia- Tổ chức quản lý Y tế.
- * Tiếng Anh: national health programs.
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2,0
- Đối tượng học (năm thứ): năm 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
 - + Bài tập: 0tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Luru Minh Châu		minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sĩ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sĩ Lương Thị Thu Hà	0945989989	bshaytcc@gmail.com
4	Thạc sĩ Bằng Thị Hoài	0912373999	thuhoaiytcc@gmail.com
5	Thạc sĩ Đinh Văn Tài	0369203688	bsvawtai@gmail.com
6	Thạc sĩ Mai Thị Hương	0963836058	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khỏe hiện nay và khái niệm về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe, nội dung nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế. - Giới thiệu cho sinh viên về nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh, phòng bệnh và các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế 	CĐR5	3
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế. - Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế 	CĐR7, CĐR12	3
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân. 	CĐR16, CĐR17	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khỏe hiện nay và khái niệm về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe, nội dung nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế. - Giới thiệu cho sinh viên về nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh, phòng bệnh và các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế 	CLO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khỏe hiện nay và khái niệm về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe, nội dung nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế.
Kỹ năng	
MT2: <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế. 	CLO2: - Có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế.

- Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế	- Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân.	CLO3: Hiểu tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)		
	1	2	3
Bài 1: Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	3	3	3
Bài 2: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	3	3	3
Bài 3: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	3	3	3
Bài 4: Lập kế hoạch y tế Quản lý nhân lực y tế Điều hành và giám sát hoạt động y tế Quản lý tài chính và vật tư y tế	3	3	3
Bài 5: Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới	3	3	3
Bài 6: Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam	3	3	3
Bài 7: Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030	3	3	3

Bài 8: - Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 - Chương trình phòng chống sốt xuất huyết- Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng	3	3	3
--	---	---	---

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm và nguyên lý cơ bản, mục tiêu, giải pháp và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu y tế.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT	Tổng cộng		
Bài 1: Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	2	0	0	2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 2: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	0	0	2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	4	0	0	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 4: Lập kế hoạch y tế	4	0	0	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Quản lý nhân lực y tế	4	0	0	3		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện,

						trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Điều hành và giám sát hoạt động y tế						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Quản lý tài chính và vật tư y tế						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
-Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia -Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 - Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
- Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 - Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
- Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030						
- Chương trình phòng chống sốt xuất huyết - Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập chính:

Giáo trình Hướng dẫn học phần Chương trình mục tiêu Y tế Quốc Gia (Nhà xuất bản Y học), 2017.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, Chương trình y tế Quốc gia , Nhà xuất bản Y học, năm 2007.

2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Viện Đào tạo Y học dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội, giáo trình Quản lý và Tổ chức y tế, năm 2012.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	2					
2	Bài 2: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2					
3	Bài 3: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	4					
4	Bài 4: Lập kế hoạch y tế Quản lý nhân lực y tế Điều hành và giám sát hoạt động y tế Quản lý tài chính và vật tư y tế	4					
	Bài 5: Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030	4					

	Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới						
	Bài 6: Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam	4					
	Bài 7: Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030	4					
	Bài 8: - Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 - Chương trình phòng chống sốt xuất huyết- Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai x Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

✓ **Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....**

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %	CĐR14
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	10/10		CĐR 2 CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG**

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Thực tập cộng đồng
- * Tiếng Việt: Thực tập cộng đồng
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (1 LT/02 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: 2 năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phải học trước môn: Giải phẫu- giải phẫu bệnh; Sinh lý- Sinh lý bệnh; Sinh hóa; Nội; ngoại; sản; nhi cơ sở
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: 3 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 3 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	096371071	minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	bsvatai@gmail.com
4	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
5	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com
6	Thạc sỹ Bằng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	Kiến thức - Trình bày được khái niệm về cộng đồng.	CDR5, CDR BSYHCT	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng. - Trình bày được các bước trong chẩn đoán cộng đồng - Mô tả sử dụng dịch vụ y tế. - Mô tả tình trạng sức khỏe cộng đồng và các yếu tố nguy cơ. - Đánh giá được hiệu quả của các chương trình can thiệp cộng đồng. 		
G2	<p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng. - Thực hành được cách thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu thu thập được. - Thực hành lập kế hoạch can thiệp. 	<p><i>CDR6, CDR7, CDR11, CDR12 CDR BSYHCT</i></p>	
G3	<p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu đáp ứng chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho cộng đồng, góp phần đạt mục tiêu sức khỏe cho mọi người - Chăm sóc SKBD là một trong các trọng tâm trong công tác của ngành y tế không phải là nhiệm vụ của tuyến y tế cơ sở mà là của mọi tuyến - Chủ động phối hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong cộng đồng - Hoạt động liên ngành, thu hút sự tham gia của cộng đồng là chìa khóa đảm bảo thành công của chăm sóc SKBD 	<p><i>CDR14, CDR15, CDR BSYHCT</i></p>	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Phát hiện và đánh giá mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật và môi trường	<p><i>CDR5 CDR BSYHCT</i></p>

thức, thái độ, hành vi của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, kết hợp YHCT và YHHĐ Triển khai buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng							
Bài 5: Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Phân tích số liệu và viết báo cáo đánh giá tổng hợp	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viên thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khỏe, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khỏe cộng đồng; thực hành giáo dục sức khỏe; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
Bài 1: Giới thiệu chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế xã, Chiến lược phòng bệnh không lây nhiễm thực hiện tại tuyến xã. Hệ thống sổ sách báo cáo tại Trạm y tế xã	1	10	0	2	13		<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 2: Phòng chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng Hướng dẫn tổ chức và thực hành tiêm chủng mở rộng tại cơ sở	2	10	0	1	13		<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 3: Chẩn đoán cộng đồng, tình hình vệ sinh môi trường tại cộng đồng Hướng dẫn điều tra sức khỏe cộng đồng; dân số KHHGD; điều tra nhu cầu và khả năng đáp ứng Y học cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe tại cơ sở (Theo phiếu)	2	10	1	0	13		<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017

Bài 4: Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe nâng cao kiến thức, thái độ, hành vi của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, kết hợp YHCT và YHHĐ Triển khai buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng	2	10	1	0	13		<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 5: Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng	2,5	10	0,5	0	13		<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 6: Phân tích số liệu và viết báo cáo đánh giá tổng hợp	0	10	0	0	10	3	<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Bản Tường và cộng sự (1998), “ Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.

- Dương Đình Thiện và cộng sự, “Dịch tễ học Y học- Bộ môn Dịch tễ - Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.

- Quyết định 1713/QĐ-BYT ngày 16/5/2014 Hướng dẫn tổ chức buổi tiêm chủng

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015 – 2025

- Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã

- Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Bộ tiêu chí quốc gia về trạm y tế xã giai đoạn đến 2020

Thực hành cộng đồng, Trường Đại học Y Thái Nguyên, 2007

9. Kế hoạch giảng dạy

9.1 Kế hoạch giảng dạy

lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	1	0	2	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0

1	2,5	0	0,5	0	0	0
---	-----	---	-----	---	---	---

9.2. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ **Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....**

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	Tối đa: 4	1. Trong trường hợp đi thực tế tại địa phương: -Điểm đánh giá chuyên cần tại nơi thực tập do trưởng TYT đánh giá 2. Trong trường hợp không đi thực tế tại địa phương do dịch COVID-19: Điểm đánh giá chuyên cần do giảng viên hướng dẫn thực hành đánh giá	CDR14, CDR15
	Báo cáo nhóm	Tối đa: 6	01 báo cáo hoàn chỉnh theo quy định của học phần	CDR5, CDR6, CDR7, CDR11, CDR12
	Hỏi thi vấn đáp	Tối đa: 10	Sinh viên trả lời đúng nội dung câu hỏi liên quan đến nội dung học phần	CDR5, CDR6, CDR7, CDR11, CDR12
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Tổng điểm quá trình đánh giá chia 2	Tối đa: 10		CDR5, CDR6, CDR7, CDR11, CDR12, CDR14, CDR15

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm

2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ LUẬN CƠ BẢN (Y LÝ 1)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Lý luận cơ bản 1

* Tiếng Việt: Lý luận cơ bản 1

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 03 TC

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý luận cơ bản YHCT, chẩn đoán YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 44 tiết

+ Bài tập: 00 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 88 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
9	TS. Nguyễn Duy Tuấn	0828991883	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp kiến thức về các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền	CĐR1	3
	Kỹ năng		
MT2	Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị.	CĐR6	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR14]	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp kiến thức về các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền.	CLO1: Hiểu được các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT. CLO 2: Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng sinh lý của các tạng phủ trong cơ thể, nguyên nhân gây bệnh theo YHCT
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị.	CLO 3: Phòng chống bệnh, chẩn đoán, điều trị, bào chế thuốc YHCT bằng cách ứng dụng kiến thức trong các học thuyết cơ bản của YHCT.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Học thuyết Âm dương	3		3	
Học thuyết Ngũ hành	3		3	

Học thuyết thiên nhân hợp nhất	3		3	
Học thuyết kinh lạc	3		3	
Học thuyết tạng tượng	3	3		
Nguyên nhân gây bệnh		3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần Lý luận cơ bản 1 là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT như Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh. Quá đó làm cơ sở lý luận cho chẩn đoán và điều trị trong YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Học thuyết Âm dương 1. Trình bày được tầm quan trọng của HT âm dương đối với YHC 2. Trình bày được 4 quy luật Âm dương 3. Ứng dụng của HT chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị	8			8		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Học thuyết Ngũ hành 1. Trình bày được những thuộc tính của Ngũ hành và qui loại vào Ngũ hành những hiện tượng tự nhiên và cơ thể sinh lý người 2. Ứng dụng học thuyết Ngũ hành vào khám bệnh, chữa bệnh và bào chế thuốc.	8			8		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Học thuyết thiên nhân hợp nhất 1. Ứng dụng học thuyết thiên nhân hợp nhất vào: khám chữa bệnh toàn diện, phòng bệnh	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Học thuyết kinh lạc 1. Trình bày được cấu tạo hệ kinh lạc 2. Trình bày được những tác dụng của kinh lạc.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Học thuyết tạng tượng	12	1		13		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo

1. Trình bày được những chức năng của các tạng phủ. 2. Trình bày được mối quan hệ của tạng phủ						nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên nhân gây bệnh 1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh theo YHCT, và những đặc điểm của nguyên nhân gây bệnh	8			8		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1] Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Bài giảng Y lý Y học cổ truyền*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] **Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền** (2011), *Bài giảng Y học cổ truyền tập I*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[2] **Bộ Y Tế** (2010), *Lý luận y học cổ truyền*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[3] **Bộ Y Tế** (2008), *Y lý y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Học thuyết Âm dương 1. Nội dung của HT Âm dương 2. Ứng dụng HT Âm dương trong Y học	8					16
2	Học thuyết Ngũ hành 1. Nội dung HT Ngũ hành 2. Ứng dụng HT Ngũ hành trong Y học	8					16
3	Học thuyết Thiên nhân hợp nhất 1. Nội dung HT Thiên nhân hợp nhất 2. Ứng dụng HT Thiên nhân hợp nhất trong Y học	4					8
4	Học thuyết tạng tượng 1. Nội dung HT Tạng tượng 2. Chức năng sinh lý Ngũ tạng và Lục phủ	12	1				24

	3. Môi quan hệ giữa tạng phủ					
5	Học thuyết kinh lạc 1. Nội dung của học thuyết kinh lạc 2. Ứng dụng của học thuyết kinh lạc trong y học	4				8
6	Nguyên nhân gây bệnh 1. Nguyên nhân gây bệnh Ngoại nhân 2. Nguyên nhân gây bệnh Nội nhân 3. Nguyên nhân gây bệnh bất nội Ngoại nhân	8				16

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn CLO3, CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%		CĐR 4
	Điểm kiểm tra	30%		CĐR 1, CĐR 2, CĐR6
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	60%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1, CĐR 2, CĐR6

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phân được).
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm chuyên cần x 1.0 + Điểm kiểm tra x 3.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 6.0)/10

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC VẬT DƯỢC (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: THỰC VẬT DƯỢC
- * Tiếng Việt: THỰC VẬT DƯỢC
- * Tiếng Anh: Medicinal botanicals
- Mã Học phần: TRAD 2103
- Số tín chỉ: 1,5 TC lý thuyết + 0,5 TC thực hành
- Đối tượng học: BSYHCT năm thứ 2/6
- Vị trí của Học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh học và di truyền
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 23 tiết
- * Lý thuyết: 23 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Bộ môn phụ trách Học phần: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	09686621299	thuhale78@gmail.com
4	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của Học phần

Sau khi kết thúc Học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	[CDR1]	2
MT2	Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	[CDR1]	2

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT3	Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	[CĐR1]	2
MT4	Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên	[CĐR1]	3
MT5	Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	[CĐR1]	2
Kỹ năng			
MT6	Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	[CĐR8]	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT7	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR15]	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	CLO1: Phân tích các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin
MT2: Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	CLO2: Phân tích các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc
MT3: Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	CLO3: Phân tích các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP
MT4: Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên	CLO4: Vận dụng các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT5: Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	CLO5: Phân tích các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT
Kỹ năng	
MT6: Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	CLO6: Kiểm nghiệm một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	CLO7: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	3					1	1
II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc		3					1
III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP			3				1
IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu				3		2	1
V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền					3		1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về đại cương, đặc điểm, vị trí, phân loại và quan hệ tiến hoá của các bậc phân loại chính, tính đa dạng của cây thuốc, ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, đặc biệt là những cây thuốc sử dụng trong y học cổ truyền.

1. Nguyên tắc đọc và viết tiếng Latin – các từ Latin và tên cây thuốc thông dụng
2. Đại cương về tài nguyên cây thuốc
3. Trồng trọt – Thu hái – Làm khô – Bảo quản – Đánh giá chất lượng dược liệu
4. Các hoạt chất cơ bản trong dược liệu có tác dụng sinh học
5. Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các cây thuốc góp phần kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.

8. Nội dung chi tiết Học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/ KT	Tổng cộng		

I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	4			4		Chuẩn bị bài trước Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc	2			2		
III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP	2			2		
IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu	12			12		
V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	3			3		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
2. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực hành Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2000), *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	4					8
2	II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc	2					4
3	III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP	2					4
4	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu – glycosid	4					8
5	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu (tiếp) – carbohydrat	2					4

6	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu (tiếp) – tinh dầu	2					4
7	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu (tiếp) – alkaloid	4					8
8	V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	3					6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp:

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình, động não: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động thực tập để đạt chuẩn về kỹ năng [CLO6].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt chuẩn [CLO7].

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		CĐR 6
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết = điểm thi trắc nghiệm
- Điểm phần thực hành = điểm thi kết thúc thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm phần thực hành X 1.0 + Điểm phần lý thuyết X 2.0)/3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (thực hành)
THỰC VẬT DƯỢC**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: THỰC VẬT DƯỢC
- Mã Học phần: TRAD 2103
- Số tín chỉ thực hành: 0,5
- Đối tượng học: BSYHCT năm thứ 2/6
- Vị trí của Học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Sinh học và di truyền
- Bộ môn phụ trách Học phần: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	09686621299	thuhale78@gmail.com
4	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của Học phần

Sau khi kết thúc Học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	[CĐR1]	2
MT2	Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	[CĐR1]	2
MT3	Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	[CĐR1]	2
MT4	Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh	[CĐR1]	3

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên		
MT5	Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	[CĐR1]	2
	Kỹ năng		
MT6	Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	[CĐR8]	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR15]	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	CLO1: Phân tích các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin
MT2: Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	CLO2: Phân tích các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc
MT3: Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	CLO3: Phân tích các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP
MT4: Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên	CLO4: Vận dụng các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên
MT5: Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	CLO5: Phân tích các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT
Kỹ năng	
MT6: Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	CLO6: Kiểm nghiệm một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT7: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	CLO7: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	3					1	1
II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc		3					1
III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP			3				1
IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu				3		2	1
V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền					3		1

6. Mô tả học phần (Phần thực hành)

Phần thực hành Thực vật dược là bộ phận của học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc bổ sung thêm cho người học các kiến thức và kỹ năng về soi bột, vi phẫu, kiểm nghiệm các thành phần hóa học có tác dụng sinh học trong dược liệu.

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các cây thuốc góp phần kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực hành (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột (Kim ngân hoa + Cam thảo bắc)	4	4	Chuẩn bị bài thực hành (giờ tự học) Tiến hành bài thực hành Báo cáo thực hành theo yêu cầu
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột (Hòe hoa + Hà thủ ô đỏ)	4	4	
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi phẫu (thân Kinh giới + Lá Trúc đào)	4	4	
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học (tinh bột, flavonoid, tanin, alcaloid)	3	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực hành Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Đỗ Tất Lợi (2000), *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột (Kim ngân hoa + Cam thảo bắc)	4					4
2	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột (Hòe hoa + Hà thủ ô đỏ)	4					4
3	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi phẫu (thân Kinh giới + Lá Trúc đào)	4					4
4	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học (tinh bột, flavonoid, tanin, alcaloid)	3					3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt CDR CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO5

Học tập thực hành đạt CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp trên phòng thí nghiệm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thực hành và chuyển tải cho sinh viên

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thực hành, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên tiến hành thực hành, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung và phương pháp tiến hành thực hành, báo cáo kết quả thực hành theo yêu cầu (báo cáo trên kính hiển vi, báo cáo thí nghiệm, viết báo cáo toàn bài)

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Bài thi kết thúc thực hành	100%	≥ 4	CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm phần lý thuyết = điểm thi trắc nghiệm
- Điểm phần thực hành = điểm thi kết thúc thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm phần thực hành X 1.0 + Điểm phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHẨN ĐOÁN Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chẩn đoán y học cổ truyền.

* Tiếng Việt:

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (2.5 LT, 1.5 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: y lý y học cổ truyền.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 37.5 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 45 tiết/nhóm

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết/nhóm

+ Kiểm tra: 01 tiết/nhóm

+ Thời gian tự học: 10 tiết/nhóm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngải	091550889	ngaidytw72@yahoo.com
3	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com
4	ThS. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
7	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Trường Nam	0985180858	bstruongnam.nguyen@gmail.com
10	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	Khang.leduc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phươg, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CĐR1	3.0
	Kỹ năng		
MT2:	Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	[CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phươg, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CĐR1: Hiểu được các nội dung của chẩn đoán học bao gồm các bước khám bệnh theo YHCT (Tứ chẩn);
	CĐR2: Hiểu được nội dung của chẩn đoán YHCT (Bát cương) – (Hội chứng bệnh);
	CĐR3: Hiểu được 6 nguyên tắc chữa bệnh theo YHCT và các phương pháp điều trị theo YHCT.
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	CĐR 3: Khám, Chẩn đoán bằng YHCT từ đó đưa ra được pháp, phương điều trị cũng như phương pháp phòng bệnh cơ bản bằng cách vận dụng từ kiến thức đã học trong Lý luận cơ bản 2.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	X	X	X		
Bát cương	X	X	X		
Các Hội chứng bệnh	X	X	X		
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	X	X	X	X	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phân thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phân thực hành pháp chế dược là bộ phận của Học phần Pháp chế dược đòi hỏi người học muốn hiểu về pháp luật những cần vận dụng vào hành nghề thực tế, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong phân loại thuốc theo yêu cầu: ATC, VEN, danh mục thuốc thiết yếu, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, xác định rõ đâu là một đơn thuốc đúng qui định và thiết kế một nhãn thuốc đúng với yêu cầu bắt buộc theo qui định hiện hành.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Tứ chân: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	8	6	2	16	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Bát cương	8	0	2	10	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Các Hội chứng bệnh	12	0	2	14	8	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	8	0	2	10	4.0	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Ôn tập	1.5	2	2	5.5		Tổng hợp nội dung học tập để chuẩn bị câu hỏi để phát vấn, thảo luận.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trường đại học Dược Hà Nội (2010). *Thực hành Pháp chế dược*. Nơi xuất bản: Lưu hành nội bộ

[2] Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2021), *Thực hành Pháp chế dược*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam 2020

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Quốc Hội 13 (2016), *Luật Dược năm 2016*

[2] Các thông tư 52/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2017/TT-BYT, Thông tư 20/2017/TT-BYT, Thông tư 01/2018/TT-BYT, Thông tư 07/2018 của Bộ Y tế ban hành và các thông tư do Bộ Y tế ban hành sau năm 2016 về GPs và GACP

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Cách làm bệnh án YHCT	6					
2	Thiết chân	6					
3	Thiết chân	8					

4	Ôn tập	2.5				
---	--------	-----	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học

- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thảo luận buổi nào, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên phải có bài báo cáo chuẩn bị nộp trước, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

- Sinh viên không có bài nộp cả văn bản và slide sẽ coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm/ bài tập lớn/					
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm					
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/Báo cáo tiểu luận...					

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điểm thi lâm sàng.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chuyên cần + Điểm kiểm tra + Điểm Lâm sàng + Điểm lý thuyết.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHẨN ĐOÁN Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT)

(Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115)

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chẩn đoán y học cổ truyền.

* Tiếng Việt: Chẩn đoán y học cổ truyền

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (2.5 LT, 1.5 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý luận cơ bản YHCT (y lý 1)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 37,5 tiết

+ Lý thuyết: 37,5 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y Lý y học cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	Y lý YHCT	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngai	091550889	Y lý YHCT	ngaidytw72@yahoo.com
3	ThS. Lưu Minh Trung	0395566604	Y lý YHCT	bs.minhtrung.71@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	Y lý YHCT	trangnguyen0087@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Y lý YHCT	Bsthumay@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	Y lý YHCT	lannguyenhn88@gmail.com
7	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Y lý YHCT	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com
8	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	Y lý YHCT	Khang.leduc@gmail.com
9	TS Nguyễn Duy Tuấn	0828991883	Y lý YHCT	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phươg, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CĐR1	3.0
	Kỹ năng		
MT2:	Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	[CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phươg, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CĐR1: Hiểu được các nội dung của chẩn đoán học bao gồm các bước khám bệnh theo YHCT (Tứ chẩn);
	CĐR2: Hiểu được nội dung của chẩn đoán YHCT (Bát cương) – (Hội chứng bệnh);
	CĐR3: Hiểu được 6 nguyên tắc chữa bệnh theo YHCT và các phương pháp điều trị theo YHCT.
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	CĐR 3: Khám, Chẩn đoán bằng YHCT từ đó đưa ra được pháp, phương điều trị cũng như phương pháp phòng bệnh cơ bản bằng cách vận dụng từ kiến thức đã học trong Lý luận cơ bản 2.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	X	X	X		
Bát cương	X	X	X		
Các Hội chứng bệnh	X	X	X		
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	X	X	X	X	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán và đưa ra các nguyên tắc và pháp điều trị theo YHCT từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám, chẩn đoán và bước đầu đưa ra các nguyên tắc, các pháp chữa bệnh cũng như phòng bệnh bằng YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	8	6	2	16	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Bát cương	8	0	2	10	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Các Hội chứng bệnh	12	0	2	14	8	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	8	0	2	10	4.0	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Ôn tập	1.5	2	2	5.5		Tổng hợp nội dung học tập để chuẩn bị câu hỏi để phát vấn, thảo luận.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

[1] Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam - Bộ môn Y lý Y học cổ truyền (năm 2021), Bài giảng Lý luận Y học cổ truyền 2 (Y lý 2), tài liệu lưu hành nội bộ năm.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Y học cổ truyền - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Y học Cổ truyền, Nhà xuất bản Y học (năm 2013).

[2] Lý luận YHCT (năm 2006), GS.TS Hoàng Bảo Châu, Nhà xuất bản Y học.

[3] Ứng dụng của Kinh dịch - Ths.Bs.Kiều Xuân Dũng (năm 2009), Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	8		1 TH	1		TH 4
Bát cương	8			2		4
Các Hội chứng bệnh	12			2		8
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	8		1	1		4
Ôn tập	1.5	2	2TH			0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 2

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 2 đến CDR 3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3 và bước đầu tiếp cận CDR6.

- Đóng vai, từng cặp, chia sẻ, mô phỏng, thực hành: Đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3 và bước đầu tiếp cận CDR6.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			

	Điểm chuyên cần	10%		CĐR ...
	Kiểm tra	10%		
	Lâm sàng	30%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	LT (Thi test); TH (thi vấn đáp, thảo tác)	50%	Theo số tín chỉ	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR6

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điểm thi lâm sàng.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chuyên cần + Điểm kiểm tra + Điểm Lâm sàng + Điểm lý thuyết.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT)
 Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Việt: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Anh: Traditional medicine
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Thực vật dược
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lenthuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Giảng viên thỉnh giảng theo nhu cầu của bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại, cách dùng thuốc và nguyên tắc kê đơn.	[CDR1]; [CDR2]	3
MT2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	[CDR1]; [CDR2]	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
MT3	Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.	[CDR1]; [CDR2]	3
Kỹ năng			
MT4	Có kỹ năng hệ thống các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện	[CDR 10]; [CDR 11]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.	[CDR15]; [CDR16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, chế biến, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.	CDR1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, chế biến, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.
MT2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	CDR2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.
MT3: Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.	CDR3: Có kiến thức về tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.
Kỹ năng	
MT4: Có kỹ năng hệ thống các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện	CDR4: Có kỹ năng phản biện, vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá, giám sát được công việc chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.	CDR5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý CDR6: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần					
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
Nội dung 1. Đại cương Đông dược	3	3		2	2	2
Nội dung 2. Thuốc giải biểu	3	3	3	2	2	2
Nội dung 3. Thuốc phát tán phong thấp	3	3	3	2	2	2
Nội dung 4. Thuốc lợi thủy thẩm thấp	3	3	3	2	2	2
Nội dung 5. Thuốc trục thủy	3	3	3	2	2	2
Nội dung 6. Thuốc thanh nhiệt	3	3	3	2	2	2
Nội dung 7. Thuốc hóa đàm – chỉ khái – bình suyễn	3	3	3	2	2	2
Nội dung 8. Thuốc cố sáp	3	3	3	2	2	2
Nội dung 9. Thuốc tiêu hóa	3	3	3	2	2	2
Nội dung 10. Thuốc tả hạ	3	3	3	2	2	2
Nội dung 11. Thuốc lý khí	3	3	3	2	2	2
Nội dung 12. Thuốc hành huyết	3	3	3	2	2	2
Nội dung 13. Thuốc chỉ huyết	3	3	3	2	2	2
Nội dung 14. Thuốc trừ hàn	3	3	3	2	2	2
Nội dung 15. Thuốc an thần	3	3	3	2	2	2
Nội dung 16. Thuốc bình can tức phong	3	3	3	2	2	2
Nội dung 17. Thuốc bổ	3	3	3	2	2	2
Nội dung 18. Chế biến thuốc Đông dược	3	3		2	2	2

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Học phần Thuốc Y học cổ truyền dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về nguồn gốc, cách chế biến, tính năng dược vật, cầm kỵ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng khoảng 300 vị thuốc YHCT thường dùng và các vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các vị thuốc góp phần tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. Đại cương Đông dược	4			4		
II. Thuốc giải biểu	4	2		6		
III. Thuốc phát tán phong thấp	2,5	1		3,5		
IV. Thuốc lợi thủy thẩm thấp	1	1		2		
V. Thuốc trục thủy	0,5	1		1,5		
VI. Thuốc thanh nhiệt	6	3		9		

VII. Thuốc hóa đàm – chỉ khái – bình suyễn	2	1		3		
VIII. Thuốc cố sáp	1,5	1		2,5		
IX. Thuốc tiêu hóa	1	1		2		
X. Thuốc tả hạ	1,5	1		2,5		
XI. Thuốc lý khí	2	1		3		
XII. Thuốc hành huyết	2	1		3		
XIII. Thuốc chỉ huyết	2	1		3		
XIV. Thuốc trừ hàn	2	1		3		
XV. Thuốc an thần	2	1		3		
XVI. Thuốc bình can tức phong	1	1		2		
XVII. Thuốc bổ	6	2		8		
XVIII. Chế biến thuốc Đông dược	4	10		14		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thuốc Y học cổ truyền (Đông dược)*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền – Sách đào tạo Dược sỹ đại học*, NXB Y học, Hà Nội
- Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (1994), *Y học cổ truyền*, NXB Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1995), *Nội kinh*, NXB Y học
- Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1995), *Nạn kinh*, NXB Y học
- Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1996), *Y dịch*, NXB Y học
- Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1996), *Kim quỹ yếu lược*, NXB Y học
- Bộ Y tế (1961), *Trung y học khái luận – Tài liệu dịch từ tiếng Trung Quốc*, NXB Y học, Hà Nội
- Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (1994), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
- Đỗ Tất Lợi (1995), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
- Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1995), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*, NXB Y học
- Hội Y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh (1994), *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nhà in QI
- Hoàng Duy Tân, Trần Văn Nhũ (1995), *Tuyển tập phương thang đông y*, NXB Đồng Nai
- Nguyễn Văn Thang (1992), *Thời bảm huyết châm cứu học*, NXB Quân đội Nhân dân
- Phạm Xuân Sinh (1999), *Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền*, NXB Y học
- Trần Văn Kỳ (1996), *Điều trị phụ khoa Đông y*, NXB Y học
- Tuệ Tĩnh (1996), *Nam dược thần hiệu*, NXB Y học
- Viện Tân y Giang Tô (1972), *Trung y học*, NXB Nhân dân Giang Tô
- Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1995), *Sơ thảo lịch sử y học cổ truyền Việt Nam*, NXB Y học
- Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
- Viện Dược liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật
- Viện Dược liệu (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, II, NXB Khoa học kỹ thuật

20. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tễ học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)
21. Võ Văn Chi (1997), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học
22. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
23. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
24. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Bài 1. Đại cương Đông Dược	4	x		X		
	Bài 2. Thuốc giải biểu	4	x		X		
2.	Bài 3. Thuốc phát tán phong thấp Thuốc lợi thủy thẩm thấp Thuốc trục thủy	4	x		X		
	Bài 4. Thuốc thanh nhiệt Thuốc trừ hàn	4					
3.	Bài 5. Thuốc thanh nhiệt Thuốc trừ hàn (tiếp)	4	x		X		
	Bài 6. Thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn Thuốc lý khí	4					
4.	Bài 7. Thuốc chỉ huyết, Thuốc hành huyết	4	x		X		
	Bài 8. Thuốc tiêu hóa, tả hạ , cố sáp	4					
5.	Bài 9. Thuốc bổ	3	x		X		
	Bài 10. Thuốc bổ (tiếp)	3					
6.	Bài 11. Thuốc bình can tức phong Thuốc an thần	3			X		
	Bài 12. Chế biến thuốc Đông Dược	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 4
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 5 đến CĐR 6
 - ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	chuyên cần	Điều kiện dự thi kết thúc học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CĐR 5-CĐR6
	Thảo luận nhóm,			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV) - Tự luận/ Báo cáo tiểu luận (TH SV thi trực tuyến)	100% điểm phần lý thuyết	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 6

12.3. Điểm học phần

Điểm phần lý thuyết là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Điểm của học phần là điểm trung bình của điểm phần lý thuyết và phần thực hành theo công thức tính điểm của Học viện

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Việt: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Anh: Traditional medicine
- Mã học phần:
- Số tín chỉ thực hành: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Thực vật dược
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Giảng viên mời giảng theo nhu cầu thực tế		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để chế biến được các vị thuốc YHCT, phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	[CĐR1]; [CĐR2]	3
MT2	Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kị của các vị thuốc YHCT thường dùng.	[CĐR1]; [CĐR2]	3
Kỹ năng			
MT3	Thực hiện sơ chế, chế biến thuốc YHCT thường dùng	[CĐR8]	3
MT4	Thực hiện nhận biết các vị thuốc YHCT thường dùng bằng phương pháp cảm quan	[CĐR8]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng	[CĐR15] [CĐR16]	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
	lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	CDR1: Vận dụng các kiến thức cơ bản để phân tích đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học
MT2: Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.	CDR2: Trình bày tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.
Kỹ năng	
MT3: Thực hiện sơ chế, chế biến thuốc YHCT thường dùng	CDR3: Sơ chế, chế biến được các vị thuốc YHCT thường dùng
MT4: Thực hiện nhận biết các vị thuốc YHCT thường dùng bằng phương pháp cảm quan	CDR4: Nhận thức chính xác các vị thuốc YHCT thường dùng bằng phương pháp cảm quan
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.	CDR5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý CDR6: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
Sơ chế, chế biến các vị thuốc YHCT thường dùng	3	3	3	3	2	2
Nhận thức các vị thuốc thuộc 16 nhóm thuốc đã học trong chương trình	3	3	3	3	2	2

6. Mô tả học phần – Phần thực hành (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Phần thực hành thuộc học phần Thuốc Y học cổ truyền dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò trong việc bổ sung cho người học các nội dung về nguồn gốc, tính năng dược vật, cảm kỳ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng khoảng 300 vị thuốc YHCT thường dùng và các vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các vị thuốc góp phần tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Sơ chế, chế biến các vị thuốc YHCT thường dùng	10		Chuẩn bị và so sánh với nội dung lý thuyết liên quan
Nhận thức các vị thuốc thuộc 16 nhóm thuốc đã học trong chương trình	20		Chuẩn bị và so sánh với nội dung lý thuyết liên quan

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thuốc Y học cổ truyền (Đông dược)*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền – Sách đào tạo Dược sỹ đại học*, NXB Y học, Hà Nội
- Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Y học cổ truyền*, NXB Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (2014), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
- Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
- Viện Dược liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật
- Viện Dược liệu (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, II, NXB Khoa học kỹ thuật
- Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)
- Võ Văn Chi (2010), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1.	Bài 1	X		x	
2.	Bài 2	X		x	
3.	Bài 3			x	
4.	Bài 4	x		x	
5.	Bài 5	x		x	
6.	Bài 6	x		x	
7.	Bài 7	x		x	
8.	Bài 8	x		x	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 6

- Sử dụng các phương pháp sơ chế, chế biến thuốc YHCT được cung cấp trong lý thuyết và từ các tài liệu cũng như trên thực tế.
- Sử dụng các phương pháp nhận biết bằng cảm quan (thị giác, thính giác, vị giác, xúc giác...), kết hợp với các thông tin đã được cung cấp trong lý thuyết và từ các tài liệu cũng như trên thực tế.
- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Sinh viên thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kỹ thuật viên Bộ môn.
- Sau mỗi buổi thực hành, sinh viên báo cáo nội dung thực hành với giảng viên hướng dẫn, thực hiện đánh giá cuối buổi thực hành.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành

- Phòng thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, mẫu vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi thực hành.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các nội dung đánh giá của buổi thực hành và thi kết thúc phần thực hành.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	Điều kiện thi thực hành	Tham gia dự lớp 100% số tiết học	CĐR 4 đến CĐR 5
	Kết quả đánh giá các bài thực hành	Điều kiện thi thực hành	Đạt yêu cầu các bài thực hành	CĐR 1 đến CĐR 3
2	Điểm thi kết thúc thực hành			
	Thi thực hành (kiến thức kỹ năng bào chế thuốc YHCT, nhận thức vị thuốc, vấn đáp)	100%	Đạt tối thiểu 4/10 điểm	CĐR 1 đến CĐR 6

Hà Nội, ngày tháng năm

2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
BÀO CHẾ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT)
 Đối tượng đào tạo: bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Bào chế thuốc y học cổ truyền
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: (1.5 LT, 0.5 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: thực vật dược, thuốc y học cổ truyền
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 23 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	ngoan83@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	nhungtrandkh@gmail.com
3	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	dsdaovanluu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Hiểu được mục đích bào chế thuốc đông dược và giải thích cách sử dụng các phụ liệu trong bào chế thuốc y học cổ truyền	[CĐR1]	3
MT2	Trình bày được quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	[CĐR6]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kỹ năng		
MT3	Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thạo một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	[CĐR6] [CĐR9]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR9] [CĐR10] [CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được mục đích bào chế thuốc đông dược và giải thích cách sử dụng các phụ liệu trong bào chế thuốc y học cổ truyền MT2: Trình bày được quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	CLO1: Trình bày được khái niệm cơ bản và bản chất của bào chế, chế biến thuốc CLO 2: Phân tích được mục đích của bào chế, chế biến của các vị thuốc
Kỹ năng	
MT3: Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thạo một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	CLO3: Vận dụng để chế biến và bào chế các vị thuốc cụ thể trong từng nhóm thuốc
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Chương 1. Đại cương về bào chế đông dược	3	3	1	1
Chương 2. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc giải biểu	2	3	3	1

Chương 3. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc phân khí, thuốc phân huyết, trừ thấp, thuốc bổ dưỡng	2	3	3	1
Chương 4. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc tiêu đạo, thuốc tả hạ, trục thủy, cố sáp	2	3	3	1
Chương 5. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc hóa đàm, chi ho, bình suyễn; tắt phong, an thần, khai khiếu	2	3	3	1
Chương 6. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc khử hàn, thuốc thanh nhiệt	2	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Bào chế thuốc y học cổ truyền là sử dụng chế hoá cơ học, chế hoá lý hoá hoặc sinh tổng hợp nhằm thay đổi hình dạng, lý tính, dược tính của các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên từ động vật, thực vật hoặc khoáng vật để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất, bảo quản, kinh doanh, nâng cao hiệu quả phòng bệnh, điều trị bệnh và nâng cao thể trạng con người.

Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý bào chế đông dược, các mục đích cần đạt được sau khi bào chế và các phương pháp cơ bản trong bào chế. Dựa trên nền tảng đó sẽ đưa ra cách ứng dụng để bào chế từng vị thuốc cụ thể trong mỗi nhóm thuốc. Các vị thuốc sau khi bào chế đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ được ứng dụng bào chế ra các dạng thuốc như: thuốc thang, cốm thuốc, rượu thuốc, thuốc viên hoàn...

Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền cung cấp các kiến thức để tạo ra các vị thuốc đạt tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp với từng mục đích điều trị cụ thể, nhằm nâng cao chất lượng điều trị cho bệnh nhân, giúp cho các thầy thuốc hiểu rõ phương pháp bào chế và sử dụng thuốc một cách an toàn và hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Chương 1: Đại cương về bào chế đông dược 1. Mục đích bào chế đông dược 2. Yêu cầu của việc bào chế 3. Các dụng cụ, phụ liệu bào chế 4. Một số dạng thuốc bào chế thông thường	4			4		Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 2. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc giải biểu 1. Bào chế các thuốc tân ôn giải biểu 2. Bào chế các thuốc tân lương giải biểu	4			4		Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 3. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc phân khí, thuốc	4			4		Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan

phần huyết, trừ thấp, thuốc bổ dưỡng 1. Bào chế các thuốc nhóm khử phong thấp 2. Bào chế các thuốc nhóm hóa thấp. 3. Bào chế các thuốc nhóm lợi thấp. 4. Bào chế các thuốc nhóm bổ âm. 5. Bào chế các thuốc nhóm bổ dương.					điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 4. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc tiêu đạo, thuốc tả hạ, trục thủy, cố sáp. 1. Bào chế các thuốc tiêu đạo. 2. Bào chế các thuốc tả hạ. 3. Bào chế các thuốc trục thủy. 4. Bào chế các thuốc cố sáp	4			4	Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 5. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn; tắt phong, an thần, khai khiếu 1. Bào chế các thuốc nhóm hóa đàm. 2. Bào chế các thuốc nhóm chỉ ho. 3. Bào chế các thuốc nhóm bình suyễn. 4. Bào chế các thuốc nhóm tắt phong. 5. Bào chế các thuốc nhóm an thần 6. Bào chế các thuốc nhóm khai khiếu.	4			4	Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 6. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc khử hàn, thuốc thanh nhiệt 1. Bào chế các thuốc nhóm ôn trung tán hàn. 2. Bào chế các thuốc nhóm hồi dương cứu nghịch. 3. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giải độc. 4. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giáng hỏa 5. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt tảo thấp. 6. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt lương huyết	3			3	Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Bộ môn Bào chế và Công nghiệp dược, *Bào chế đông dược*- Năm 2017, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

[2]. Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền, *Bào chế Đông dược*, năm 2006, Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đỗ Tất Lợi, *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Năm 2003, Nhà xuất bản Y học

[2] Viện Y học cổ truyền Việt Nam, *Phương pháp bào chế và sử dụng Đông dược*, năm 2005, Nhà xuất bản Y học

[3] Tuệ Tĩnh, *Nam dược thần hiệu*, năm 2000, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1: Đại cương về bào chế đông dược 1. Mục đích bào chế đông dược 2. Yêu cầu của việc bào chế 3. Các dụng cụ, phụ liệu bào chế 4. Một số dạng thuốc bào chế thông thường	4					4
2	Chương 2. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc giải biểu 1. Bào chế các thuốc tân ôn giải biểu 2. Bào chế các thuốc tân lương giải biểu	4					4
3	Chương 3. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc phân khí, thuốc phân huyết, trừ thấp, thuốc bổ dưỡng 1. Bào chế các thuốc nhóm khứ phong thấp 2. Bào chế các thuốc nhóm hóa thấp. 3. Bào chế các thuốc nhóm lợi thấp. 4. Bào chế các thuốc nhóm bổ âm. 5. Bào chế các thuốc nhóm bổ dương.	4					4
4	Chương 4. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc tiêu đạo, thuốc tả hạ, trục thủy, cố sáp. 1. Bào chế các thuốc tiêu đạo. 2. Bào chế các thuốc tả hạ. 3. Bào chế các thuốc trục thủy. 4. Bào chế các thuốc cố sáp	4					4
5	Chương 5. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn; tắt phong, an thần, khai khiếu	4					4

	1. Bào chế các thuốc nhóm hóa đàm. 2. Bào chế các thuốc nhóm chỉ ho. 3. Bào chế các thuốc nhóm bình suyễn. 4. Bào chế các thuốc nhóm tắt phong. 5. Bào chế các thuốc nhóm khai khiếu. 6. Bào chế các thuốc nhóm an thần						
6	Chương 6. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc khử hàn, thuốc thanh nhiệt 1. Bào chế các thuốc nhóm ôn trung tán hàn. 2. Bào chế các thuốc nhóm hồi dương cứu nghịch. 3. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giải độc. 4. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giáng hỏa 5. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt táo thấp. 6. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt lương huyết	3					3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO4].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 9

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO2 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
 - Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
 - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
- Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dực).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
BÀO CHẾ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (THỰC HÀNH)
 Đối tượng đào tạo: bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Bào chế thuốc y học cổ truyền

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (1.5 LT, 0.5 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Bào chế-công nghiệp dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	ngoan83@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	nhungtrandkh@gmail.com
3	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	dsdaovanluu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng kiến thức về bào chế các vị thuốc y học cổ truyền để bào chế được một số vị thuốc cụ thể	[CDR1], [CDR4], [CDR5], [CDR7], [CDR8], [CDR9]	3
	Kỹ năng		
MT2	Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thạo một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	[CDR5] [CDR7]	5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT3	Có kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện;	[CDR8], [CDR9]	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CDR10] [CDR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức về bào chế các vị thuốc y học cổ truyền để bào chế được một số dạng thuốc y học cổ truyền cụ thể	CLO1: Có thể vận dụng kiến thức cơ bản về bào chế đông dược để bào chế một số dạng thuốc y học cổ truyền
MT2: Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thực một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	CLO 2: Có kỹ năng bào chế được một số vị thuốc y học cổ truyền
MT3: Có kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện;	CLO 3: Có kỹ năng Thảo luận, hợp tác tranh luận, phản biện và phản ứng nhanh, sáng tạo khi xử lý các tình huống được phỏng vấn trong giải quyết vấn đề pháp luật lĩnh vực dược
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO4: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống trong bài thực hành. Rèn luyện tính kỷ luật thực hiện bài tập trong giải quyết vấn đề pháp luật ở lĩnh vực dược

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Bào chế cao thuốc	3	2	3	3
Bào chế cốm thuốc	3	2	3	3
Bào chế hoàn thuốc	3	2	3	3
Bào chế rượu thuốc	3	2	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phân thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Bào chế thuốc y học cổ truyền là bộ phận của Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền giúp người học có kiến thức và khả năng bào chế được các dạng thuốc và một số vị thuốc y học cổ truyền để phục vụ trong quá trình hành nghề.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bào chế các dạng thuốc (cao, rượu, cốm, hoàn)

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực hành (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1. Bào chế cao thuốc	4	4	- Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Bài 2. Bào chế cốm thuốc	4	4	
Bài 3. Bào chế hoàn thuốc	4	4	
Bài 4. Bào chế rượu thuốc	3	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Bộ môn Bào chế và Công nghiệp dược, *Bào chế đông dược*- Năm 2017, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

[2]. Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền, *Bào chế Đông dược*, năm 2006, Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đỗ Tất Lợi, *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Năm 2003, Nhà xuất bản Y học

[2] Viện Y học cổ truyền Việt Nam, *Phương pháp bào chế và sử dụng Đông dược*, năm 2005, Nhà xuất bản Y học

[3] Tuệ Tĩnh, *Nam dược thần hiệu*, năm 2000, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1. Bào chế cao thuốc	4					4
2	Bài 2. Bào chế cốm thuốc	4					4
3	Bài 3. Bào chế hoàn thuốc	4					4
4	Bài 4. Bào chế rượu thuốc	3					3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO4

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình

Động não

Phản biện

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO4

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp nội dung bài thực hành cho sinh viên chuẩn bị trước ở nhà
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thực hành buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Thực hiện nghiêm túc nội quy phòng thực hành

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Đánh giá bằng bài thi kết thúc tại phòng thực hành	100%	≥ 4	CLO1 – CLO4

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN CHÂM CỨU

Trình độ đào tạo: Bác sĩ chính quy, Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu 1
- * Tiếng Anh: Acupuncture 1
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 45 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ):

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHD, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHD, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com

3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com
7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được lịch sử của châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu
MT HP2	Trình bày được đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.
MT HP3	Trình bày được Học thuyết về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.
MT HP4	Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.
MT HP5	Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bỏ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.
MT HP6	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật châm cứu khi điều trị cho người bệnh.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			x
MT HP2			x
MT HP3			x
MT HP4		x	
MT HP5		x	
MT HP6		x	

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT

2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT

3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
-------------	-----------------------

CLO1	Nhận thức rõ được vai trò, tầm quan trọng của châm cứu trong nền y học Việt Nam và Thế giới. Cơ chế tác dụng của châm cứu
CLO2	Có kiến thức cơ bản đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.
CLO3	Có kiến thức cơ bản về khái niệm về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.
CLO4	Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.
CLO5	Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bỏ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.
CLO6	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(11)	(15)
CLO 1	3	3	3		
CLO 2	3	3	3		
CLO 3	3	3	3		
CLO 4				2	
CLO 5				2	
CLO 6					2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện lâm sàng liên kết tại Hà Nội:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Bệnh viện Châm cứu Trung ương

Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công An

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương

Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Kim châm cứu
2	Máy điện châm
3	Bơm tiêm 5ml, 10ml

4	Hộp đựng bông cotton
5	Khay chữ nhật, khay hạt đậu
6	Bông, cotton
7	Môi ngải
8	Hộp chống sốc
9	Thuốc thủy châm
10	Dụng cụ giác hơi
11	Mô hình châm cứu

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và đúng quy định
- + Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- + Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- + Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- + Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- + Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự lý thuyết trên lớp đạt tối thiểu 80%, số tiết tham dự lâm sàng phải đạt 100% số buổi theo quy định

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần châm cứu 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về đường kinh huyết vị và cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu cơ bản.
- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến lịch sử ngành châm cứu Việt Nam và Thế giới, vai trò của châm cứu trong nền y học, cơ chế tác dụng của châm cứu. Giới thiệu các đường kinh huyết vị trên cơ thể, kỹ thuật thực hiện các thủ thuật châm cứu cơ bản, các tai biến có thể xảy ra và cách phòng tránh, xử trí tai biến.
- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xác định đường kinh, huyết vị trên thực tế lâm sàng, cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương và lịch sử châm cứu ở Việt Nam và Thế giới. Tác dụng và cơ chế tác dụng của châm cứu	04	- Nắm được lịch sử châm cứu Việt Nam và thế giới - Nắm được 1 số nghiên cứu về châm cứu ở Việt Nam và thế giới - Nắm được tác dụng và cơ chế tác dụng của châm cứu theo yhhđ và yhct	1	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
2	Đại cương hệ kinh lạc, Đại cương huyết vị	04	Nắm được khái niệm hệ thống kinh lạc, tác dụng của hệ thống kinh lạc, đại cương huyết vị, tác dụng của huyết vị	1,2,3	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
3	Đường kinh: Phế, Đại trường, Vị, Tỳ	04	Nắm được: Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyết thường dung kinh Phế, Đại trường, Tỳ Vị	2,3	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
4	Đường kinh: Tâm, Tiểu trường, Bàng Quang, Thận	04	Nắm được: Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyết thường dung kinh Tâm, Tiểu trường, Bàng quang, Thận.	2,3	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
5	Đường kinh: Tâm bào, Tam tiêu, Đờm, Can	04	Nắm được: Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyết thường dùng kinh Tâm bào, Tam tiêu, Đờm, Can	2,3	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
6	Đường kinh: Nhâm, Đốc,	04	Nắm được: Đường đi, tác dụng điều trị	2,3	Thuyết trình	Nghe và tương tác	

	huyệt ngoài kinh		chung, vị trí, tác dụng các huyệt thường dùng 2 mạch Nhâm, Đốc và một số huyệt ngoài đường kinh				
7	Kỹ thuật Châm, cứu; Phương pháp Bồ tả trong châm cứu	04	- Nắm được chỉ định, chống chỉ định của châm, cứu. - Thực hiện thành thạo kỹ thuật châm, cứu - Nắm được vấn đề đặc khí trong châm - Nắm được nguyên lý bồ tả trong châm - Nắm được các tai biến khi châm, cứu (triệu chứng, cách xử lý phòng và chống)	2,3	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
8	Kỹ thuật Điện châm, Thủy châm, Giác hơi, Cấy chỉ, Mai hoa châm	04		2,3	Thuyết trình	Nghe và tương tác	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hướng dẫn kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng	04	Thực hiện được kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	

2	Hướng dẫn kỹ thuật điện châm trên lâm sàng	04	Thực hiện được kỹ thuật sử dụng điện châm trên lâm sàng	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
3	Hướng dẫn kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng	04	Thực hiện được kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
4	Hướng dẫn xác định huyết vị kinh Phế, Đại trường	04	Xác định được huyết vị kinh Phế, Đại trường trên cơ thể người	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
5	Hướng dẫn xác định huyết vị kinh Tâm, tiểu trường	04	Xác định được huyết vị kinh Tâm, tiểu trường trên cơ thể người	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
6	Hướng dẫn xác định huyết vị kinh Vị, Tỳ	04	Xác định được huyết vị kinh Vị, Tỳ trên cơ thể người	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
7	Hướng dẫn xác định huyết vị kinh Can, Đờm	04	Xác định được huyết vị kinh Can, Đờm trên cơ thể người	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
8	Hướng dẫn xác định huyết vị kinh Bàng quang, Thận	04	Xác định được huyết vị kinh Bàng quang, Thận trên cơ thể người	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
9	Hướng dẫn xác định huyết vị kinh Tâm bào, Tam tiêu	04	Xác định được huyết vị kinh Tâm bào, Tam tiêu	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	

			cơ thể người				
10	Hướng dẫn xác định huyết vị mạch Nhâm, Đốc, huyết ngoài kinh	04	Xác định được huyết vị mạch Nhâm, Đốc, Tân huyết cơ thể người	11	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (TH/LS/KT...): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra... của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Mức chất lượng	
	Đạt	Không đạt
Mức độ tham dự Lý thuyết theo TKB	Tham dự $\geq 80\%$ số buổi học	Tham dự $< 80\%$ số buổi học
Mức độ tham dự Lâm sàng theo TKB	Tham dự 100% số buổi học	Tham dự $< 100\%$ số buổi học

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành /lâm sàng

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm tối đa
		Giỏi (3,1-4)	Khá (2,1-3)	Trung bình (1,1-2)	Yếu (0-1)	
Làm bệnh án	40%	Làm bệnh án thành thạo	Làm bệnh án tốt	Làm bệnh án đúng quy định.	Làm bệnh án chưa đạt.	4
Trả lời vấn đáp	60%	Giỏi (4,6-6)	Khá (3,1-4,5)	Trung bình (1,6-3)	Yếu (0-1,5)	6
		Trả lời đúng tất cả các câu hỏi vấn đáp của giảng viên	Trả lời đúng hầu hết các câu hỏi vấn đáp của giảng viên	Trả lời được một số câu hỏi vấn đáp của giảng viên	Trả lời được rất ít câu hỏi vấn đáp của giảng viên	
Tổng điểm lâm sàng = Điểm làm bệnh án + Điểm trả lời vấn đáp						10

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi Lý thuyết	66,67%	Điểm trắc nghiệm trên máy tính	Thi trắc nghiệm trên máy tính 70 câu	1.429%/câu	Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu hỏi trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5	Sinh viên thi trắc nghiệm tại phòng máy
Điểm Lâm sàng	33,33%	Điểm bệnh án	Bệnh án case bệnh cụ thể	40%	Đổi chiếu với bệnh án lâm sàng cứu mẫu	CLO2, CLO3 CLO4, CLO5	Sinh viên thi trắc nghiệm tại phòng máy
		Điểm vấn đáp	Lựa chọn các phương pháp kỹ thuật lâm sàng cứu đúng phù hợp.	60%	Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu hỏi thi		

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Chăm sóc dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Chăm sóc, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Chăm sóc chữa bệnh* – Bệnh viện chăm sóc Trung ương

[3] 2005. *Chăm sóc* - Đại Học Y Hà Nội

11. Hướng dẫn thực hiện

Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT
PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ hệ chính quy ngành YHCT

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Module

- Tên Học phần/ Module:
- * Tiếng Việt: Phương pháp điều trị không dùng thuốc
- * Tiếng Anh: Non-drug treatments
- Mã Học phần/ Module:
- Số tín chỉ: 2/1
- Đối tượng học: Bác sĩ hệ chính quy Y4
- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Bộ môn/Module phụ trách Học phần/Module: Bộ môn KCDS- XBBH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	PGS.TS. Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 80 93	tunghuongvung@gmail.com
3	TS. Lê Thị Kim Dung	0979818222	quangtuyen@gmail.com
4	ThS. Trần Hồng Nhung	0353 819 123	hongnhungvatm@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Việt Anh	0999903100	Nguyenvietanh0888@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Module, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>+ Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>+ Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản.</p>	[CĐR1],	3

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
	<ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh + Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng của phương pháp tập Dưỡng sinh bác sỹ Nguyễn Văn Hùng. + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp. 		
MT2	<p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng. 	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	<p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.</p>	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT 1: Về kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> + Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt. + Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. +Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh 	<p>CLO1: Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>CLO2: Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>CLO3: Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản.</p> <p>CLO4: Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể.</p> <p>CLO5: Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp.</p> <p>CLO6: Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh</p>

	+ Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp.	CLO7: Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản CLO8: Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp.
MT2: Về kỹ năng	+ Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng.	CLO9: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. CLO10: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng.
MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.	CLO11: Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đại cương phương pháp Xoa bóp bấm huyệt.	3										3
Các thủ thuật XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau vai gáy – viêm quanh khớp vai		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to bằng XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị liệt 1/2 người do TBMMN và di chứng bại não		3	3	3	3				3		3
Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh						3				3	3
Các động tác chống xơ cứng tập 3 tầng luyện tập cơ bản							3	3		3	3
Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính							3	3		3	3

<i>Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính</i>							3	3		3	3
<i>Ứng dụng 8. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính</i>							3	3		3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
<i>1. Đại cương về phương pháp XBBH</i>	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, tác dụng, chỉ định - chống chỉ định của phương pháp xoa bóp bấm huyết
<i>2. Các thủ thuật XBBH cơ bản</i>	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản.
<i>3. Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng XBBH, đau vai gáy – viêm quanh khớp vai</i>	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, ứng dụng XBBH điều trị đau đầu – liệt VII, đau vai gáy – viêm quanh khớp vai
<i>4. Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não</i>	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, ứng dụng XBBH điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não
<i>5. Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh</i>	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, vai nét về phương pháp Dưỡng sinh

			<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh
6. Các động tác chống xơ cứng ở 3 tầng luyện tập cơ bản	04		<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được cách làm, tác dụng, ứng dụng lâm sàng của các động tác chống xơ cứng ở tư thế nằm, ngồi hoa sen và không hoa sen và tư thế đứng
<p>. <i>Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính</i></p> <p>7. <i>Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính</i></p>	04		<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị thoái hóa khớp, đau lưng, đau vai gáy, viêm quanh khớp vai, viêm khớp dạng thấp bằng Dưỡng sinh Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị suy nhược thần kinh, đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN bằng Dưỡng sinh Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính
8. <i>Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính</i>	02		<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị hen phế quản, viêm phế quản mạn tính bằng Dưỡng sinh Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DUỖNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT, dành cho đối tượng Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Y học cổ truyền*, Nhà Xuất bản Y học.

2. Đại học Y Hà Nội, *Xoa bóp bấm huyệt*, Nhà Xuất bản Y học.

3. Bác sỹ Nguyễn Văn Hương, *Phương pháp dưỡng sinh*, Nhà Xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP		Thực tập Tự học		
		Lý thuyết	Thảo luận			

Tuần 1	1. Đại cương về phương pháp XBBH	04 tiết		-Thực hành lâm sàng tại các bệnh viện. -Thời gian: 02 tuần/lớp	- Đọc trước bài giảng trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị ca lâm sàng để thảo luận
	2. Các thủ thuật XBBH cơ bản	04 tiết			
Tuần 2	3. Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng XBBH, đau vai gáy – viêm quanh khớp vai	04 tiết			
	4. Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não	04 tiết			
Tuần 3	5. Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh	04 tiết			
	6. Các động tác chống xơ cứng ở 3 tầng luyện tập cơ bản	04 tiết			
Tuần 4	7. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính	02 tiết			
	8. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính	02 tiết			
	9. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính	02 tiết			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO8].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO8].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO10
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MODULE (THỰC HÀNH/LÂM SÀNG)
PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ hệ chính quy ngành YHCT
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/Module

- Tên Học phần: Phương pháp điều trị không dùng thuốc
- Mã Học phần:
- Số tín chỉ thực hành/lâm sàng: 0,5/0,5
- Đối tượng học: Bác sĩ hệ chính quy Y4
- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn KCDS – XBBH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1.	ThS. Trần Hồng Nhung	0353 819 123	Giảng viên
2.	ThS. Nguyễn Việt Anh	0999903100	Giảng viên

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt. + Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. + Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh + Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng của phương pháp tập Dưỡng sinh bác sĩ Nguyễn Văn Hường. + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp. 	[CDR1],	3

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT2	- Về kỹ năng: + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng.	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT 1: Về kiến thức	+ Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. +Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh + Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp.	CLO1: Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. CLO2: Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản. CLO3: Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp cơ bản CLO4: Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. CLO5: Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. CLO6: Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản CLO7: Thực hành tập thành thạo các động tác của 3 tầng luyện tập cơ bản CLO8: Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp.
MT2: Về kỹ năng	+ Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng.	CLO9: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. Ứng dụng thành thạo các thủ thuật trên người bệnh trong điều trị CLO10: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng. Ứng dụng thành thạo

		các các động tác chống xơ cứng trên người bệnh trong điều trị
MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.	CLO11: Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đại cương phương pháp Xoa bóp bấm huyệt.	3										3
Các thủ thuật XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau vai gáy – viêm quanh khớp vai		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to bằng XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não		3	3	3	3				3		3
Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh						3				3	3
Các động tác chống xơ cứng tập 3 tầng luyện tập cơ bản							3	3		3	3
Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính							3	3		3	3
Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về thần kinh mạn tính							3	3		3	3
Ứng dụng 8. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính							3	3		3	3

6. Mô tả học phần/module (Phần thực hành/lâm sàng):

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Các thủ thuật xoa bóp bấm huyết.	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp cơ bản.
Các thủ thuật Xoa bóp bấm huyết.	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp cơ bản.
Xoa bóp theo vùng Đầu mặt, vai gáy Xoa bóp Điều trị bệnh Đau đầu, Đau vai gáy, viêm quanh khớp vai.	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành thành thạo điều trị BN đau đầu bằng XBBH • Thực hành thành thạo điều trị BN đau vai gáy, viêm quanh khớp vai bằng XBBH
Xoa bóp theo vùng Lưng, tứ chi Xoa bóp Điều trị Viêm quanh khớp vai, Đau lưng, đau Tk tọa	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành thành thạo điều trị BN viêm quanh khớp vai bằng XBBH • Thực hành thành thạo điều trị BN đau lưng, đau TK tọa bằng XBBH
Xoa bóp Điều trị bệnh Bại liệt, Liệt ½ người, Liệt dây 7 ngoại biên .	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành thành thạo điều trị BN liệt ½ người, bại liệt bằng XBBH • Thực hành thành thạo điều trị BN liệt dây 7 ngoại biên bằng XBBH
Các động tác chống xơ cứng Phép luyện thở, Phép luyện thư giãn.	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành tập thành thạo các động tác luyện thở, thư giãn
Các động tác chống xơ cứng trong tư thế nằm	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành tập thành thạo các động tác chống xơ cứng trong tư thế nằm
Các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi hoa sen	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành tập thành thạo các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi hoa sen
Các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi thường, tư thế đứng	04		<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành tập thành thạo các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi thường, tư thế đứng

Ứng dụng tập dưỡng sinh trong điều trị	04		<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	
Cách làm bệnh án KCDS	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Biết cách làm bệnh án KCDS
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Đọc trước bài giảng trong giáo trình Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện
Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng, đau thần kinh tọa	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Đọc trước bệnh đau lưng, đau thần kinh tọa trong giáo trình Chuẩn bị câu hỏi khi bình bệnh án
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Đọc trước bài giảng trong giáo trình Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Đọc trước bài giảng trong giáo trình Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện
Bình bệnh án XBBH trong điều trị liệt ½ người, viêm quanh khớp vai, bại liệt	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Đọc trước bệnh điều trị liệt ½ người, viêm quanh khớp vai, bại liệt trong giáo trình Chuẩn bị câu hỏi khi bình bệnh án
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Đọc trước bài giảng trong giáo trình Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện
Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp, hen phế quản, mất ngủ bằng KCDS	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Đọc trước bệnh điều trị thoái hoá khớp, hen phế quản, mất ngủ trong giáo trình Chuẩn bị câu hỏi khi bình bệnh án
Hỏi thi	04		<ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị bệnh án thi chuẩn bi thi thực hành động tác dưỡng sinh, xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh

8. Nguồn học liệu

Tài liệu chính:

Tài liệu giảng dạy DUỖNG SINH – XOA BÓP BẮM HUYẾT, dành cho đối tượng Đại học.

Tài liệu tham khảo:

1. Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Y học cổ truyền*, Nhà Xuất bản Y học.
2. Đại học Y Hà Nội, *Xoa bóp bấm huyết*, Nhà Xuất bản Y học.
3. Bác sỹ Nguyễn Văn Hương, *Phương pháp dưỡng sinh*, Nhà Xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy Thực hành – Lâm sàng

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP		Thực tập Tự học		
		Thực hành	Thảo luận			
Tuần 1	<ol style="list-style-type: none">1. Các thủ thuật XBBH cơ bản2. Các thủ thuật XBBH cơ bản3. Xoa bóp theo vùng Đầu mặt, vai gáy, Xoa bóp Điều trị bệnh Đau đầu, Đau vai gáy4. Xoa bóp theo vùng Lưng, tứ chi, Xoa bóp Điều trị Viêm quanh khớp vai, Đau lưng, đau Tk tọa5. Xoa bóp Điều trị bệnh Bại liệt, Liệt ½ người, Liệt dây 7 ngoại biên	7,5 tiết			<ul style="list-style-type: none">- Đọc trước bài giảng trong giáo trình- Chuẩn bị câu hỏi- Chuẩn bị ca lâm sàng để thảo luận	
Tuần 2	<ol style="list-style-type: none">6. Các động tác chống xơ cứng Phép luyện thở, Phép luyện thư giãn.7. Các động tác chống xơ cứng trong tư thế nằm và đứng8. Các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi hoa sen và không hoa sen9. Ứng dụng tập dưỡng sinh trong điều trị10. Ứng dụng tập dưỡng sinh trong điều trị	7,5 tiết				
Tuần 3	Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh Cách làm bệnh án KCDS Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng, đau thần kinh tọa	15 tiết		-Thực hành lâm sàng tại các bệnh viện.		

Tuần 4	Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh Bình bệnh án XBBH trong điều trị liệt ½ người, viêm quanh khớp vai, bại liệt Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp, hen phế quản, mất ngủ bằng KCDS Hỏi thi			-Thời gian: 02 tuần/lớp		
--------	---	--	--	-------------------------	--	--

11. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MODULE
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHƯƠNG TỄ (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Phương tễ
- * Tiếng Việt: Phương tễ
- * Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine
- Mã học phần/ mô đun: TRAD 4108
- Số tín chỉ: (6.0 LT, 0.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 90 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 45 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tễ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com
2	Ths Phạm Quốc Sự	0936881065	suhocvien@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thùy Dương	0383170825	thuyduongyhct@gmail.com
4	Ths Quách Thị Diễm Hằng	0983149167	Drhang.hvydhct@gmail.com
5	Ths Nguyễn Thị Trang	0947945836	Bstrang16488@gmail.com
6	Ths Bùi Phương Mai	0335236662	Bsbuiphuongmai@gmail.com
7	Ths Trần Thị Thúy Phương	0986646006	Tranphuong1128@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Trình bày được mối quan hệ giữa Phương tễ và phương pháp trị liệu trong YHCT và cách xây dựng một phương thuốc	[CĐR 6], [CĐR 7]	2,3,4
MT2	Trình bày được tên, thành phần, công dụng, chủ trị các phương thuốc Giải thích được ý nghĩa phối ngũ các phương thuốc	[CĐR 1] [CĐR 2]	
Kỹ năng			
MT3	Ứng dụng được các phương thuốc trong lâm sàng để điều trị bệnh	[CĐR 6], [CĐR 8], [CĐR 12]	4
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Tự đưa ra được những lập luận chẩn đoán bệnh để kê đơn thuốc phù hợp với lâm sàng Có trách nhiệm cao về tầm quan trọng của công việc đối với sức khỏe của người bệnh	[CĐR 14], [CĐR 16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được mối quan hệ giữa Phương tễ và phương pháp trị liệu trong YHCT và cách xây dựng một phương thuốc MT2: Trình bày được tên, thành phần, công dụng, chủ trị các phương thuốc Giải thích được ý nghĩa phối ngũ các phương thuốc	CLO1: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, bệnh học và đông dược trong điều trị bệnh y học cổ truyền bằng các bài thuốc cổ phương. CLO 3: Xây dựng được đề cương nghiên cứu về các phương thuốc y học cổ truyền trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của người bệnh
Kỹ năng	
MT3: Ứng dụng được các phương thuốc trong lâm sàng để điều trị bệnh	CLO 2: Giải thích được sự tác động của môi trường sống tới sức khỏe con người, vận dụng các bài thuốc YHCT kết hợp YHHĐ để duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe CLO 4: Chẩn đoán, điều trị và dự phòng các chứng bệnh thường gặp bằng YHCT, YHHĐ. CLO 7: Truyền đạt được các vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người bệnh, đồng nghiệp, đối tác... tại nơi công tác, phổ biến được kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, dự phòng bệnh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Tự đưa ra được những lập luận chẩn đoán bệnh để kê đơn thuốc phù hợp với lâm sàng Có trách nhiệm cao về tầm quan trọng của công việc đối với sức khỏe của người bệnh	CLO 8: Làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học CLO 9: Có trách nhiệm tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)							
	1	2	3	4	7	8	9	
Chương 1. Đại cương về phương tễ	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 2. Cách kê phương thuốc YHCT	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 3. Phương thuốc giải biểu	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 4. Phương thuốc thanh nhiệt	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 5. Phương thuốc trừ hàn	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 6. Phương thuốc cô sáp	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 7. Phương thuốc tiêu đạo	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 8. Phương thuốc tả hạ	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 9. Phương thuốc trừ đàm	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 10. Phương thuốc khai khiếu	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 11. Phương thuốc khứ thấp	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 12. Phương thuốc an thần	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 13. Phương thuốc chỉ khái	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 14. Phương thuốc trừ phong	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 15. Phương thuốc trừ phong thấp	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 16. Phương thuốc hòa giải	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 17. Phương thuốc lý khí	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 18. Phương thuốc lý huyết	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 19. Phương thuốc bổ	3	3	3	3	3	2	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Phương tễ học là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT với mục đích điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.
- Nhằm giúp các sinh viên YHCT đáp ứng được chuẩn năng lực BS YHCT có khả năng ứng dụng, lập được phương thuốc và sử dụng linh hoạt trên lâm sàng BM Phương tễ biên soạn Giáo trình Phương tễ học.
- Sách gồm có 19 chương, trong đó có 1 chương về đại cương phương tễ, 1 chương về cách kê đơn thuốc và 17 chương thuốc cụ thể, bao gồm các phương thuốc thường dùng trong lâm sàng, có ý nghĩa thực tiễn cao.
- Đồng thời trong từng phương thuốc còn bổ sung thêm phần ứng dụng lâm sàng, liên hệ giữa y học cổ truyền và y học hiện đại để tăng thêm tính ứng dụng cho phương thuốc để vận dụng trên lâm sàng.

Nội dung các chương:

1. Đại cương về phương tễ
2. Cách kê phương thuốc YHCT
3. Phương thuốc giải biểu

4. Phương thuốc thanh nhiệt
5. Phương thuốc trừ hàn
6. Phương thuốc cố sáp
7. Phương thuốc tiêu đạo
8. Phương thuốc tả hạ
9. Phương thuốc trừ đàm
10. Phương thuốc khai khiếu
11. Phương thuốc khứ thấp
12. Phương thuốc an thần
13. Phương thuốc chỉ khái
14. Phương thuốc trừ phong
15. Phương thuốc trừ phong thấp
16. Phương thuốc hòa giải
17. Phương thuốc lý khí
18. Phương thuốc lý huyết
19. Phương thuốc bổ

Cấu trúc của mỗi chương thuốc:

1. Mục tiêu bài học
2. Nội dung bài học
 - Khái quát về chương thuốc
 - Các bài thuốc cổ phương
 - Tên bài thuốc
 - Nguồn gốc xuất xứ
 - Thành phần bài thuốc
 - Cách dùng
 - Công dụng
 - Chủ trị
 - Phân tích phương thuốc
 - Gia giảm
 - Ứng dụng lâm sàng
3. Câu hỏi lượng giá cuối mỗi chương

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
BUỔI 1	Đại cương về phương tễ I. Mối quan hệ giữa phương tễ và các phương pháp trị liệu 1. Trị vị bệnh 2. Tiêu và bản 3. Lập pháp chế phương - Pháp bổ và pháp tả - Chính trị và phản trị - Tắc nhân tắc dụng - Thông nhân thông dụng 4. Nhân thời, nhân địa, nhân tri thi trị 5. Tính năng của thuốc 6. Chế ước và thích nghi II. Phương tễ và phối ngũ	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>1. Kết cấu phương tễ</p> <p>2. Loại hình phối ngũ</p> <p>III. Liều lượng các vị thuốc trong phương tễ</p>						
BUỔI 2	<p>Đại cương về phương tễ</p> <p>IV. Sự biến hóa của một phương thuốc</p> <p>1. Tăng hay giảm các vị thuốc trong phương thuốc (tạo thành phương thuốc mới)</p> <p>2. Thay đổi các vị thuốc phối ngũ trong phương thuốc</p> <p>3. Thay đổi liều lượng của các vị thuốc trong phương thuốc</p> <p>4. Thay đổi dạng bào chế</p> <p>V. Các loại hình phương tễ</p> <p>1. Lập phương theo dược vị</p> <p>a. Đại phương</p> <p>b. Tiểu phương</p> <p>c. Hoãn phương</p> <p>d. Cấp phương</p> <p>e. Kỳ phương</p> <p>f. Ngẫu phương</p> <p>g. Phức phương</p> <p>2. Lập phương theo tác dụng của dược liệu</p> <p>a. Tuyên tễ</p> <p>b. Thông tễ</p> <p>c. Tả tễ, tiết tễ</p> <p>d. Bổ tễ</p> <p>e. Trọng tễ</p> <p>f. Kinh tễ</p> <p>g. Hoạt tễ</p> <p>h. Sáp tễ</p> <p>i. Táo tễ</p> <p>k. Thấp tễ</p>	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
	<p>Cách kê phương thuốc YHCT:</p> <p>I. Kê phương thuốc theo lý luận YHCT</p> <p>1. Kê phương thuốc theo cổ phương gia giảm</p> <p>2. Kê phương thuốc theo đối pháp lập phương</p> <p>II. Kê phương thuốc theo nghiệm phương</p> <p>III. Kê phương thuốc theo toa căn bản</p> <p>1. Điều hoà cơ thể</p> <p>a. Loại thực chứng:</p> <p>b. Loại hư chứng:</p> <p>2. Tấn công bệnh</p>	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 3	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>I. Khái niệm phương thuốc Tả hạ</p> <p>II. Các phương thuốc hàn hạ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống,

	<ul style="list-style-type: none"> - Đại thừa khí thang - Tiểu thừa khí thang - Điều vị thừa khí thang <p>III. Các phương thuốc ôn hạ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Đại hoàng phụ tử thang - Ôn tỳ thang - Tam vật bị cấp hoàn 						trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 4	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>III. Các phương thuốc nhuận hạ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Ma tử nhân hoàn - Tế xuyên tiên <p>IV. Các phương thuốc trục thủy</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Thập táo thang - Châu xa hoàn <p>V. Các phương thuốc công bổ kiêm trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng long thang - Tăng dịch thừa khí thang 	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 5	<p>Phương thuốc tiêu đạo</p> <p>I. Đại cương về phương thuốc tiêu đạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>II. Thuốc tiêu đạo tích trệ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Kịện tỳ hoàn 3. Bảo hòa hoàn <p>III. Thuốc tiêu bĩ hóa tích</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Chỉ truyệt hoàn 	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
	<p>Phương thuốc cố sáp</p> <p>I. Đại cương về phương thuốc cố sáp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>II. Phương thuốc cố biểu liễm hãn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Mẫu lệ tán 3. Ngọc bình phong tán <p>III. Phương thuốc cố tinh sáp niệu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Kim tóa cố tinh hoàn 3. Tang phiêu tiêu tán <p>IV. Phương thuốc sáp trường chỉ tả</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>2. Tứ thân hoàn</p> <p>3. Cổ tràng hoàn</p>						
BUỔI 6	<p>Phương thuốc an thần</p> <p>I. Đại cương về phương thuốc an thần</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>II. Phương thuốc dưỡng tâm an thần</p> <p>1. Thiên vương bổ tâm đan</p> <p>2. Toan tảo nhân thang</p> <p>3. Giao thái hoàn</p> <p>III. Phương thuốc trọng trấn an thần</p> <p>1. Chu sa an thần hoàn</p> <p>2. Quế chi cam thảo long cốt mẫu lệ thang</p>	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
	<p>Phương thuốc khai khiếu</p> <p>I. Đại cương về phương thuốc khai khiếu</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>II. Phương thuốc lương khai</p> <p>1. An cung ngư hoàng hoàn</p> <p>2. Thanh tâm ngư hoàng hoàn</p>	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 7	<p>Phương thuốc lý khí</p> <p>I. Đại cương phương thuốc lý khí</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>II. Các phương thuốc</p> <p>1. Việt cúc hoàn</p> <p>2. Hậu phác ôn trung thang</p> <p>3. Tứ ma thang</p> <p>4. Bán hạ hậu phác thang</p> <p>5. Noãn can tiền</p> <p>6. Đinh hương thị đế thang</p> <p>7. Quất bì trúc nhự thang</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 8	<p>Phương thuốc lý huyết</p> <p>I. Đại cương phương thuốc lý huyết</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>II. Các phương thuốc hoạt huyết</p> <p>1. Đào nhân thừa khí thang</p> <p>2. Hoạt huyết tiêu ú thang</p> <p>3. Huyết phủ trực ú thang</p> <p>4. Bỏ dương hoàn ngũ thang</p> <p>5. Ôn kinh thang</p> <p>6. Sinh hóa thang</p> <p>III. Các phương thuốc chỉ huyết</p> <p>1. Thập khô tán</p> <p>2. Tứ sinh hoàn</p> <p>3. Hòe hoa tán</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	4. Tiểu kế âm tử						
BUỔI 9	Phương thuốc khư thấp 1 I. Phương thuốc táo thấp hòa vị - Bình vị tán - Hoắc hương chính khí tán II. Phương thuốc thanh nhiệt khư thấp - Nhân trần cao thang - Dương hoàng thang - Bát chính tán - Tam nhân thang - Nhị diệu tán	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 10	Phương thuốc khư thấp 2 I. Phương thuốc lợi thủy thẩm thấp 1. Ngũ linh tán 2. Trư linh thang 3. Ngũ bì tán II. Phương thuốc ôn hóa thủy thấp 1. Linh quế truật cam thang 2. Chân vũ thang 3. Kê minh tán	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 11	Phương thuốc thanh nhiệt III. Đại cương về thuốc Thanh nhiệt 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý IV. Thuốc Thanh nhiệt phần khí 1. Đại cương 2. Bạch hồ thang 3. Trúc diệp thạch cao thang III. Thanh dinh lương huyết 1. Đại cương 2. Thanh dinh thang 3. Tê giác địa hoàng thang IV. Phương thuốc thanh nhiệt giải độc 1. Đại cương 2. Hoàng liên giải độc thang 3. Tả tâm thang V. Phương thuốc thanh nhiệt tạng phủ 1. Thuốc Thanh nhiệt ở Tâm a. Đạo xích tán	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 12	Phương thuốc thanh nhiệt V. Thuốc Thanh nhiệt tạng phủ 1. Thuốc thanh nhiệt ở Tâm b. Thanh tâm liên tử ẩm 2. Thuốc thanh nhiệt Can đờm a. Long đờm tả can thang b. Tả kim hoàn 3. Thuốc Thanh nhiệt ở vị a. Thanh vị tán b. Ngọc nữ tiễn VI. Thuốc Thanh hư nhiệt 1. Đại cương	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>2. Thanh hao miết giáp thang 3. Tân cử miết giáp tán 4. Đương quy lục hoàng thang</p>						
BUỔI 13	<p>Phương thuốc hòa giải I. Khái niệm phương thuốc hoà giải II. Hoà giải thiếu dương 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Tiêu sài hồ thang - Đại sài hồ thang - Sài hồ quế chi thang III. Điều hòa can tỳ 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Tứ nghịch tán - Tiêu dao tán IV. Điều hòa trường vị 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Bán hạ tả tâm thang - Sinh khương tả tâm thang</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 14	<p>Phương thuốc chỉ khái bình suyễn I. Đại cương thuốc Chỉ khái bình suyễn II. Các phương thuốc Tuyên phế chỉ khái - Đại cương - Định suyễn thang - Chỉ thẩu tán</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 15	<p>Phương thuốc chỉ khái bình suyễn III. Các phương thuốc Thanh phế chỉ khái - Định nghĩa - Tang bạch bì thang - Thanh phế thang - Bồi mẫu ẩm IV. Phương thuốc ôn phế chỉ khái bình suyễn - Đại cương - Xạ can ma hoàng thang</p>	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	Phương thuốc trừ phong thấp 1.Đại cương phương thuốc 2.Phân loại phương thuốc 3.Các phương thuốc chữa phong hàn tý. - Các phương thuốc thông tý - Các phương thuốc hành tý - Các phương thuốc trước tý 6.Các phương thuốc chữa phong thấp nhiệt tý	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 16	Phương thuốc giải biểu V. Đại cương về thuốc giải biểu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý VI. Phương thuốc tân ôn giải biểu 1. Đại cương 2. Ma hoàng thang 3. Quế chi thang 4. Đại thanh long thang 5. Tiểu thanh long thang 6. Cát căn thang III. Phương thuốc tân lương giải biểu 1. Đại cương 2. Tang cúc ẩm 3. Ngân kiều tán 4. Ma hạnh thạch cam thang 5. Việt tỳ thang 6. Giải cơ thang	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 17	Phương thuốc giải biểu IV. Phương thuốc phù chính giải biểu 1. Đại cương 2. Phương thuốc tư âm giải biểu a. Thông bạch thất vị ẩm 3. Phương thuốc trợ dương giải biểu a. Ma hoàng phụ tử tế tân thang 4. Phương thuốc ích khí giải biểu a. Bại độc tán b. Sâm tô tán	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 18	Phương thuốc bổ I. Đại cương về thuốc bổ 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc bổ âm 1. Đại cương 2. Lục vị địa hoàng hoàn 3. Tả quy ẩm 4. Tả quy hoàn 5. Đại bổ âm hoàn III. Phương thuốc bổ dương 1. Đại cương 2. Thận khí hoàn	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	3. Hữu quy âm 4. Hữu quy hoàn 5. Ban long hoàn						
BUỔI 19	Phương thuốc bổ IV. Phương thuốc bổ khí 1. Đại cương 2. Tứ quân tử thang 3. Hương sa lục quân tử thang 4. Sâm linh bạch truật tán 5. Bổ trung ích khí thang 6. Sinh mạch tán V. Phương thuốc bổ huyết 1. Đại cương 2. Tứ vật thang 3. Đương quy bổ huyết thang 4. Quy tỳ thang 5. Bổ can thang VI. Phương thuốc bổ khí huyết 1. Đại cương 2. Bát trân thang 3. Thập toàn đại bổ 4. Đại bổ nguyên tiên	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 20	Phương thuốc trừ hàn VII. Đại cương về thuốc Trừ hàn 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý VIII. Thuốc Ôn lý trừ hàn 1. Đại cương 2. Lý trung hoàn - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 3. Tiêu kiến trung thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 4. Đại kiến trung thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 5. Ngô thù du thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng lâm sàng 6. Bài tập Tình huống lâm sàng III. Thuốc Hồi dương cứu nghịch <ul style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Tứ nghịch tán <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 3. Sâm phụ thang <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 4. Hồi dương cứu nghịch thang <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 5. Bài tập Tình huống lâm sàng IV. So sánh các phương thuốc 						
BUỔI 21	<p>Phương thuốc trừ đàm</p> <p>IX. Đại cương về phương thuốc Trừ đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>X. Phương thuốc Táo thấp hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nhị trần thang 3. Phục linh hoàn 4. Đạo đàm thang <p>III. Phương thuốc Thanh nhiệt hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Thanh khí hóa đàm hoàn 3. Tiêu hãm hung thang 4. Ôn đờm thang 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 22	<p>Phương thuốc trừ đàm</p> <p>IV. Phương thuốc Nhuận táo hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Bồi mẫu qua lâu tán 3. Bách hợp cố kim thang <p>V. Phương thuốc Khu hàn hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Linh cam ngũ vị khương tân thang 3. Tam tử dưỡng thân thang <p>V. Phương thuốc trị phong hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	2. Bán hạ bạch truật thiên ma thang 3. Tam sinh âm						
BUỔI 23	Phương thuốc Trừ phong I. Đại cương phương thuốc Trừ phong II. Các phương thuốc Sơ tán ngoại phong - Đại cương - Đại tân giao thang - Tiểu tặc mệnh thang - Xuyên khung trà điều tán III. Các phương thuốc Bình tức nội phong - Định nghĩa - Linh giác câu đằng thang - Thiên ma câu đằng âm - Trấn can tức phong thang	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Phương tễ (2021), *Giáo trình Phương tễ học*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam 5*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, quyển 2*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Bành Hoài Nhân (1993), *Trung y phương tễ đại từ điển tập 3*, Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc.

[4]. Lý Ký (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y dược Trung quốc.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý Thuyết	Kiểm tra	Bài Tập	Thảo luận	Hình thức khác	
BUỔI 1	Đại cương về phương tễ I. Mối quan hệ giữa phương tễ và các phương pháp trị liệu 1. Trị vị bệnh 2. Tiêu và bản 3. Lập pháp chế phương - Pháp bổ và pháp tả - Chính trị và phản trị - Tắc nhân tắc dụng - Thông nhân thông dụng 4. Nhân thời, nhân địa, nhân tri thi trị 5. Tính năng của thuốc	4					2

	<p>6. Chế ước và thích nghi</p> <p>II. Phương tễ và phối ngũ</p> <p>3. Kết cấu phương tễ</p> <p>4. Loại hình phối ngũ</p> <p>III. Liều lượng các vị thuốc trong phương tễ</p>						
BUỔI 2	<p>Đại cương về phương tễ</p> <p>IV. Sự biến hóa của một phương thuốc</p> <p>1. Tăng hay giảm các vị thuốc trong phương thuốc (tạo thành phương thuốc mới)</p> <p>2. Thay đổi các vị thuốc phối ngũ trong phương thuốc</p> <p>3. Thay đổi liều lượng của các vị thuốc trong phương thuốc</p> <p>4. Thay đổi dạng bào chế</p> <p>V. Các loại hình phương tễ</p> <p>1. Lập phương theo dược vị</p> <p>a. Đại phương</p> <p>b. Tiểu phương</p> <p>c. Hoãn phương</p> <p>d. Cấp phương</p> <p>e. Kỳ phương</p> <p>f. Ngẫu phương</p> <p>g. Phức phương</p> <p>2. Lập phương theo tác dụng của dược liệu</p> <p>a. Tuyên tễ</p> <p>b. Thông tễ</p> <p>c. Tả tễ, tiết tễ</p> <p>d. Bổ tễ</p> <p>e. Trọng tễ</p> <p>f. Kinh tễ</p> <p>g. Hoạt tễ</p> <p>h. Sáp tễ</p> <p>i. Táo tễ</p> <p>k. Thấp tễ</p>	2			2		1
	<p>Cách kê phương thuốc YHCT:</p> <p>I. Kê phương thuốc theo lý luận YHCT</p> <p>1. Kê phương thuốc theo cổ phương gia giảm</p> <p>2. Kê phương theo đối pháp lập phương</p> <p>II. Kê phương thuốc theo nghiệm phương</p> <p>III. Kê phương thuốc theo toa căn bản</p> <p>1. Điều hoà cơ thể</p> <p>a. Loại thực chứng:</p> <p>b. Loại hư chứng:</p> <p>2. Tấn công bệnh</p>	2					1
BUỔI 3	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>I. Khái niệm phương thuốc Tả hạ</p> <p>II. Các phương thuốc hàn hạ</p>	4					2

	<p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại thừa khí thang - Tiểu thừa khí thang - Điều vị thừa khí thang <p>III. Các phương thuốc ôn hạ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hoàng phụ tử thang - Ôn tỳ thang - Tam vật bị cấp hoàn 						
BUỔI 4	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>III. Các phương thuốc nhuận hạ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ma tử nhân hoàn - Tế xuyên tiễn <p>IV. Các phương thuốc trục thủy</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thập tảo thang - Châu xa hoàn <p>V. Các phương thuốc công bổ kiêm trị</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng long thang - Tăng dịch thừa khí thang 	2					1
BUỔI 5	<p>Phương thuốc tiêu đạo</p> <p>XI. Đại cương về phương thuốc tiêu đạo</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>XII. Thuốc tiêu đạo tích trệ</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Kiện tỳ hoàn</p> <p>3. Bảo hòa hoàn</p> <p>III. Thuốc tiêu bã hóa tích</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Chỉ truyệt hoàn</p>	2					1

	Phương thuốc cố sáp I. Đại cương về phương thuốc cố sáp 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc cố biểu liễm hãn 1. Đại cương 2. Mẫu lệ tán 3. Ngọc bình phong tán III. Phương thuốc cố tinh sáp niệu 4. Đại cương 5. Kim tảo cố tinh hoàn 6. Tang phiêu tiêu tán IV. Phương thuốc sáp trường chỉ tả 4. Đại cương 5. Tứ thần hoàn 6. Cố tràng hoàn	2					1
BUỔI 6	Phương thuốc an thần I. Đại cương về phương thuốc an thần 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc dưỡng tâm an thần 4. Thiên vương bổ tâm đan 5. Toan tảo nhân thang 6. Giao thái hoàn III. Phương thuốc trọng trấn an thần 3. Chu sa an thần hoàn 4. Quế chi cam thảo long cốt mẫu lệ thang	2					1
	Phương thuốc khai khiếu I. Đại cương về phương thuốc khai khiếu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc lương khai 3. An cung ngư hoàng hoàn 4. Thanh tâm ngư hoàng hoàn	2					1
BUỔI 7	Phương thuốc lý khí I. Đại cương phương thuốc lý khí 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Các phương thuốc 1. Việt cúc hoàn 2. Hậu phác ôn trung thang 3. Tứ ma thang 4. Bán hạ hậu phác thang 5. Noãn can tiền 6. Đinh hương thị đế thang	4					2

	7. Quất bì trúc nhự thang						
BUỔI 8	Phương thuốc lý huyết I. Đại cương phương thuốc lý huyết 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Các phương thuốc hoạt huyết 1. Đào nhân thừa khí thang 2. Hoạt huyết tiêu ứ thang 3. Huyết phủ trục ứ thang 4. Bỏ dương hoàn ngũ thang 5. Ôn kinh thang 6. Sinh hóa thang III. Các phương thuốc chỉ huyết 1. Thập khôi tán 2. Tứ sinh hoàn 3. Hề hoa tán 4. Tiểu kế ẩm tử	4					2
BUỔI 9	Phương thuốc khư thấp 1 I. Phương thuốc táo thấp hòa vị - Bình vị tán - Hoắc hương chính khí tán II. Phương thuốc thanh nhiệt khư thấp - Nhân trần cao thang - Dương hoàng thang - Bát chính tán - Tam nhân thang - Nhị diệu tán	4					2
BUỔI 10	Phương thuốc khư thấp 2 I. Phương thuốc lợi thủy thẩm thấp 1. Ngũ linh tán 2. Trư linh thang 3. Ngũ bì tán II. Phương thuốc ôn hóa thủy thấp 1. Linh quế truật cam thang 2. Chân vũ thang 3. Kê minh tán	4					2
BUỔI 11	Phương thuốc thanh nhiệt XIII. Đại cương về thuốc Thanh nhiệt 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý XIV. Thuốc Thanh nhiệt phần khí 1. Đại cương 2. Bạch hồ thang 3. Trúc điệp thạch cao thang III. Thanh dinh lương huyết 1. Đại cương 2. Thanh dinh thang 3. Tê giác địa hoàng thang IV. Phương thuốc thanh nhiệt giải độc 1. Đại cương	4					2

	<p>2. Hoàng liên giải độc thang</p> <p>3. Tả tâm thang</p> <p>V. Phương thuốc thanh nhiệt tạng phủ</p> <p>1. Thuốc Thanh nhiệt ở Tâm</p> <p>a. Đạo xích tán</p>						
BUỔI 12	<p>Phương thuốc thanh nhiệt</p> <p>V.Thuốc Thanh nhiệt tạng phủ</p> <p>1. Thuốc thanh nhiệt ở Tâm</p> <p>b. Thanh tâm liên tử ẩm</p> <p>2. Thuốc thanh nhiệt Can đờm</p> <p>a. Long đờm tả can thang</p> <p>b. Tả kim hoàn</p> <p>3. Thuốc Thanh nhiệt ở vị</p> <p>a. Thanh vị tán</p> <p>b. Ngọc nữ tiên</p> <p>VI.Thuốc Thanh hư nhiệt</p> <p>1.Đại cương</p> <p>2.Thanh hao miết giáp thang</p> <p>3.Tần cửu miết giáp tán</p> <p>4. Đương quy lục hoàng thang</p>	4					2
BUỔI 13	<p>Phương thuốc hòa giải</p> <p>I. Khái niệm phương thuốc hoà giải</p> <p>II. Hoà giải thiếu dương</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <p>- Tiểu sài hồ thang</p> <p>- Đại sài hồ thang</p> <p>- Sài hồ quế chi thang</p> <p>III. Điều hòa can tỳ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <p>- Tứ nghịch tán</p> <p>- Tiêu dao tán</p> <p>IV. Điều hòa trường vị</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <p>- Bán hạ tả tâm thang</p> <p>- Sinh khương tả tâm thang</p>	4					2
BUỔI 14	<p>Phương thuốc chỉ khái bình suyễn</p> <p>I. Đại cương thuốc Chỉ khái bình suyễn</p> <p>II. Các phương thuốc Tuyên phế chỉ khái</p> <p>- Đại cương</p> <p>- Định suyễn thang</p> <p>- Chỉ thâu tán</p>	4					2

BUỔI 15	Phương thuốc chỉ khái bình suyễn III. Các phương thuốc Thanh phế chỉ khái - Định nghĩa - Tang bạch bì thang - Thanh phế thang - Bối mẫu ẩm IV. Phương thuốc ôn phế chỉ khái bình suyễn - Đại cương - Xạ can ma hoàng thang	2					1
	Phương thuốc trừ phong thấp 1.Đại cương phương thuốc 2.Phân loại phương thuốc 3.Các phương thuốc chữa phong hàn tý. - Các phương thuốc thông tý - Các phương thuốc hành tý - Các phương thuốc trước tý 6.Các phương thuốc chữa phong thấp nhiệt tý	2					1
BUỔI 16	Phương thuốc giải biểu XV. Đại cương về thuốc giải biểu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý XVI. Phương thuốc tân ôn giải biểu 1. Đại cương 2. Ma hoàng thang 3. Quế chi thang 4. Đại thanh long thang 5. Tiểu thanh long thang 6. Cát căn thang III. Phương thuốc tân lương giải biểu 1. Đại cương 2. Tang cúc ẩm 3. Ngân kiều tán 4. Ma hạnh thạch cam thang 5. Việt tý thang 6. Giải cơ thang	4					2
BUỔI 17	Phương thuốc giải biểu IV. Phương thuốc phù chính giải biểu 1. Đại cương 2. Phương thuốc tư âm giải biểu a. Thông bạch thất vị ẩm 3. Phương thuốc trợ dương giải biểu a. Ma hoàng phụ tử tế tân thang 4. Phương thuốc ích khí giải biểu a. Bại độc tán b. Sâm tô tán	4					2

BUỔI 18	Phương thuốc bổ I. Đại cương về thuốc bổ 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc bổ âm 1. Đại cương 2. Lục vị địa hoàng hoàn 3. Tả quy âm 4. Tả quy hoàn 5. Đại bổ âm hoàn III. Phương thuốc bổ dương 1. Đại cương 2. Thận khí hoàn 3. Hữu quy âm 4. Hữu quy hoàn 5. Ban long hoàn	4					2
BUỔI 19	Phương thuốc bổ IV. Phương thuốc bổ khí 1. Đại cương 2. Tứ quân tử thang 3. Hương sa lục quân tử thang 4. Sâm linh bạch truật tán 5. Bổ trung ích khí thang 6. Sinh mạch tán V. Phương thuốc bổ huyết 1. Đại cương 2. Tứ vật thang 3. Đương quy bổ huyết thang 4. Quy tỳ thang 5. Bổ can thang VI. Phương thuốc bổ khí huyết 1. Đại cương 2. Bát trân thang 3. Thập toàn đại bổ 4. Đại bổ nguyên tiền	4					2
BUỔI 20	Phương thuốc trừ hàn XVII. Đại cương về thuốc Trừ hàn 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý XVIII. Thuốc Ôn lý trừ hàn 1. Đại cương 2. Lý trung hoàn - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 3. Tiểu kiến trung thang - Thành phần - Công dụng	4					2

	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>4. Đại kiến trung thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>5. Ngô thù du thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>6. Bài tập Tình huống lâm sàng</p> <p>III. Thuốc Hồi dương cứu nghịch</p> <p>3. Đại cương</p> <p>4. Tứ nghịch tán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>3. Sâm phụ thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>4. Hồi dương cứu nghịch thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>5. Bài tập Tình huống lâm sàng</p> <p>IV. So sánh các phương thuốc</p>						
BUỔI 21	<p>Phương thuốc trừ đàm</p> <p>XIX. Đại cương về phương thuốc Trừ đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>XX. Phương thuốc Táo thấp hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nhị trần thang 3. Phục linh hoàn 4. Đạo đàm thang <p>III. Phương thuốc Thanh nhiệt hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 	4					2

	2. Thanh khí hóa đàm hoàn 3. Tiêu hãm hung thang 4. Ôn đờm thang						
BUỔI 22	Phương thuốc trừ đàm IV. Phương thuốc Nhuận táo hóa đàm 1. Đại cương 2. Bồi mẫu qua lâu tán 3. Bách hợp cố kim thang V. Phương thuốc Khu hàn hóa đàm 1. Đại cương 2. Linh cam ngũ vị khương tân thang 3. Tam tử dưỡng thân thang VI. Phương thuốc trị phong hóa đàm 1. Đại cương 2. Bán hạ bạch truật thiên ma thang 3. Tam sinh ẩm	4					2
BUỔI 23	Phương thuốc Trừ phong I. Đại cương phương thuốc Trừ phong II. Các phương thuốc Sơ tán ngoại phong - Đại cương - Đại tần giao thang - Tiêu tục mệnh thang - Xuyên khung trà điều tán III. Các phương thuốc Bình tức nội phong - Định nghĩa - Linh giác câu đằng thang - Thiên ma câu đằng ẩm - Trần can tức phong thang	4					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0,0	Tham gia đủ 80% tiết học	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1,2,6,7,8,12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.

- Điểm tổng kết đánh giá học phần = Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết Phương tử

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

TS Phạm Thái Hưng

PGS.TS Trần Thị Thu Vân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo: Bác sĩ chính quy, Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu 2
- * Tiếng Anh: Acupuncture 2
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 LT/ 1 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 45 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ):

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp, châm cứu 1

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com

2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com
7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyệt trong điều trị.
MT HP2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.
MT HP3	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng
MT HP4	Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.
MT HP5	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thăm khám và điều trị cho người bệnh.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			x
MT HP2			x
MT HP3		x	
MT HP4		x	
MT HP5			x

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT

2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT

3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Có kiến thức về các phương pháp chọn và phối hợp huyết trong điều trị.
CLO2	Có kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.
CLO3	Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng
CLO4	Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.
CLO5	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(4)	(6)	(7)	(8)	(11)	(16)	(17)
CLO 1	3						
CLO 2	3	3	3	3			
CLO 3					3		
CLO 4					3		
CLO 5						3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện lâm sàng liên kết tại Hà Nội:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Bệnh viện Châm cứu Trung ương

Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công An

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương
Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Kim châm cứu
2	Máy điện châm
3	Bơm tiêm 5ml, 10ml
4	Hộp đựng bông cotton
5	Khay chữ nhật, khay hạt đậu
6	Bông, cotton
7	Môi ngải
8	Hộp chống sốc
9	Thuốc thủy châm
10	Dụng cụ giác hơi
11	Mô hình châm cứu

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và đúng quy định
- + Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- + Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- + Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- + Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- + Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự lý thuyết trên lớp đạt tối thiểu 80%, số tiết tham dự lâm sàng phải đạt 100% số buổi theo quy định

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần châm cứu 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chọn và phối hợp huyệt, sử dụng phương huyệt để điều trị một số mặt bệnh hay gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung liên quan đến phương pháp chọn và phối hợp huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du – Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt. Kê được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể. Cung cấp cho sinh viên triệu chứng, cách chẩn đoán và điều trị bằng châm cứu các mặt bệnh thường gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xây dựng công thức huyệt châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Phương pháp chọn và phối hợp huyệt	04	- Trình bày được phương pháp chọn và phối huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du – Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt - Kê được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	

2	Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài	04	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
3	Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai	04	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
4	Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay	04	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
5	Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau TK hông	04	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	

	to,đau lưng, đau dây V		sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau TK hông to,đau lưng, đau dây V và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị				
6	Châm cứu điều trị các bệnh: Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thông	04	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của bệnh Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thông và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
7	Châm cứu điều trị Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa	04	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	
8	Châm cứu điều trị Viêm cột sống dính khớp, đau đầu	04	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của bệnh Viêm cột sống dính khớp, đau đầu và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	6,7,8,11	Thuyết trình	Nghe và tương tác	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số. ...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bệnh án bệnh nhân Viêm quanh khớp vai	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị Viêm quanh khớp vai bằng châm cứu	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
2	Bệnh án bệnh nhân Đau lưng và Đau thần kinh hông to	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau lưng và Đau thần kinh hông to bằng châm cứu	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
3	Bệnh án bệnh nhân Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay bằng châm cứu	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
4	Bệnh án Đau thần kinh liên sườn	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành,	Lắng nghe thực hành,	

			kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau thần kinh liên sườn bằng châm cứu		thảo luận nhóm	thảo luận nhóm	
5	Bình bệnh án bệnh nhân liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa bằng châm cứu	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
6	Bình bệnh án bệnh nhân Liệt ½ người do TBMN	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt nửa người do TBMN bằng châm cứu	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
7	Bình bệnh án bệnh nhân Liệt VII ngoại biên	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt VII ngoại biên bằng châm cứu	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
8	Bình bệnh án bệnh nhân Mất ngủ	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Tâm căn suy nhược	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
9	Bình bệnh án bệnh nhân Thoái hóa khớp gối	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Thoái hóa khớp gối	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân, thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
10	Bình bệnh án bệnh	04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ	6,7,8,11	Giảng trên bệnh nhân,	Lắng nghe	

	nhân Đâu đầu		chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Thoái hóa khớp gối		thực hành, thảo luận nhóm	thực hành, thảo luận nhóm	
--	--------------	--	---	--	---------------------------	---------------------------	--

Ghi chú:

- (3) Số tiết (TH/LS/KT...): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra... của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Mức chất lượng	
	Đạt	Không đạt
Mức độ tham dự Lý thuyết theo TKB	Tham dự $\geq 80\%$ số buổi học	Tham dự $<80\%$ số buổi học
Mức độ tham dự Lâm sàng theo TKB	Tham dự 100% số buổi học	Tham dự $<100\%$ số buổi học

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành /lâm sàng

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm tối đa
		Giỏi (3,1-4)	Khá (2,1-3)	Trung bình (1,1-2)	Yếu (0-1)	
Làm bệnh án	40%	Giỏi (3,1-4)	Khá (2,1-3)	Trung bình (1,1-2)	Yếu (0-1)	4
		Làm bệnh án thành thạo	Làm bệnh án tốt	Làm bệnh án đúng quy định.	Làm bệnh án chưa đạt.	
Trả lời vấn đáp	60%	Giỏi (4,6-6)	Khá (3,1-4,5)	Trung bình (1,6-3)	Yếu (0-1,5)	6
		Trả lời đúng tất cả các câu hỏi vấn đáp của giảng viên	Trả lời đúng hầu hết các câu hỏi vấn đáp của giảng viên	Trả lời được một số câu hỏi vấn đáp của giảng viên	Trả lời được rất ít câu hỏi vấn đáp của giảng viên	
Tổng điểm lâm sàng = Điểm làm bệnh án + Điểm trả lời vấn đáp						10

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phân/mô đun chỉ có lý thuyết:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phân/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi Lý thuyết	66,67%	Điểm trắc nghiệm trên máy tính	Thi trắc nghiệm trên máy tính 70 câu	1.429%/câu	Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu hỏi trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5	Sinh viên thi trắc nghiệm tại phòng máy
Điểm Lâm sàng	33,33%	Điểm bệnh án	Bệnh án case bệnh cụ thể	40%	Đổi chiếu với bệnh án lâm cứu mẫu	CLO2, CLO3 CLO4, CLO5	Sinh viên thi trắc nghiệm tại phòng máy
		Điểm vấn đáp	Lựa chọn các phương pháp kỹ thuật lâm cứu đúng phù hợp.	60%	Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu hỏi thi		

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phân/ mô đun

Điểm học phân là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Chăm cứu dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Chăm cứu, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Chăm cứu chữa bệnh* – Bệnh viện chăm cứu Trung ương

[3] 2005. *Chăm cứu* - Đại Học Y Hà Nội

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Răng Hàm Mặt.
- * Tiếng Việt: Răng Hàm Mặt
- * Tiếng Anh: Dental Disease.
- Mã học phần/ mô đun: MEDI5118
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/> x				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
				x		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHHĐ, ngoại YHHĐ.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 40 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn RHM.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Văn Đông	0904173301	bsdongrhm@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thị Vân Anh	0984328956	Vananh.cao1976@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Võ Hoàng Anh	0912099861	Bshoanganh73@gmail.com
4	Ths. Đàm Thị Thu Hằng	0985729396	Bsmoonrhm2006@gmail.com
5	Bs CKI Nguyễn Thị Phương Thanh	0973167799	Bsthanhrhm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
	Kiến thức	4	4
	Kỹ năng	4	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	4	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của bệnh RHM	CĐR1: Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của bệnh RHM
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, hướng điều trị một số bệnh thường gặp ở RHM theo YHHĐ.	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, hướng điều trị một số bệnh thường gặp ở RHM theo YHHĐ kết hợp YHCT.
Kỹ năng	
MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.	CĐR 3: Thực hiện được các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.
MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp RHM.	CĐR 4: Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp RHM.
MT5: Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp một số bệnh thường gặp ở RHM.	CĐR 5: Chẩn đoán và Hướng Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở RHM theo YHHĐ kết hợp YHCT.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Tôn trọng với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh RHM, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CĐR 6: Tôn trọng với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh RHM, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh
MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền	CĐR 7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7
Giải phẫu và sinh lý răng miệng.	3						
Bệnh sâu răng.	3						
Bệnh lý tủy răng.		3	3				
Bệnh học Quanh răng.		3	3	3	3	3	3
Viêm quanh cuống răng.		3	3	3	3	3	3
Viêm nhiễm miệng, hàm mắt.		3	3	3	3	3	3
Chấn thương vùng hàm mắt.		3	3	3	3	3	3
Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mắt.		3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị RHM hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở RHM theo quan điểm YHHĐ kết hợp YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý RHM theo YHHĐ kết hợp YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh RHM thông thường bằng các liệu pháp YHHĐ kết hợp YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giải phẫu và sinh lý răng miệng	02		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của RHM theo YHHĐ
Bệnh sâu răng	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng bệnh sâu răng theo YHHĐ.
Bệnh lý tủy răng.	02		Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của Bệnh lý tủy răng _ Chẩn đoán, hướng điều trị, và dự phòng bệnh lý tủy răng theo YHHĐ.
Bệnh học quanh răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh học quanh răng theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh học quanh răng theo YHHĐ kết hợp YHCT.
Viêm quanh cuống răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo và YHHĐ.
Viêm nhiễm miệng, hàm mắt.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ.

			- Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHD.
Chấn thương vùng hàm mặt.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHD. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHD.
Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mặt.	03		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHD. - Chẩn đoán, hướng điều trị, và dự phòng được bệnh lý theo YHHD.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Bệnh học răng hàm mặt- Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học Răng hàm mặt giành cho bác sĩ chuyên khoa RHM – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Giải phẫu và sinh lý răng miệng.			01	01	
2	Bệnh sâu răng			01	01	
3	Bệnh lý tủy răng.			01	01	
4	Bệnh học quyanh răng.			01	01	
5	Viêm quyanh cuống răng.			01	01	
6	Viêm nhiễm miệng, hàm mặt.			01	01	
7	Chấn thương vùng hàm mặt.			01	01	
8	Cấp cứu hay gặp trong răng hamfg mặt.			0,5	0,5	
9	Giải đáp thắc mắc.					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDRđến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Đồng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG
 Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Tai Mũi Họng
- * Tiếng Việt: Tai Mũi Họng
- * Tiếng Anh: OtoRhinoLaryngology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về Nội YHHĐ, Ngoại YHHĐ, Thần Kinh.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Lâm sàng: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn TMH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS Lê Minh Kỳ	0906266767	leminhky.ent@gmail.com
2	TS Nguyễn Xuân Hòa	0988160725	tshoatmh@gmail.com
3	TS Nguyễn Hoàng Huy	0912416757	hoanghuyorl@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT[3]	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Ghi nhớ kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng	[CĐR 5]; [CĐR 6];	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT[3]	Mức độ [4]
MT2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.	[CĐR 5]; [CĐR 6];	
Kỹ năng			
MT 3	Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp.	[CĐR 5]; [CĐR 6];	3
MT 4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	[CĐR 8];	3
MT 5	Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường	[CĐR 8];	3
MT 6	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng	[CĐR 4];	3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH	[CĐR 5]; [CĐR 6];	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng	CĐR1: Mô tả được giải phẫu, cơ chế bệnh sinh, giai đoạn lâm sàng của các bệnh lý Tai Mũi Họng.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh Tai Mũi Họng hay gặp.
Kỹ năng	
MT 3: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp.	CĐR 3: Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, dựa vào hình ảnh nội soi TMH để chẩn đoán chính xác được một số bệnh lý Tai Mũi Họng.
MT 4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CĐR 4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường

MT 5: Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường	CĐR 5: Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường
MT 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng	CĐR 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH	CĐR 7: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô-đun

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Viêm tai giữa cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm	2	2	2	2	2		2
Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm	2	2	2	2	2		2
Đại cương biến chứng nội sọ do tai	2	2	2	2	2		2
Viêm mũi xoang cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm mũi xoang mạn	2	2	2	2	2		2
Chảy máu mũi	2	2	2	2	2		2
Ung thư vòm mũi họng	2	2	2	2	2		2
Viêm VA, Viêm Amydal cấp	2	2	2	2	2		2
Dị vật đường thở	2	2	2	2	2		2
Dị vật đường ăn	2	2	2	2	2		2
Viêm họng cấp, mạn	2	2	2	2	2		2
Viêm thanh quản cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm thanh quản mạn	2	2	2	2	2		2
Ung thư thanh quản- hạ họng	2	2	2	2	2		2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên

Viêm tai giữa cấp	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán... Biến chứng viêm tai giữa cấp Kê đơn điều trị viêm tai giữa cấp.
Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán... Cholesteatoma Phát hiện các biến chứng.
Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Triệu chứng của các thể viêm tai giữa mạn tính Khai thác tiền sử, bệnh sử.
Đại cương biến chứng nội sọ do tai	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau tai, chảy mủ tai tăng lên, sốt cao rét run, nhức đầu, nôn, tinh thần thay đổi Xác định hội viêm của viêm tai xương chũm mạn tính.
Viêm mũi xoang cấp	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu sinh lý mũi xoang, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, ngạt, tắc mũi, chảy mũi, giảm ngửi.
Viêm mũi xoang mạn	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu sinh lý mũi xoang, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định Khai thác tiền sử, bệnh sử: ngạt, tắc mũi, chảy mũi, giảm ngửi.
Chảy máu mũi	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu hốc mũi và mối liên quan, hệ thống mạch máu nuôi dưỡng.. Nguyên nhân gây chảy máu mũi Cách xử trí chảy máu mũi.
Ung thư vòm mũi họng	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu thần kinh sọ và mối liên quan vùng vòm mũi họng. Sinh bệnh học, dịch tế học ung thư Triệu chứng của ung thư vòm, các giai đoạn của ung thư vòm. (T.N.M.) Chẩn đoán xác định. Chẩn đoán phân biệt Nguyên tắc điều trị. Tiên lượng.
Viêm VA, Viêm Amydal cấp	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu vòng Waldeyer. Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của Viêm A/VA. Chẩn đoán viêm A/VA cấp/ mạn Hướng điều trị điều trị.
Dị vật đường thở	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu hệ thống hô hấp. Các nguyên nhân của dị vật đường thở, phân loại mức độ suy hô hấp.

			3. Biến chứng dị vật đường thở 4. Nguyên tắc xử trí
Dị vật đường ăn	01		1.Nắm được giải phẫu họng, thực quản, trung thất. 2. Triệu chứng lâm sàng và Xquang của dị vật đường ăn và biến chứng. 3. Tiêu chuẩn chẩn đoán: xác định, phân biệt, vị trí, biến chứng 4. Nguyên tắc xử trí
Viêm họng cấp, mạn	01		1.Nắm được giải phẫu sinh lý họng, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau, ho, có nổi hạch cổ. 4. Nguyên tắc xử trí
Viêm thanh quản cấp	01		1.Nắm được giải phẫu sinh lý thanh quản, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử xác định các dấu hiệu: khàn tiếng, ho, khó thở...
Viêm thanh quản mạn	01		1.Nắm được giải phẫu sinh lý thanh quản, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử xác định các dấu hiệu: khàn tiếng kéo dài, ho
Ung thư thanh quản-hạ họng	01		1.Nắm được giải phẫu hạ họng - thanh quản và mối liên quan vùng đầu cổ. Sinh bệnh học, dịch tễ học ung thư 2. Triệu chứng của ung thư vòm, các giai đoạn của ung thư vòm. (T.N.M.) 3. Chẩn đoán xác định. Chẩn đoán phân biệt 4. Nguyên tắc điều trị. Tiên lượng.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990
- Bộ môn TMH : Tài liệu giảng dạy cho học viên CKĐH. ĐHY Hà Nội 2007
- Gs Ngô Ngọc Liên: Giảm yếu Tai mũi họng. NXB Y Học 2005
- Gs Võ Tấn: Tai mũi họng thực hành. NXB Y học 1982

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác (giảng)	
1	Viêm tai giữa cấp				01	
	Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm				01	
	Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm				01	
	Đại cương biến chứng nội sọ do tai				01	

	Viêm mũi xoang cấp				01	
	Viêm mũi xoang mạn				01	
	Chảy máu mũi				01	
	Ung thư vòm mũi họng				01	
2	Viêm VA, Viêm Amydal cấp				01	
	Dị vật đường thở				01	
	Dị vật đường ăn				01	
	Viêm họng cấp, mạn				01	
	Viêm thanh quản cấp				01	
	Viêm thanh quản mạn				01	
	Ung thư thanh quản- hạ họng				01	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR7

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 5

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	CDR 1 đến CDR 3
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thái Hưng

Nguyễn Xuân Hòa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TAI MŨI HỌNG (Lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: **Tai Mũi Họng**
- * Tiếng Anh: OtoRhinoLaryngology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về Nội YHHĐ, Ngoại YHHĐ, Thần Kinh.

Số tiết đối với các hoạt động học tập:

- + Lý thuyết: 10 tiết
- + Bài tập: 5 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết
- + Kiểm tra: 05 tiết
- + Thời gian tự học: 15 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn TMH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGs TS Lê Minh Kỳ	0906266767	leminhky.ent@gmail.com
2	TS Nguyễn Xuân Hòa	0988160725	tshoatmh@gmail.com
3	TS Nguyễn Hoàng huy	0912416757	hoanghuyorl@gmail.com
4	ThS Ngô Văn Trọng	0988425593	trong.tmh@gmail.com
5	Ths Trần Hữu Thắng	0989801168	Tranhuuthang.ent@gmail.com
6	Ths Hà Minh Lợi	0911766668	Loihaminh77@gmail.com
7	Bs CK II Phạm Văn Hữu	0984811861	Huuphamvan1980@gmail.com
8	TS Phạm Việt Hoàng	0988501577	Phamviethoang1959@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH	CĐR 5;	3
MT2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp	CĐR 5;	3
Kỹ năng			
MT 3	Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân	CĐR 8;	3
MT 4	Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.	CĐR 5;	3
MT5	Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.	CĐR 5;	3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CĐR 5;	3
MT7	Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CĐR 5;	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH.	CĐR1: Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp
Kỹ năng	
MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân	MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân

MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.	MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.
MT5: Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.	MT5: Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	MT6: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.
MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Cách khám TMH thông thường	1	2	3	3	3	3	3
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.	3	2	1	2	2	1	1
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.	3	2	1	2	2	1	1
cách làm bệnh án TMH	1	2	3	3	3	3	3
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn	3	2	1	2	2	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun

Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Cách khám TMH thông thường	04		- Biết cách sử dụng các dụng cụ khám TMH thông thường.
cách làm bệnh án TMH	04		Biết cách hoàn thiện bệnh án chuyên khoa TMH.
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn	04		Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý bệnh Viêm họng cấp, mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.

Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý các bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý các bệnh tai giữa cấp, mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990
- Bộ môn TMH : Tài liệu giảng dạy cho học viên CKĐH. ĐHY Hà Nội 2007
- Gs Ngô Ngọc Liễu: Giảm yếu Tai mũi họng. NXB Y Học 2005
- Gs Võ Tấn: Tai mũi họng thực hành. NXB Y học 1982

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Bài lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Giảng dạy tại bệnh viện	
1	Cách khám TMH thông thường				04	
	Cách làm bệnh án TMH				04	
	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn				04	
	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.				04	
2	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.				04	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng, người bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Bệnh viện thực hành có khoa Tai Mũi Họng

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên có mặt tại bệnh viện đúng và đủ giờ.

Sinh viên vắng 1 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành lâm sàng	≥ 4	Đi đủ tất cả các học	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Lâm sàng (vấn đáp)	≥ 4		

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thái Hưng

Nguyễn Xuân Hòa

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN MẮT
(PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mắt
- * Tiếng Việt: Mắt
- * Tiếng Anh: Ophthalmology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1.0 LT, 1.0 LS
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp x <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành x <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Hiệp	0913564796	
2	PGS.TS Bùi Thị Vân Anh	0903422256	
3	TS Hoàng Cương	0913553511	
4	TS Đỗ Tấn	0912364598	
5	PGS.TS Lê Xuân Cung	0913056399	
6	TS Nguyễn Quốc Anh	0912117030	
7	TS Thâm Trương Khánh Vân	0983345004	
8	TS Nguyễn Văn Huy	0903281854	
9	TS Phạm Thị Minh Châu	0796087966	
10	ThS Nguyễn Kiên Trung	0912486046	

11	ThS Nguyễn Thu Trang	0989955613	
12	ThS Võ Thị Thu Hồng	0982161854	
13	ThS Nguyễn Thị Thúy Giang	0382140555	
14	ThS Nguyễn Đức Dũng	0936120784	
15	ThS Nguyễn Thái Đạt	09130660515	
16	Ths Phạm Thị Minh	0914761878	Minhpham110275@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	. Biết được giải phẫu, sinh lý nhãn cầu và bộ phận phụ của nhãn cầu	[CDR1], [CDR 3]	3
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân bình thường và bất thường, bệnh lý về Mắt Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý. Nhận thức được tầm quan trọng, tính nguy hiểm và tuyên truyền phòng bệnh với một số bệnh mắt.	[CDR6] [CDR9]	3
	Kỹ năng		
	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	[CDR9] [CDR10]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
---------------------------	--------------------------------

Kiến thức	
<p>MT1: Biết được giải phẫu, sinh lý nhãn cầu và bộ phận phụ của nhãn cầu</p> <p>MT2: Khám, lượng giá được bệnh nhân bình thường và bất thường, bệnh lý về Mắt. Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý. Nhận thức được tầm quan trọng, tính nguy hiểm và tuyên truyền phòng bệnh với một số bệnh mắt.</p>	<p>CLO1: Trình bày và nắm được các mốc giải phẫu, cấu tạo, chức năng của từng bộ phận nhãn cầu.</p> <p>CLO 2: Khám lượng giá được bệnh nhân có bất thường về mắt, sơ bộ chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí đúng.</p> <p>CLO3: Trên cơ sở chẩn đoán đúng sẽ cho phác đồ điều trị đúng với một số bệnh về mắt thường gặp, kết hợp tuyên truyền phòng bệnh cho người dân.</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày</p>	<p>CLO 4: Vận dụng hiểu biết của mình về kiến thức bệnh về mắt giúp điều trị phòng ngừa nâng cao khả năng điều trị phòng bệnh.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	<p>CLO 5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt	1		2	2	1
Chương 2. Các nguyên nhân gây đờ mắt	2		2	2	1
Chương 3. Các nguyên nhân gây đờ mắt		2	2	2	1
Chương 4. Chấn thương mắt		2	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung Mắt gồm: Giải phẫu và sinh lý mắt, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		

Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt 1. Hốc mắt 2. Mi mắt 3. Hệ thống lệ 4. Nhãn cầu 5. Đường thần kinh thị giác và trung tâm vỏ não thị	1			1		Đọc lại giải phẫu trước, chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương II. Các nguyên nhân đốm mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương III. Các nguyên nhân mờ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	1			1		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương IV. Chấn thương mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nhân khoa BSDK – Bộ Y tế, Nhà xuất bản Hà Nội - 2016.
- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nhân khoa giảm yếu tập I, II, PGS.TS.NGƯT. Phan Dẫn và cộng sự, Nhà xuất bản Y học 2007

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt 1. Hốc mắt 2. Mi mắt 3. Hệ thống lệ 4. Nhãn cầu	4					4

	5. Đường thần kinh thị giác và trung tâm vỏ não thị						
2	Chương II. Các nguyên nhân đờ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	4					4
3	Chương III. Các nguyên nhân mờ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	4					4
4	Chương IV. Chấn thương mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	3					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt

động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
 - Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần
 - Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
 - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
- Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CDR 1 đến CDR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dực).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN MẮT
(PHẦN THỰC HÀNH/ LÂM SÀNG)**

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mắt

* Tiếng Việt: Mắt

* Tiếng Anh: Ophthalmology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5116

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Hiệp	0913564796	
2	PGS.TS Bùi Thị Vân Anh	0903422256	
3	TS Hoàng Cương	0913553511	
4	TS Đỗ Tấn	0912364598	
5	PGS.TS Lê Xuân Cung	0913056399	
6	TS Nguyễn Quốc Anh	0912117030	
7	TS Thẩm Trương Khánh Vân	0983345004	
8	TS Nguyễn Văn Huy	0903281854	
9	TS Phạm Thị Minh Châu	0796087966	
10	ThS Nguyễn Kiên Trung	0912486046	
11	ThS Nguyễn Thu Trang	0989955613	
12	ThS Võ Thị Thu Hồng	0982161854	
13	ThS Nguyễn Thị Thúy Giang	0382140555	
14	ThS Nguyễn Đức Dũng	0936120784	

15	ThS Nguyễn Thái Đạt	09130660515	
16	Ths Phạm Thị Minh	0914761878	Minhpham110275@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về mắt, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh mắt thường gặp.	[CDR1], [CDR4], [CDR5], [CDR7], [CDR8], [CDR9]	3
	Kỹ năng		
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh về mắt thường gặp	[CDR5] [CDR7]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CDR8], [CDR9]	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CDR10] [CDR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về mắt, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh mắt thường gặp.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân về mắt CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.

MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
<i>Phương pháp khám mắt, cách làm bệnh án mắt.</i>	3			3	2	2
<i>Phương pháp đo thị lực</i>	2	3		3	2	2
<i>Phương pháp đo thị trường ước lượng</i>		3		3	2	2
<i>Phương pháp đo nhãn áp</i>			3	3	2	2
<i>Cách nhỏ thuốc , tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt</i>	2	2	2	3	3	3
<i>Các thuốc điều trị trong nhãn khoa</i>	2		2		3	3
<i>Chấp lệ và cách xử lý</i>	2	3	2	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần bao gồm cách khám và làm bệnh án mắt, nắm được các phương pháp đo thị lực, thị trường, nhãn áp, cách xử trí chấp lệ, cách tra, nhỏ, rửa mắt, nắm được các thuốc xử dụng trong nhãn khoa.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Cách khám và làm bệnh án mắt	4	4	Đọc trước giáp trình, lắng nghe, quan sát và làm theo.
Bài 2: Thị lực và phương pháp khám thị lực	4	4	
Bài 3: Nhãn áp	3	3	
Bài 4: Thị trường	4	4	
Bài 5: Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	4	4	

Bài 6: Cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	4	4	
Bài 7: Chắp lẹo và cách xử trí	4	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nhân khoa BSDK – Bộ Y tế, Nhà xuất bản hà nội - 2016.
- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nhân khoa giảm yếu tập I, II, PGS.TS.NGƯT. Phan Dẫn và cộng sự, Nhà xuất bản Y học 2007

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án mắt	4					4
2	Bài 2: Thị lực và phương pháp khám thị lực	4					4
3	Bài 3: Nhãn áp	4					4
4	Bài 4; Thị Trường	4					4
5	Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	4					4
6	Cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	4					4
7	Chắp lẹo và cách xử trí	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyên tài cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projector, mô hình, bệnh nhân, máy đo thị lực, nhãn áp....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)			
	Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2:	25%	≥ 4	
	Bài 3	25%	≥ 4	
	Bài 4	25%	≥ 4	
	Bài 5:	25%	≥ 4	
	Bài 6:	25%	≥ 4	
Bài 7	25%	≥ 4		
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần mắt).
- Điểm kết thúc thực hành lâm sàng là trung bình cộng điểm của các bài thực hành lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
UNG THƯ (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Ung thư

* Tiếng Anh: Cancer

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (1.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

 + Lý thuyết: 15 tiết

 + Bài tập: tiết

 + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

 + Kiểm tra: tiết

 + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com
3	BS. Hoàng Trọng Tuấn	0979686669	hoangtuan3350@gmail.com
4	BS. Nguyễn Đăng Yên	0978783214	ngdangyen0409@gmail.com
5	BS. Nguyễn Hương Giang	0399893280	bsnhgiang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.	[CDR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau	[CDR1], [CDR 2]	2
	Kỹ năng		
MT3	- Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư	[CDR6]	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
	Kiến thức
MT1: Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư; Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau.	CLO1: khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư. CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau
	Kỹ năng
MT2: - Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú.	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh Ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư.

- Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun CLO)			
	1	2	3	4
Khái niệm cơ bản về ung thư	2	2		
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	2	2		
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	2	2		
Chẩn đoán bệnh ung thư	2	2		
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	2	2		
Điều trị giảm đau	2	2		
Ung thư vòm	2	2		
Ung thư phổi	2	2		
Ung thư dạ dày	2	2		
Ung thư đại tràng	2	2		
Ung thư vú			2	
U lympho ác tính không Hodgkin			2	
Ung thư gan nguyên phát			2	
Ung thư biểu mô buồng trứng			2	
Ung thư cổ tử cung			2	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Khái niệm cơ bản về ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Quá trình tiến triển	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản

tự nhiên và dự phòng ung thư						biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chẩn đoán bệnh ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Điều trị giảm đau	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư vòm	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư phổi	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư dạ dày	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư đại tràng	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư vú	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý

						tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
U lympho ác tính không Hodgkin	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư gan nguyên phát	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư biểu mô buồng trứng	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư cổ tử cung	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Bài giảng Chuyên ngành Ung thư*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bài giảng Ung thư học (2001), Bộ môn Ung thư, Trường Đại học Y Hà Nội.

[2] Ung thư học đại cương (2009), Bộ Y tế.

[3] Bệnh học Ung thư Phụ khoa (2005), Trần Thị Phương Mai.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Khái niệm cơ bản về ung thư	1					2
2	Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	1					2
3	Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	1					2
4	Chẩn đoán bệnh ung thư	1					2
5	Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	1					2
6	Điều trị giảm đau	1					2
7	Ung thư vòm	1					2

8	Ung thư phổi	1				2
9	Ung thư dạ dày	1				2
10	Ung thư đại tràng	1				2
11	Ung thư vú	1				2
12	U lympho ác tính không Hodgkin	1				2
13	Ung thư gan nguyên phát	1				2
14	Ung thư biểu mô buồng trứng	1				2
15	Ung thư cổ tử cung	1				2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	30%		CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
UNG THƯ (THỰC HÀNH)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ung thư
- * Tiếng Việt: Ung thư
- * Tiếng Anh: Cancer
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nội, ngoại, sản, nhi
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 42 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 22 tiết
 - + Bài tập: 00 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - + Kiểm tra: 05 tiết
 - + Thời gian tự học: 00 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com
3	BS. Hoàng Trọng Tuấn	0979686669	hoangtuan3350@gmail.com
4	BS. Nguyễn Đăng Yên	0978783214	ngdangyen0409@gmail.com
5	BS. Nguyễn Hương Giang	0399893280	bsnhgiang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.	[CDR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau	[CDR1], [CDR 2]	2
	Kỹ năng		
MT3	- Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư	[CDR6]	2
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư; Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau.	CLO1: khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư. CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau
MT2: - Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú.	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh Ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư.

- Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Khái niệm cơ bản về ung thư	2	2		
Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư	2	2		
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	2	2		
Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	2	2		
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	2	2		
Chẩn đoán bệnh ung thư	2	2		
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	2	2		
Điều trị giảm đau	2	2		
Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị	2	2		
Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị	2	2		
Ung thư vòm			2	
Ung thư phổi			2	
Ung thư dạ dày			2	
Ung thư đại tràng			2	
Ung thư vú			2	
U lympho ác tính không Hodgkin			2	
Ung thư gan nguyên phát			2	
Ung thư biểu mô buồng trứng			2	
Ung thư cổ tử cung			2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư	4	4	
Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	4	4	

Điều trị giảm đau	4	4	Chuẩn bị bài seminar bằng văn bản (giờ tự học) - Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị	4	4	
Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị	4	4	
Ung thư vòm	4	4	
Ung thư phổi	4	4	
Ung thư dạ dày	4	4	
Ung thư đại tràng	4	4	
Ung thư vú	4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trường đại học Dược Hà Nội (2010). *Thực hành Pháp chế dược*. Nơi xuất bản: Lưu hành nội bộ

[2] Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2021), *Thực hành Pháp chế dược*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam 2020

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Quốc Hội 13 (2016), *Luật Dược năm 2016*

[2] Các thông tư 52/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2017/TT-BYT, Thông tư 20/2017/TT-BYT, Thông tư 01/2018/TT-BYT, Thông tư 07/2018 của Bộ Y tế ban hành và các thông tư do Bộ Y tế ban hành sau năm 2016 về GPs và GACP

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư					4	4
2	Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	4					4
3	Điều trị giảm đau					4	4
4	Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị					4	4

5	Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị					4	4
6	Ung thư vòm					4	4
7	Ung thư phổi					4	4
8	Ung thư dạ dày					4	4
9	Ung thư đại tràng					4	4
10	Ung thư vú	4				4	8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn CLO3, CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	30%		CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAAM THẦN

Đối tượng đào tạo: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Tâm Thần
- * Tiếng Anh: Psychiatry
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1.0 LT
- Đối tượng học (năm thứ): 5 YK và YHCT
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input type="checkbox"/>	Tự chọn x <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sức khỏe tâm thần
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 16 tiết
 - + Lý thuyết: 16 tiết
 - + Kiến tập lâm sàng
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	BS CKI. Đỗ Thị Thúy Anh	0912440699	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức ND1 Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý. ND2 Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. ND3 Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh. ND 4 Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội.	[CDR1], [CDR 3] [CDR6] [CDR9]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	ND 5 Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.		
	<p>Kỹ năng</p> <p><i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề về sức khỏe. - Chỉ định và phân tích được kết quả trắc nghiệm, xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản. - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thường gặp. <p><i>Kỹ năng sáng tạo, phát triển chuyên môn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự đào tạo liên tục các vấn đề trong chuyên môn. - Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc. <p><i>Đạo đức nghề nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bằng, khách quan, trung thực, liêm chính. - Tác phong làm việc chuyên nghiệp, xử lý các xung đột đạo đức trong hành nghề. 	[CDR9] [CDR10]	3
	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tinh thần sáng tạo trong môi trường đa dạng, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. - Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập được kế hoạch hướng dẫn tổ chức sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn. 	[CDR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý.	CLO1: Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý.

MT 2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. MT3: Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh. MT 4: Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội.	CLO 2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội. CLO3: Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.
Kỹ năng	
MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	CLO 4 Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 5: Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5		
Nội dung 1	2			2			
Nội dung 2		2		2			
Nội dung 3			2				
Nội dung 4			2				
Nội dung 5				2			

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sinh viên có hiểu biết đầy đủ về các chẩn đoán Tâm thần theo danh mục của ICD10, chương F, có tham khảo quyết định 2058/ QĐ-BYT ngày 14 tháng năm 2020 về việc lựa chọn các vấn đề bệnh học Tâm thần trong thực tiễn lâm sàng tại Việt Nam; cũng như cách quản lý; điều trị và cách chăm sóc bệnh nhân có rối loạn tâm thần. Sinh viên có hiểu biết về các khía cạnh đạo đức hành nghề và pháp luật trong thực hành lâm sàng Tâm Thần.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
- Đại cương -Các rối loạn tâm thần thực tồn (chương 1)	4					Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về

							đọc hiểu các nội dung
- Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần (chương 2) - Các rối loạn loạn thần và rối loạn khí sắc (chương 3) - Shock điện	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung
Các rối loạn liên quan đến stress (chương 4) - Hội chứng hành vi kết hợp với các rối loạn sinh lý (chương 5) - Liệu pháp tâm lý	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung
- Các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên (chương 6) - Hóa dược điều trị các rối loạn tâm thần	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Đỗ Thị Thúy Anh (2022). Sức khỏe Tâm thần tập 2. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Tâm thần Đại học Y Hà Nội. 2016. *Giáo trình Bệnh học tâm thần*, NXB Y học.

[2] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y 2007. *Tâm thần học và Tâm lý học y học (Giáo trình giảng dạy đại học)*. NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y. 2005 *Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học)*. NXB Quân đội nhân dân

[4] Tổ chức Y tế Thế giới WHO *Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi*. Geneva, 1992. (Bản dịch của Trần Di Ái và CS)

[5] Kaplan & Sadock, *Concise Textbook of Clinical Psychiatry*, 4th edition, 2017

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	- Đại cương - Các rối loạn tâm thần thực tổn (chương 1)					
2	- Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần					

	(chương 2) - Các rối loạn loạn thần và rối loạn khí sắc (chương 3) Shock điện					
3	Các rối loạn liên quan đến stress (chương 4) - Hội chứng hành vi kết hợp với các rối loạn sinh lý (chương 5) Liệu pháp tâm lý					
4	- Các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên (chương 6) Hóa dược điều trị các rối loạn tâm thần					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt

động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR 4
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...			CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
TÂM THẦN

Đối tượng đào tạo: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Tâm Thần
- * Tiếng Anh: Psychiatry
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	Ngô Hùng Lâm	BSCKII	
	Trần Quyết Thắng	ThS.BSCKII	
	Vũ Ngọc Úy	ThS.BSCKII	
	Nguyễn Văn Tuấn	Tiến sĩ	
	Đỗ Văn Thắng	ThS.BSCKII	
	Nguyễn Đức Vượng	ThS.BSCKII	
	Phạm Thế Văn	ThS.BSNT	
	Lê Thị Hảo	BSCKII	
	Trần Thị Thu Phương	BSCKII	
	BS CKI. Đỗ Thị Thúy Anh	BSCK I	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh hường gặp.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	4
	Kỹ năng Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh thường gặp Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR5] [CĐR7] [CĐR8], [CĐR9]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh thường gặp.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống
Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)

MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh thường gặp.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	1	2	3	4	5	6	
Nhận định các chức năng tâm lý bất thường	3			3	2	2	
Phỏng vấn bệnh nhân	2	3		3	2	2	
Nhận định các triệu chứng, hội chứng		3		3	2	2	
Lập luận chẩn đoán			3	3	2	2	
Đưa ra hướng xử trí, nguyên tắc điều trị	2	2	2	3	3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám (nhận định chức năng tâm lý bất thường, các triệu chứng, hội chứng) và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Rối loạn tâm thần do rượu Rối loạn tâm thần do lạm dụng chất khác hoặc nghiện game			
Tâm thần phân liệt Rối loạn loạn thần khác			
Trầm cảm			
Rối loạn cảm xúc lưỡng cực			
Tự kỉ và ADHD hoặc Sa sút trí tuệ			
Rối loạn lo âu			

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Đỗ Thị Thúy Anh (2022). Sức khỏe Tâm thần tập 2. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1] Bộ môn Tâm thần Đại học Y Hà Nội. 2016. *Giáo trình Bệnh học tâm thần*, NXB Y học.
- [2] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y 2007. *Tâm thần học và Tâm lý học y học (Giáo trình giảng dạy đại học)*. NXB Quân đội nhân dân.
- [3] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y. 2005 *Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học)*. NXB Quân đội nhân dân
- [4] Tổ chức Y tế Thế giới WHO *Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi*. Geneva, 1992. (Bản dịch của Trần Di Ái và CS)
- [5] Kaplan & Sadock, *Concise Textbook of Clinical Psychiatry*, 4th edition, 2017

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung					Giờ giảng của giảng viên (giờ) Thực hành/ lâm sàng
	Thực hành/ lâm sàng	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Các hình thức khác		
1	Rối loạn tâm thần do rượu Rối loạn tâm thần do lạm dụng chất khác hoặc nghiện game	4		1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án	4
2	Tâm thần phân liệt Rối loạn loạn thần khác	4		2	Bài 2:	4
3	Trầm cảm	4		3	Bài 3:	4
4	Rối loạn cảm xúc lưỡng cực	4		4	Bài 4;	4
	Tự kỉ và ADHD hoặc Sa sút trí tuệ					
	Rối loạn lo âu					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành
 Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng để tổ chức phỏng vấn và quan sát bệnh nhân

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CLO1 - CLO6

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2021
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LAO (LT)**

Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Môn Lao

* Tiếng Anh: Tuberculosis

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 02 (01LT/01LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội , ngoại , phụ sản, chẩn đoán hình ảnh

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền Nhiễm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ths. Trần Thị Thu Hà	0904288514	Truyền Nhiễm	Thuha1968@gmail.com
2	Ths.Đình Thị Thúy Hà	0904017479	Truyền Nhiễm	Bs.dinhha72@gmail.com
3	Ths.Lê Thị Phương Thảo	0946887509	Truyền Nhiễm	Lethao.bvtt88@gmail.com
4	Ths. Trần Thanh Hà	0965607190	Truyền Nhiễm	Hatran1090@gmail.com

Giảng viên thỉnh giảng

1. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Thu Thủy

Học vị , học hàm: BSCKII

Chức danh : Trưởng khoa Lao hô hấp

2. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Mạnh Thế

Học hàm, học vị: Bác sỹ nội trú

- Chức danh: Phó Trưởng khoa Lao hô hấp
- 3.Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Hữu Trí
Học hàm, học vị: BSKKII
Chức danh: Trưởng khoa Nội tổng hợp
4. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Đào Thị Hà
Học hàm, học vị: BSKKII
Chức danh: Phó Trưởng khoa Nội tổng hợp
- 5.Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Cung Văn Công
Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Chức danh: Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh
- 6.Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Hoàng Văn Lương
Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Chức danh: Phó Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia	[CDR1],	3
MT2	Các biểu hiện lâm sàng, nguyên tắc điều trị Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi cũng như đặc điểm của Lao kháng thuốc và các biện pháp phòng bệnh Lao.	[CDR1], [CDR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp	[CDR1], [CDR2], [CDR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân Lao	[CDR14],[CDR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh Lao, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1. Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia	CLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ, đặc điểm vi khuẩn lao
MT2: Các biểu hiện lâm sàng, nguyên tắc điều trị Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi và các biện pháp phòng bệnh Lao.	CLO 2: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng từng bệnh Lao nguyên tắc điều trị bệnh Lao thường gặp, biện pháp phòng bệnh Lao

MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân bệnh lao	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân bệnh Lao. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân bệnh Lao
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh Lao, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh Lao CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Mức 1: Thấp;</i>							
<i>Mức 2: Trung bình ;</i>							
<i>Mức 3: Cao</i>							
Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao	2						
Chương Trình chống lao quốc gia		2					
Điều trị bệnh lao		2	2	2	2	3	3
Lao ngoài phổi		2	2	2	2	3	3
Lao kháng thuốc		2	2	2	2	3	3
Bệnh lao trẻ em		2	2	2	2	3	3
Lao phổi người lớn		2	2	2	2	3	3
Dự phòng bệnh lao		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Bệnh lao có thể điều trị khỏi trên 90% các trường hợp bị mắc nếu người bệnh kiên trì điều trị đúng nguyên tắc. Phát hiện và điều trị sớm bệnh lao sẽ giảm thiểu được các di chứng nặng nề ảnh hưởng đến sức khoẻ và khả năng lao động của người bệnh.

- Điều trị bệnh lao nhằm những mục đích: khỏi bệnh, giảm tỷ lệ tử vong, giảm tỷ lệ kháng thuốc cũng như giảm sự lây truyền trong cộng đồng và cuối cùng là thực hiện ước mơ muôn đời của loài người là thanh toán bệnh lao.

- Điều trị các bệnh là việc làm hết sức quan trọng và vô cùng phức tạp. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao	02		Trình bày được đặc điểm vi khuẩn Lao Trình bày đặc điểm dịch tễ bệnh Lao
Chương Trình chống lao quốc gia	02		Trình bày chương trình chống Lao quốc gia
Điều trị bệnh lao	02		- Trình bày nguyên tắc điều trị, phác đồ điều trị bệnh Lao
Lao ngoài phổi	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao ngoài Phổi - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao ngoài Phổi
Lao kháng thuốc	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao kháng thuốc - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao kháng thuốc
Bệnh lao trẻ em	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao trẻ em - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao trẻ em
Lao phổi người lớn	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao Phổi người lớn - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao Phổi người lớn
Dự phòng bệnh lao	01		-Phòng bệnh lao

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Bài giảng bệnh Lao - Học viện Y Dược Học cổ Truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hướng dẫn quản lý bệnh lao. NX- BYH. Hà Nội, Quyết định 374/ QĐ-TTg ngày 17/03/2014 của Chính Phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng chống lao đến năm 2020, tầm nhìn 2030

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao			01		
	Chương Trình chống lao quốc gia			01		
	Điều trị bệnh lao			01		
2	Lao ngoài phổi			01		
	Lao kháng thuốc			01		

	Bệnh lao trẻ em			01		
3	Lao phổi người lớn			01		
	Dự phòng bệnh lao					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành: Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lão khoa Y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHCT, ngoại YHCT, phụ sản YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Yến	0983159129	Bshongyen69@gmail.com
3	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsyphamvukhanh@yahoo.com
4	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com
5	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
6	Ths. Phùng Thùy Trang	0942215189	Thuytrang811@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CĐR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ - Trình bày được cơ sở lý luận của YHCT về Lão khoa
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa YHHĐ và YHCT
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.

			- Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T u â n	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt

động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
 - Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
 - Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/
mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DA LIỄU

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Da Liễu.

Tên môn học: Da Liễu.

Tên tiếng Anh: Dermatology

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Y5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Lâm sàng: 15 tiết (tương đương 90 giờ lâm sàng)

+ Kiểm tra: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
	TS. Đỗ Thị Thu Hiền	0915807214	hienphuonglinh@yahoo.com
	ThS. Lã Thanh Hà	0906215619	
	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
	ThS. Nguyễn Thị Phương	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

3.1. Mục tiêu chung:

Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và lâm sàng một số bệnh da liễu thường gặp kèm theo giáo trình, nguồn tài liệu về các chủ đề da liễu liên quan giúp sinh viên có khả năng mô tả được tổn thương cơ bản, chẩn đoán và điều trị một số bệnh da liễu thường gặp, biết tư vấn để phòng tránh một số bệnh da liễu. Thực hiện một số thủ thuật trên da. Bên cạnh đó, sinh viên phải tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức đã được qui định, học kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm với tác phong chuyên nghiệp.

3.2. Mục tiêu HP cụ thể

3.2.1. Về kiến thức:

- Giải thích được: Dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp.

- Mô tả được tổn thương cơ bản, trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, của các bệnh da liễu thường gặp

- Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan.

3.2.2. Về kỹ năng:

- Mô tả được tổn thương cơ bản, khám, chẩn đoán được một số bệnh da liễu thường gặp.

- Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp.

- Làm thành thạo bệnh án

3.2.3. Về thái độ

- Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức.

- Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.

- Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của môn Da liễu

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CDR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được cấu trúc, chức năng của da
CLO2	Giải thích được: dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp.
CLO3	Lựa chọn được các tài liệu lý thuyết chuyên ngành và liên quan đến chuyên ngành để hiểu rõ kiến thức lý thuyết: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh da liễu thường gặp
CLO4	Khai thác tiền sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định một số bệnh da liễu thường gặp.
CLO5	Thực hiện đúng một số quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.
CLO6	Điều trị được một số bệnh da liễu thường gặp Tư vấn, đề xuất giải pháp những vấn đề liên quan đến bệnh da liễu thường gặp cho bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng
CLO7	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức
CLO8	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.
CLO9	Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm. Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh và NCKH

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	14	15
CLO1	H														
CLO2	H														
CLO3	H														
CLO4						H									
CLO5						H									
CLO6						H				L					
CLO7															
CLO8														H	H
CLO9											M			H	M

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT
- Học phần bắt buộc đối với Y đa khoa
- Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành da liễu, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu thường gặp.
- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh da liễu thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

Tuần/ Buổi (4tiết/)	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/LS)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 2 bảng 7.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản	2/4	1.1 Mô tả được các tổn thương cơ bản trên da 1.2 Phân tích được tổn thương để đánh giá mức độ cấp, mãn, nặng, nhẹ của bệnh	CLO1 CLO2 CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1] và hình ảnh projector để hướng dẫn Đi lâm sàng: mô tả trên bệnh	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	

					nhân cụ thể		
2	Bài 2: Viêm da cơ địa	2/4	2.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 2.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 2.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO1 CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân viêm da cơ địa	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) SV làm bệnh án	
3	Bài 3: Viêm da tiếp xúc	2/4	3.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 3.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 3.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để Xác định rõ phương pháp điều trị tốt nhất.	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân viêm da tiếp xúc	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	
4	Bài 4: Lậu	2/4	4.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 4.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân	CLO1 CLO2,3	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp:	A1.1.

			<p>biệt, chẩn đoán xác định</p> <p>4.3. Xác định rõ phương pháp điều trị cho cả bệnh nhân và bạn tình. Phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục.</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>GV: giảng trên bệnh nhân lậu</p>	<p>(Thảo luận nhóm)</p> <p>Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS</p>	
5	Bài 5: Ghẻ, Zona	2/4	<p>5.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng,</p> <p>5.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định</p> <p>5.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>GV sử dụng tài liệu và hình ảnh.</p> <p>projector để hướng dẫn</p> <p>GV: giảng trên bệnh nhân lậu</p>	<p>Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu)</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)</p> <p>Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS</p>	
6	Bài 6: Trùng cá	2/4	<p>6.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng,</p> <p>6.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định</p> <p>6.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>GV sử dụng tài liệu và hình ảnh.</p> <p>projector để hướng dẫn</p> <p>GV: giảng trên bệnh nhân</p>		
7	Bài 7: các bệnh nấm nông thường gặp	2/4	<p>7.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng,</p> <p>7.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>	<p>GV sử dụng tài liệu và hình ảnh.</p> <p>projector để hướng dẫn</p>		A1.2.

			để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 7.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO4 CLO5 CLO6	GV: giảng trên bệnh nhân		
8	Bài 8: Vẩy nến	2/4	8.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 8.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 8.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh				
9	Bài 9: Cấu trúc da	2/4	9.1 Mô tả được cấu trúc da 9.2. Phân tích được các bệnh liên quan đến cấu trúc da	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn	Phản chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phản chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	A3
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/LS/TH): Xác định số tiết lý thuyết, lâm sàng, tự học.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, ...); Hoạt động tại lớp và đến bệnh viện (thảo luận nhóm, làm bệnh án, thủ thuật khi đi lâm sàng).

-Cách tính điểm học phần:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{điểm lâm sàng} \times 1 + \text{Điểm Lý thuyết} \times 2) / 3$$

8. Tài liệu học tập.

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn Da liễu	2015	Bệnh học da liễu	Lưu hành nội bộ
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ Y tế - Trường Đại học Y Hà nội	2010	Một số bệnh da liễu	<i>Nhà xuất bản Y học</i>
3	Bộ môn Da liễu - Học viện Quân Y.	2008	Bệnh học Da liễu	<i>Nhà xuất bản Quân đội.</i>
4	Bộ môn Da liễu - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	2005	Bài giảng bệnh Da liễu	<i>Nhà xuất bản Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</i>
5	Bộ Y Tế Phạm Văn Hiến	2010	Da liễu học	<i>Nhà xuất bản Giáo dục</i>
6	Layton, Alison	2010	<i>Rock textbook 8th edition</i>	
7		2006	黄帝.黄帝内经素问[M]. 北京: 中国中医药出版社(Hoàng đế nội kinh tổ vấn)	NXB Trung y dược Trung quốc
8	Sào Nguyên Phương.	2006	巢元方. 诸病源候论[M]. 北京: 人民军医出版社 (Chư bệnh nguyên hậu luận)	NXB quân y dân nhân

Bảng 7.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			11/5/2019
2			11/5/2019
3			11/5/2019

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

1	Giảng đường Học viện Y Dược học cổ truyền VN	1. Dụng cụ khám Đèn soi da Đè lưỡi Kính phóng đại (kính núp) 2. Hóa chất: Cồn (70), Betadine 10%, Acid boric 3%. 3. Máy móc, trang thiết bị Máy soi da Máy sonde hơi hai cần nóng, lạnh Máy cắt đốt Plasma . Laser		
2	Bệnh viện Da liễu Hà nội			
	Bệnh viện Da liễu TW			

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản	10	20	30	60	4 giờ
2	Bài 2: Viêm da cơ địa	10	20	30	60	4 giờ
3	Bài 3: Viêm da tiếp xúc	10	20	30	60	4 giờ
4	Bài 4: Lậu	10	20	30	60	4 giờ
5	Bài 5: Ghẻ, Zona	10	20	30	60	4 giờ
6	Bài 6: Trứng cá	10	20	30	60	4 giờ
7	Bài 7: các bệnh nấm nông	10	20	30	60	4 giờ
8	Bài 8: vẩy nến	10	20	30	60	4 giờ

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 8

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 9

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

- Có kiến thức vững vàng về môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;
- Hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình môn đa liệu; nắm bắt kịp thời yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;
- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn.
- Tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học cấp học viện thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo;
- Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên;
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên;

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 12.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Th/phần đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số	Rubric	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	HD PP đánh giá
-------------------------	---------------------	-----------------	---------------	-------------------------------------	-----------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	Điểm danh	10%		CLO 1 CLO 2	- Tham gia đầy đủ buổi học lý thuyết - Tham gia tích cực thực tế ngoại khoá: đến thăm và khám cho bệnh nhân di chứng phong
	Thực tế ngoại khoá	10%		CLO 7 CLO 8	
				CLO 1 CLO 2,3	
A2. Kỹ năng lâm sàng	Điểm danh Bài tập về nhà (đọc trước bài trước khi đi lâm sàng)			CLO 4 CLO 5 CLO 6	GV cho SV lập các nhóm SV ngay từ đầu HP theo hướng dẫn giáo viên phụ trách n/cứu tài liệu, đi lâm sàng tại các bệnh viện làm hồ sơ, bệnh án .
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm :LT Vấn đáp, bệnh án: LS			CLO 1,2,3 CLO 4,5,6,8,9	

SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi lý thuyết hoặc nghỉ 1 buổi lâm sàng sẽ không được dự thi kết thúc HP.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
 - ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA YLS
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN DA LIỄU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DA LIỄU (Thực hành/lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Da liễu

* Tiếng Việt: Da liễu

* Tiếng Anh: Dermatology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5126

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Phương	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com
4	ThS Vũ Thị Thơm	0915642865	Drthomvu82@gmail.com
5	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về da liễu, tuyến truyền	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7],	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh da liễu thường gặp.	[CDR8], [CDR9]	
	Kỹ năng		
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh về da liễu thường gặp	[CDR5] [CDR7]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CDR8], [CDR9]	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CDR10] [CDR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về da liễu, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh da liễu thường gặp.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân về da liễu CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

luyện tính kỹ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	
---	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
<i>Cấu trúc da . Tổn thương cơ bản</i>	3			3	2	2
<i>Viêm da cơ địa</i>	2	3		3	2	2
<i>Viêm da tiếp xúc</i>		3		3	2	2
<i>Lậu Ghẻ</i>			3	3	2	2
<i>Bệnh Zona Pemphigus</i>	2	2	2	3	3	3
<i>Trùng cá</i>	2		2		3	3
<i>Nấm nông thường gặp</i>	2	3	2	3	3	3
<i>Vẩy nến</i>	2	3	2	3	3	3
<i>Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu</i>	2	2	2	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bao gồm cách khám và làm bệnh án Da liễu, nắm được cách khám tổn thương cơ bản, dịch tễ, căn nguyên bệnh sinh và phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp, nắm được các thuốc xử dụng trong Da liễu.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
<i>Cấu trúc da . Tổn thương cơ bản</i>	4	4	Đọc trước giáo trình, lắng nghe, quan sát và làm theo. Làm bệnh án và tham gia thảo luận với những bài tập nhóm
<i>Viêm da cơ địa</i>	4	4	
<i>Viêm da tiếp xúc</i>	2	3	
<i>Lậu Ghẻ</i>	4	4	
<i>Bệnh Zona Pemphigus</i>	2	4	
<i>Trùng cá</i>	4	4	
<i>Nấm nông thường gặp</i>	2	3	
<i>Vẩy nến</i>	4	4	
<i>Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu</i>	4	4	

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn Da liễu	2015	Bệnh học da liễu	Lưu hành nội bộ
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Trường ĐH Y Hà nội – Bộ môn Da liễu	1992	Bệnh da liễu	Nhà xuất bản Y học
3	Trường ĐH Y Hà nội – Bộ môn Da liễu	1994	Bài giảng Da liễu	Nhà xuất bản Y học
4	Bộ môn Da liễu - Đại học Y Hà Nội	2014	Bệnh học Da liễu	Nhà xuất bản Y học
5	Bộ Y Tế	2012	Da liễu học	Nhà xuất bản Giáo dục
6	Học viện Quân Y – Bộ môn Da liễu	2008	Bệnh da và hoa liễu	Nhà xuất bản Quân hội nhân dân
7	Trần Sỹ Viên	2003	Các thuốc chữa bệnh ngoài da – Da liễu - Phong	Nhà xuất bản Y học
8	M.Mackie,Rona	2002	Lâm sàng Da liễu	Nhà xuất bản Y học
9	Việt Hà, Phan Hoa, Bích Thủy, Hải Yến	2011	Các bệnh Da liễu thường gặp	Nhà xuất bản Y học
10	Hoàng Văn Minh	2002	Chẩn đoán bệnh da liễu bằng hình ảnh và cách điều trị	Nhà xuất bản Y học
11	Hoàng Văn Minh	2001	Chẩn đoán bệnh da liễu bằng hình ảnh và cách điều trị	Nhà xuất bản Y học

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Cấu trúc da . Tổn thương cơ bản	4					4
2	Viêm da cơ địa	2				2	4
3	Viêm da tiếp xúc	2					2
4	Lậu Ghẻ	2				2	4
5	Bệnh Zona Pemphigus	2					2
6	Trùng cá	2				2	4

7	Nấm nông thường gặp	2				2
8	Vảy nến	2			2	4
9	Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu	4				4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học

- Có máy tính và projecter, mô hình, bệnh nhân, máy soi da, kính lúp....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm) Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Cấu trúc da . Tổn thương cơ bản	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Viêm da cơ địa	25%	≥ 4	
	Viêm da tiếp xúc	25%	≥ 4	
	Lậu Ghẻ	25%	≥ 4	
	Bệnh Zona	25%	≥ 4	

	Pemphigus			
	Trứng cá	25%	≥ 4	
	Nấm nông thường gặp	25%	≥ 4	
	Vảy nến			
	Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần Da liễu).
- Điểm kết thúc thực hành lâm sàng là trung bình cộng điểm của các bài thực hành lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH

* Tiếng Việt: **Dị ứng – Miễn dịch**

* Tiếng Anh: **Allergy and Clinical Immunology**

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1.0 LT, 1.0 LS

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Bùi Văn Dân	0982841169	Buivandan@hmu.edu.vn
2	ThS.BSNT. Nguyễn Thị Thu Lan	0352325425	Nguyenlan1808@gmail.com
3	ThS.BSNT. Nguyễn Mạnh Linh	0982758227	Dr.linh1992@gmail.com
4	ThS.BSNT. Nguyễn Lê Hà	0969981590	Doctorha1990@gmail.com
5	ThS.BSNT. Nguyễn Văn Hồng Quân	0987356872	humdrquan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân, sinh bệnh học Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch. - Phân tích các triệu chứng bệnh, đưa ra cách lập luận để hướng tới chẩn đoán một số Bệnh Dị ứng. 	[CDR1], [CDR 3]	3
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch. - Hiểu được các giai đoạn, diễn biến, tiến triển của Bệnh Dị ứng. - Đánh giá được nguyên tắc điều trị một số Bệnh Dị ứng. 	[CDR6] [CDR9]	3
Kỹ năng			
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày. 	[CDR9] [CDR10]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	

<p>MT1: Trình bày được nguyên nhân, sinh bệnh học Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các triệu chứng bệnh, đưa ra cách lập luận để hướng tới chẩn đoán một số Bệnh Dị ứng. <p>MT2: Đưa ra các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các giai đoạn, diễn biến, tiến triển của Bệnh Dị ứng. - Đánh giá được nguyên tắc điều trị một số Bệnh Dị ứng. 	<p>CLO1: Giải thích được: dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh Dị ứng thường gặp.</p> <p>Mô tả được một số tổn thương cơ bản có trong bệnh Dị ứng – Miễn dịch.</p> <p>Khám được các triệu chứng lâm sàng trên bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng.</p> <p>CLO 2:</p> <p>Khám, chẩn đoán được bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng – Miễn dịch. Đưa ra được chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý dị ứng.</p> <p>Lượng giá được tiến triển diễn biến của bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng, sơ bộ chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí đúng.</p> <p>CLO3: Trên cơ sở chẩn đoán đúng sẽ cho phác đồ điều trị đúng với một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp, kết hợp tuyên truyền phòng bệnh cho người dân.</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.</p> <p>Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm.</p>	<p>CLO 4: Vận dụng hiểu biết của mình về kiến thức bệnh Dị ứng giúp điều trị phòng ngừa, tư vấn khả năng tái phát cho người bệnh.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	<p>CLO 5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.</p> <p>Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh và NCKH.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	1		2	2	1
Bài 2: Viêm mạch IgA	2		2	2	1
Bài 3: Dị ứng thuốc		2	2	2	1
Bài 4: Hen phế quản		2	2	2	1
Bài 5: Dị ứng vaccine		2		2	1
Bài 6: Sốc phản vệ			2	1	1
Bài 7: Mày đay – Phù mạch		2	2		1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung Mắt gồm: Giải phẫu và sinh lý mắt, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	2			2		Đọc lại giải phẫu trước, chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 2: Viêm mạch IgA	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3: Dị ứng thuốc	4			4		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 4: Hen phế quản	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 5: Dị ứng vaccine	1			1		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 6: Sốc phản vệ	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 7: Mày đay – Phù mạch	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nguyễn Năng An (2022). *Bài giảng Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2022.

[2]. Văn Đình Hoa; Nguyễn Ngọc Lanh (2011). *Sinh lý bệnh và Miễn dịch*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2011.

[3]. Nguyễn Ngọc Lanh (2009). *Miễn dịch học*. Sinh lý bệnh và Miễn dịch. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2009.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	2	15p	30p	60p	20p	2
2	Bài 2: Viêm mạch IgA	2	15p	30p	60p	20p	1
3	Bài 3: Dị ứng thuốc	4	15p	30p	60p	20p	2
4	Bài 4: Hen phế quản	2	15p	30p	60p	20p	2
5	Bài 5: Dị ứng vaccine	1	15p	30p	60p	20p	1
6	Bài 6: Sốc phản vệ	2	15p	30p	60p	20p	1
7	Bài 7: Mày đay – Phù mạch	2	15p	30p	60p	20p	2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
- Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dực).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH (Thực hành/lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH

* Tiếng Việt: **Dị ứng – Miễn dịch**

* Tiếng Anh: **Allergy and Clinical Immunology**

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5132

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Bùi Văn Dân	0982841169	Buivandan@hmu.edu.vn
2	ThS.BSNT. Nguyễn Thị Thu Lan	0352325425	Nguyenlan1808@gmail.com
3	ThS.BSNT. Nguyễn Mạnh Linh	0982758227	Dr.linh1992@gmail.com
4	ThS.BSNT. Nguyễn Lê Hà	0969981590	Doctorha1990@gmail.com
5	ThS.BSNT. Nguyễn Văn Hồng Quân	0987356872	humdrquan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh Dị ứng, tư vấn điều trị dự phòng bệnh lý Dị ứng.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5], [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	Kỹ năng		
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng.	[CDR5] [CDR7]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CDR8], [CDR9]	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CDR10] [CDR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh Dị ứng, tư vấn điều trị dự phòng bệnh lý Dị ứng.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân Dị ứng – Miễn dịch. CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng – Miễn dịch.	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	
---	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
<i>Phương pháp khám mắt, cách làm bệnh án mắt.</i>	3			3	2	2
<i>Phương pháp đo thị lực</i>	2	3		3	2	2
<i>Phương pháp đo thị trường ước lượng</i>		3		3	2	2
<i>Phương pháp đo nhãn áp</i>			3	3	2	2
<i>Cách nhỏ thuốc , tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt</i>	2	2	2	3	3	3
<i>Các thuốc điều trị trong nhãn khoa</i>	2		2		3	3
<i>Chấp lệo và cách xử lý</i>	2	3	2	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bao gồm cách khám và làm bệnh án mắt, nắm được các phương pháp đo thị lực, thị trường, nhãn áp, cách xử trí chấp lệo, cách tra, nhỏ, rửa mắt, nắm được các thuốc xử dụng trong nhãn khoa.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Cách khám và làm bệnh án Dị ứng – Miễn dịch.	4	4	Đọc trước giúp trình, lắng nghe, quan sát và làm theo.
Bài 2: Nhận biết tổn thương cơ bản trong Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch.	4	4	
Bài 3: Các Test chẩn đoán: test da (test lấy da, test nội bì, test áp), test kích thích, IgE đặc hiệu, test hoạt hóa bạch cầu ái kiềm, Test chuyển dạng Lympho bào.	4	4	
Bài 4: Phân độ Phân vệ	4	4	
Bài 5: Chẩn đoán bệnh Mày đay	3	3	
Bài 6: Dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng trong bệnh Lupus ban đỏ	4	4	
Bài 7: Cận lâm sàng trong bệnh Viêm mao mạch dị ứng, Hen phế quản.	4	3	
Bài 8: Dấu hiệu lâm sàng trong Dị ứng Vaccine	3	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nguyễn Năng An (2022). *Bài giảng Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2022.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Văn Đình Hoa; Nguyễn Ngọc Lanh (2011). *Sinh lý bệnh và Miễn dịch*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2011.

[2]. Nguyễn Ngọc Lanh (2009). *Miễn dịch học*. Sinh lý bệnh và Miễn dịch. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2009.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án Dị ứng – Miễn dịch.	4					4
2	Bài 2: Nhận biết tổn thương cơ bản trong Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch.	4					4
3	Bài 3: Các Test chẩn đoán: test da (test lấy da, test nội bì, test áp), test kích thích, IgE đặc hiệu, test hoạt hóa bạch cầu ái kiềm, Test chuyển dạng Lympho bào.	4					4
4	Bài 4: Phân độ Phản vệ	4					4
5	Bài 5: Chẩn đoán bệnh Mày đay	4					4
6	Bài 6: Dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng trong bệnh Lupus ban đỏ	4					4
7	Bài 7: Cận lâm sàng trong bệnh Viêm mao mạch dị ứng, Hen phế quản.	4					4
8	Bài 8: Dấu hiệu lâm sàng trong Dị ứng Vaccine	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học

- Có máy tính và projecter, mô hình, bệnh nhân, máy đo thị lực, nhãn áp....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)			
	Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2:	25%	≥ 4	
	Bài 3	25%	≥ 4	
	Bài 4	25%	≥ 4	
	Bài 5:	25%	≥ 4	
	Bài 6:	25%	≥ 4	
	Bài 7:	25%	≥ 4	
Bài 8:	25%	≥ 4		
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần mắt).
- Điểm kết thúc thực hành lâm sàng là trung bình cộng điểm của các bài thực hành lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20...
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
 Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam
- * Tiếng Việt: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam
- * Tiếng Anh: Traditional Viet Nam Medicine Classics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý luận cơ bản YHCT, chẩn đoán YHCT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 26 tiết
 - + Bài tập: 00 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết
 - + Thời gian tự học: 00 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
9	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.	[CDR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.	[CDR1], [CDR 2]	2
Kỹ năng			
	Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam	[CDR6]	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.	CLO1: Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam. CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng được một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam trong công tác	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.

khám bệnh, chẩn đoán, điều trị bằng YHCT	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Lịch sử YHCT Việt Nam	3	3		
Thân thể sự nghiệp Tuệ Tĩnh	2	3		
Thân thể sự nghiệp Hải Thượng Lãn Ông	2	3		
Chuyên đề thuốc Nam Tuệ Tĩnh	2	3		
Chuyên đề thuốc Nam Nguyễn Kiềm	2	3		
Chuyên đề Thủy Hỏa		3	3	
Chuyên đề hàn nhiệt, hư thực		3	3	4
Chuyên đề y dịch		3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Lịch sử YHCT Việt Nam 1. Đại cương về lịch sử YHCT Việt Nam 2. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu và các công trình Y học mang đậm bản sắc Y học cổ truyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thân thể sự nghiệp Tuệ Tĩnh 1. Sơ lược về tác giả Tuệ Tĩnh 2. Sự kế thừa và phát huy 3. Sơ lược tác phẩm “Nam dược thần hiệu”	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp

4. Sơ lược sách “Hồng nghĩa giác tư y thư”						hành nội quy học tập của lớp
Thân thể sự nghiệp Hải Thượng Lãn Ông 1. Sơ lược về Hải Thượng Lãn Ông: thân thể, sự nghiệp 2. Các tác phẩm y học cùng kỳ 3. Sơ lược tác phẩm “Hải thượng y tông tâm lĩnh”. 4. Vấn đề Y đức theo quan điểm của Hải thượng lãn ông	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chuyên đề thuốc Nam Tuệ Tĩnh 1. Một vài nét về sự nghiệp trước tác của Đại Y Thiên Sư Tuệ Tĩnh 2. Đại cương của Thương hàn luận 3. Phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng 1 số bài thuốc trong Tam thập thất trừu phương 4. Phân tích được phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng số bài thuốc trong Thập tam phương	3			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chuyên đề thuốc Nam Nguyễn Kiền 1. Thân thể sự nghiệp của lương y Nguyễn Kiền 2. Nguyên tắc dùng thuốc 3. Mười nguồn bệnh 4. Giới thiệu một số vị thuốc, bài thuốc nam	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chuyên đề Thủy Hỏa 1. Thái cực 2. Tiên thiên 3. Tâm thận thông nhau 4. Thăng giáng của thủy hỏa 5. Ứng dụng học thuyết thủy hỏa của Hải Thượng Lãn Ông	3	1		4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chuyên đề hàn nhiệt, hư thực 1. Khái niệm hư thực 2. Hư thực trong Y hải cầu nguyên 3. Thực chứng và hư chứng 4. Truyền biến hư thực 5. Biện chứng hàn nhiệt	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp

6. Phân biệt hàn chứng và nhiệt chứng 7. Điều trị hàn nhiệt						hành nội quy học tập của lớp
Chuyên đề Y Dịch 1. Dịch lý với y lý 2. Lược thảo về kinh dịch	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Tác phẩm Kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hải thượng lãn ông (năm 2008), Hải thượng Y Tông Tâm Lĩnh, Nhà xuất bản Y học.

[2] Tuệ Tĩnh Toàn Tập (năm 2007), Nhà xuất bản Y học.

[3] Kinh dịch ứng dụng trong YHCT (năm 2021), Nhà xuất bản Y học..

[4] Lương Y Nguyễn Kiều – Một dấu son của nền Y học dân tộc Việt Nam thế kỷ 20 (năm 2015), Học viện Y dược học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Lịch sử YHCT Việt Nam 1. Đại cương về lịch sử YHCT Việt Nam 2. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu và các công trình Y học mang đậm bản sắc Y học cổ truyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	4					2
2	Thân thể sự nghiệp Tuệ Tĩnh 1. Sơ lược về tác giả Tuệ Tĩnh 2. Sự kế thừa và phát huy 3. Sơ lược tác phẩm “Nam dược thần hiệu” 4. Sơ lược sách “Hồng nghĩa giác tư y thư”	4					2
3	Thân thể sự nghiệp Hải Thượng Lãn Ông 1. Sơ lược về Hải Thượng Lãn Ông: thân thể, sự nghiệp	4					2

	<p>2. Các tác phẩm y học cùng kỳ</p> <p>3. Sơ lược tác phẩm “Hải thượng y tông tâm lĩnh”.</p> <p>4. Vấn đề Y đức theo quan điểm của Hải thượng lân ông</p>						
4	<p>Chuyên đề thuốc Nam Tuệ Tĩnh</p> <p>1. Một vài nét về sự nghiệp trước tác của Đại Y Thiên Sư Tuệ Tĩnh</p> <p>2. Đại cương của Thương hàn luận</p> <p>3. Phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng 1 số bài thuốc trong Tam thập thất trừu phương</p> <p>4. Phân tích được phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng số bài thuốc trong Thập tam phương</p>	4					2
5	<p>Chuyên đề thuốc Nam Nguyễn Kiền</p> <p>1. Thân thế sự nghiệp của lương y Nguyễn Kiền</p> <p>2. Nguyên tắc dùng thuốc</p> <p>3. Mười nguồn bệnh</p> <p>4. Giới thiệu một số vị thuốc, bài thuốc nam</p>	4					2
6	<p>Chuyên đề Thủy Hỏa</p> <p>1. Thái cực</p> <p>2. Tiên thiên</p> <p>3. Tâm thận thông nhau</p> <p>4. Thăng giáng của thủy hỏa</p> <p>5. Ứng dụng học thuyết thủy hỏa của Hải Thượng Lãn Ông</p>	3	1				2
7	<p>Chuyên đề hàn nhiệt, hư thực</p> <p>1. Khái niệm hư thực</p> <p>2. Hư thực trong Y hải cầu nguyên</p> <p>3. Thực chứng và hư chứng</p> <p>4. Truyền biến hư thực</p> <p>5. Biện chứng hàn nhiệt</p> <p>6. Phân biệt hàn chứng và nhiệt chứng</p> <p>7. Điều trị hàn nhiệt</p>	4					2
8	<p>Chuyên đề Y Dịch</p> <p>1. Dịch lý với y lý</p> <p>2. Lược thảo về kinh dịch</p>	2					1

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn CLO3,CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	30%		CĐR 4
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dực).
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm chuyên cần x 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG QUỐC

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc

* Tiếng Việt: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc

* Tiếng Anh: Traditional Chinese Medicine Classics

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 02 TC

- Đối tượng học (năm thứ): 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý luận cơ bản YHCT, chẩn đoán YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 26 tiết

+ Bài tập: 00 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 00 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
9	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc	[CĐR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.	[CĐR1], [CĐR 2]	2
Kỹ năng			
	Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.	[CĐR6]	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.	CLO1: Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc. CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng được một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị bằng YHCT	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc .
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.
--	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Dưỡng sinh	3	3		
Âm dương	2	3		
Tạng tượng	2	3		
Kinh lạc	2	3		
Bệnh năng	2	3		
Phép tắc trị liệu		3	3	
Thương hàn luận		3	3	4
Ôn bệnh học		3	3	
Kim quỹ yếu lược		3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Dưỡng sinh: 1. Ý nghĩa và nguyên tắc dưỡng sinh 2. Dưỡng sinh bốn mùa	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Âm dương: 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Tạng tượng: 1. Đại cương	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý

2. Kinh văn trong Nội kinh.						tường sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Kinh lạc: 1. Đại cương 2. Mười hai đường kinh 3. Bát mạch kỳ kinh. 4. Huyệt vị	3			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bệnh năng: 1. Đại cương 2. Bệnh nguyên và bệnh cơ	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phép tắc trị liệu: 1. Đại cương 2. Nguyên tắc điều trị	3		1	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thương hàn luận : 1. Nội dung cơ bản của Thương Hàn Luận. 2. Biện chứng luận trị lục kinh bệnh chứng.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ôn bệnh học: 1. Đại cương về tác phẩm 2. Định nghĩa ngoại cảm ôn bệnh 3. Nguyên nhân gây bệnh 4. Bệnh học và điều trị	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Kinh quỹ yếu lược: 1. Nội dung chính của Kim quỹ yếu lược 2. Biện chứng luận trị Hung tý, tâm thống, đoản khí	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Tác phẩm Kinh điển Y học cổ truyền Trung Quốc*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nội kinh, Đại học Y Hà nội, NXB Y học

[2] Thương hàn luận, Đại học Y Hà nội, NXB Y học..

[3] Ôn bệnh học, Đại học Y Hà nội, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Dưỡng sinh: 1. Ý nghĩa và nguyên tắc dưỡng sinh 2. Dưỡng sinh bốn mùa	4					2
2	Âm dương: 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4					2
3	Tạng tợng: 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4					2
4	Kinh lạc: 1. Đại cương 2. Mười hai đường kinh 3. Bát mạch kỳ kinh. 4. Huyết vị	4					2
5	Bệnh năng: 1. Đại cương 2. Bệnh nguyên và bệnh cơ	4					2
6	Phép tắc trị liệu: 1. Đại cương 2. Nguyên tắc điều trị	3	1				2
7	Thương hàn luận : 1. Nội dung cơ bản của Thương Hàn Luận. 2. Biện chứng luận trị lục kinh bệnh chứng	4					2
8	Ôn bệnh học: 1. Đại cương về tác phẩm 2. Định nghĩa ngoại cảm ôn bệnh 3. Nguyên nhân gây bệnh 4. Bệnh học và điều trị	2					1

9	Kinh quỹ yếu lược: 1. Nội dung chính của Kim quỹ yếu lược 2. Biện chứng luận trị Hung tỹ, tâm thống, đoan khí	2					1
---	--	---	--	--	--	--	---

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn CLO3, CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	30%		CĐR 4
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm chuyên cần x 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP KHỐI NGÀNH YHCT
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT. Mã số đào tạo: 7720115

I. Tổng quát chung

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Thực tập nghề nghiệp
- + Tiếng Việt: Thực tập nghề nghiệp
- + Tiếng Anh: Vocational internship

- Mã học phần:
- Số tín chỉ lâm sàng: 03 tín chỉ
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ 2 năm thứ 6 (học kỳ 12)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học xong tất cả các học phần (tín chỉ) trong chương trình đào tạo bác sĩ YHCT.
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Y học lâm sàng và phòng Đào tạo đại học.

2. Mục tiêu chung của học phần:

2.1. Chuẩn kiến thức

- Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

2.2. Chuẩn kỹ năng

- Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lý phổ biến.
- Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.
- Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.
- Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp.
- Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

2.3. Chuẩn thái độ

- Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

- Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

3. Mô tả học phần

Đây là học phần giữ vị trí quan trọng cốt lõi về kỹ năng với nội dung giúp sinh viên quan sát, tìm hiểu, phân tích, đánh giá những công việc trong hoạt động thực tế nghề nghiệp, sát với việc làm sau khi tốt nghiệp.

+ Học phần thực tập nghề nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã học xong các học phần khác trong chương trình đào tạo Y khoa. Bao gồm 03 tín chỉ, hoàn thành thực hành trong 08 tuần.

+ Mỗi sinh viên thực tập chuyên ngành tại các Bệnh viện YHCT.

+ Sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án trước khi đi thực tập nghề nghiệp.

4. Phân bố thời gian

- Thực hành lâm sàng theo lịch vào giờ hành chính tại các khoa của Bệnh viện

- Tham gia điều trị, trực đêm và các hoạt động chuyên môn khác theo sự phân công của khoa.

- Tự học thực hành, bổ sung kiến thức theo yêu cầu thực tế.

5. Bệnh viện thực hành: Các bệnh viện YHCT đã liên hệ.

- Thời gian thực tập nghề nghiệp: 08 tuần (7/3- 29/4/2022)

6. Phương pháp đánh giá học phần

*Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

*Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10		
	Điểm bệnh án	20		
2	Điểm thi kết thúc lâm sàng			
	Hỏi thi lâm sàng	70		Điểm đạt: > 5.0

7. Yêu cầu của học phần

*Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy lâm sàng:

- Tổ chức theo mô hình, sắp xếp của cơ sở thực tập nghề nghiệp.

- Trang thiết bị máy móc hiện có, thuốc, hàng hóa, hồ sơ quản lý, hồ sơ kỹ thuật và tài liệu tại các cơ sở đến thực tập nghề nghiệp liên quan.

- Có khoa phòng buồng bệnh đầy đủ trang thiết bị thăm khám lâm sàng

- Có bệnh nhân

- Có các vật tư y tế phục vụ thăm khám bệnh nhân

*Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên đi học (làm việc) theo lịch làm việc của khoa, tham gia trực ít nhất 2 lần/tuần, chủ động bố trí tự học tập.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà trường, bộ môn, bệnh viện, khoa khi đi thực tế.

- Mỗi tuần hoàn thành 01 bệnh án

- Đi lâm sàng, đi trực đầy đủ, đúng giờ

- Rèn luyện thái độ, kỹ năng lâm sàng
- Hoàn thành đầy đủ các chỉ tiêu thực tế nghề nghiệp
- Sinh viên không nộp nhật ký và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài
- Sinh viên nghỉ học có lý do phải được sự đồng ý của cán bộ phụ trách tại cơ sở; đồng thời báo cáo cho giảng viên hướng dẫn.

8. Tài liệu học tập, tham khảo

*Tài liệu học tập

*Tài liệu tham khảo

II. NỘI DUNG CHI TIẾT CHUYÊN NGÀNH (BỘ MÔN)

1. NỘI KHOA

1.1. Thông tin giảng viên (Cơ hữu):

TT	Họ và tên giảng viên	Số ĐT	Email	Bệnh viện
1	Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com	BV Đa khoa YHCT Hà Nội
2	Trần Thị Thu Hương	0985815138	huongthuviet@gmail.com	BV YHCT Hà Đông

1.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở thực tập nghề nghiệp

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện
1	Trần Quốc Hùng			BV Đa khoa YHCT Hà Nội
2	Nguyễn Thị Thu Hằng			
3	Vũ Minh Hoàn			
1	Lại Đoàn Hạnh			BV YHCT Hà Đông
2	Nguyễn Minh Cường			
3	Trần Thụy Sỹ			
4	Lê Xuân Tiến			
5	Nghiêm Thị Thanh Hương			
6	Lê Anh Tuấn			
7	Lê Thị Tranh			
8	Lê Thị Hương			
9	Bùi Văn Tuấn			
10	Vũ Phương Ngọc			
11	Vũ Thị Mận			

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện
12	Nguyễn Chí Tâm			
13	Lê Thị Kim Oanh			
14	Mai Thị Hằng			
15	Trần Phương Thủy			
16	Phạm Thị Hải			

1.3. Nội dung học phần

STT	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Cách làm bệnh án Nội khoa YHCT	2	Giảng viên Bộ môn và giảng viên thỉnh giảng tại bệnh viện
2	Giảng lâm sàng Đau thần kinh tọa	2	
3	Bệnh bệnh án Viêm khớp dạng thấp	2	
4	Giảng lâm sàng Viêm loét DDTT	2	
5	Giảng lâm sàng Viêm phế quản mạn	2	
6	Giảng lâm sàng Hen phế quản	2	
7	Bệnh bệnh án Đái tháo đường	2	
8	Giảng lâm sàng RLCHLP máu	2	
9	Giảng lâm sàng Tăng huyết áp	2	
10	Giảng lâm sàng Viêm cầu thận mạn	2	
11	Bệnh bệnh án Viêm bàng quang	2	
12	Giảng lâm sàng Mất ngủ	2	
13	Giảng lâm sàng Bệnh Goute	2	
14	Giảng lâm sàng Suy nhược cơ thể	2	
15	Bệnh bệnh án Đau lưng	2	
16	Giảng lâm sàng Đau đầu	2	
17	Giảng lâm sàng Viêm gan mạn	2	
18	Giảng lâm sàng Đột quỵ não	2	
19	Bệnh bệnh án Viêm đại tràng mạn	2	
20	Giảng lâm sàng Liệt VII ngoại biên	2	
21	Giảng lâm sàng Đái máu, đái dầm	2	
22	Giảng lâm sàng Hội chứng thận hư	2	
23	Bệnh bệnh án Rối loạn thần kinh tim	2	
24	Bệnh bệnh án Suy tim	2	
25	Giảng lâm sàng Đau vai gáy	2	
26	Giảng lâm sàng Viêm quanh khớp vai	2	
27	Bệnh bệnh án Thoái hóa khớp	2	
28	Giảng lâm sàng Xơ gan	2	
29	Giảng lâm sàng Thiếu máu	2	
30	Giảng lâm sàng Táo bón	2	
31	Bệnh bệnh án Đau thần kinh liên sườn	2	
32	Hội thi lâm sàng	2	

1.4. Tài liệu học tập, tham khảo

*Tài liệu học tập

1. Bộ môn Nội Y học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam(2014), Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền, NXB Y học.
2. Bộ môn Nội Y học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền, NXB Y học.
3. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2008), Chuyên đề nội khoa YHCT, NXB Y học.
4. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2004) , Nội khoa y học cổ truyền, NXB Y học.

* Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2003), Nội khoa Y học cổ truyền dành cho đối tượng sau đại học. NXB Y học.
2. Hoàng Bảo Châu 2006. Chuyên đề Nội khoa Y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học 2006.
3. Chu Trọng Anh. Trung y nội khoa học – NXB Trung y dược Trung Quốc, 2003:
周仲瑛. 中医内科学. 中国中医药出版社, 2003

2. NGOẠI KHOA

2.1. Nội dung học phần

Stt	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Bệnh học và điều trị bệnh lý hậu môn trực tràng	08	
2	Bệnh học và điều trị sỏi tiết niệu	04	
3	Bệnh học và điều trị Tăng sản lành tính tuyến tiền liệt	06	
4	Bệnh học và điều trị bệnh động mạch ngoại vi mạn tính	06	
5	Bệnh học và điều trị bệnh lý tuyến vú	08	
6	Điều trị gãy xương bằng YHCT	03	
7	Điều trị vết thương phân mềm bằng YHCT	02	
8	Bệnh học và điều trị bệnh lý hậu môn trực tràng	08	

2.2.Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Ngoại trường Học viện Y Dược Học Cổ Truyền Việt Nam: Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền
2. Đông y toàn tập, Khoa Y học cổ truyền Trường đại học y Hà Nội
3. Bệnh học y học cổ truyền , Khoa Y học cổ truyền Trường đại học y Hà Nội : Bệnh học y học cổ truyền
4. Bài giảng bệnh học ngoại khoa(1995), tập I, Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Ngoại

3.SẢN PHỤ KHOA

3.1. Thông tin về giảng viên (Cơ hữu)

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	
2	ThS. Phạm Quỳnh Lâm	0338760638	Quynhnam73@gmail.com	
3	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0932695158	huyensanyhct@gmail.com	
4	ThS. Vũ Thị Tố Trinh	0971779558	Vutottrinh85@gmail.com	

3.2. Nội dung chi tiết học phần thực hành/ lâm sàng

Stt	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân rong kinh	4	
2	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân thống kinh	4	
3	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân rối loạn kinh nguyệt	4	
4	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân rối loạn tiền mãn kinh	4	
5	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân dọa sảy thai	4	
6	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân đói hạ	4	
7	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân thiếu sữa sau đẻ	4	
8	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân vô sinh	4	
9	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân u xơ tử cung	4	
10	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân viêm tuyến vú tắc tia sữa sau đẻ	4	
11	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ Vệ sinh thai nghén	4	
12	Làm 4 bệnh án sản khoa, phụ khoa (bệnh án điều kiện)		
12	Hỏi thi	4	

3.3. Tài liệu học tập

1. Tài liệu chính:

Bài giảng Sản phụ khoa Y học cổ truyền. Bộ môn Sản phụ khoa Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Y học cổ truyền Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Phó Thanh Chủ Nữ Khoa - Dịch giả Định Ninh, Lê Đức Thiệp – Năm 1972

- Vạn Thị Phụ Nhân Khoa - Dịch giả Nguyễn Quang Tý – Nhà thuốc Hồi Xuân - Nguyễn Thiện Thuật – Sài Gòn năm 1963

3.4. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	30
2	10		10	Bài tập tình huống	30
3	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	30
4	15	5		Bài tập tình huống	15
5	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	15
6	10			Bình bệnh án	5
7	10			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	0
8	02	08			20
	130				

4. NHI KHOA

4.1. Nội dung học phần

Stt	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Viêm cầu thận cấp		
2	Tiêu chảy		
3	Hen phế quản		
4	Viêm phế quản phổi		
5	Sốt cao co giật		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 1

CHỈ TIÊU THỰC HÀNH

1.3. Hiểu biết, thái độ và kỹ năng thực hành khi tiếp xúc với bệnh nhân

1.3.1. Hiểu biết;

- Tâm lý của từng đối tượng người bệnh: bệnh nặng, bệnh xã hội, trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ...

- Đặc điểm dịch tễ người bệnh: tuổi, giới, nghề nghiệp, văn hóa, dân tộc...

- Hiểu biết về bệnh của bệnh nhân để có thể giải thích những thắc mắc cơ bản trong khả năng chuyên môn cho phép

1.3.2. Thái độ, mức độ trách nhiệm của bác sỹ

- Vui vẻ, niềm nở; biết lắng nghe, chia sẻ với người bệnh

- Tự tin khi giải thích về tình trạng bệnh cho bệnh nhân và người nhà.

- Dứt khoát, quyết liệt với các hành vi của bệnh nhân và người nhà làm ảnh hưởng xấu đến người bệnh và người nhà xung quanh

1.3.3. Kỹ năng

- Những hành vi làm việc độc lập; khả năng giao tiếp của bản thân

- Những hành vi cần trau dồi sau khi tốt nghiệp

- Những đóng góp cho quá trình giảng dạy tại Học viện về lý thuyết sát thực tiễn

1.3.4. Kiến thức:

Bài 1:

Bài 2:

Bài 3.

Bài 4:

Bài 5.

Bài 6:

Bài 7:

Bài 8:

Bài 9:

Bài 10:

Bài 11:

PHỤ LỤC 2
Mẫu nhật ký thực tập

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



NHẬT KÍ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

TẠI BỆNH VIỆN.....

Giảng viên hướng dẫn:

Sinh viên:

Mã sinh viên:

Nhóm:

Địa điểm: Bệnh viện

Địa chỉ:

HÀ NỘI – 2022

Nội dung mỗi trang trong nhật ký thực tập

THỨ NGÀY THÁNG NĂM 2021

BỘ PHẬN ĐƯỢC PHÂN CÔNG ĐẾN THỰC TẬP.....

CÔNG VIỆC THỰC HIỆN GỒM:

BUỔI SÁNG:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

BUỔI CHIỀU:

.....
.....
.....
.....

PHỤ LỤC 3

Báo cáo tổng kết và tự nhận xét các chỉ tiêu đã thực hiện được:

**BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**



BÁO CÁO THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

TẠI BỆNH VIỆN.....

Giảng viên hướng dẫn:
Sinh viên:
Mã sinh viên:
Nhóm:
Địa điểm:
Địa chỉ:

HÀ NỘI – 2022

Nội dung báo cáo được ghi theo thứ tự từng phần trong mục

1. HÀNH CHÍNH

Số thời ngày học:
Số ngày trực:
Số ngày nghỉ:
Học bù:

2. CHUYÊN MÔN:

Chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu		Được giao	Thực hiện
1.1				

TT	Chỉ tiêu		Được giao	Thực hiện
1.2				
1.3				

3. Tự nhận xét về kết quả thực tập nghề:

Nhận xét của cán bộ phụ trách tại cơ sở

.....
.....
.....

Điểm tại cơ sở

Ngày ... tháng..... năm.....

Cán bộ phụ trách

Nhận xét của giảng viên hướng dẫn

.....
.....
.....

Điểm

Ngày ... tháng..... năm.....

Giảng viên hướng dẫn

Nhận xét của giảng viên chấm báo cáo

.....
.....
.....

Điểm

Ngày ... tháng năm

Giảng viên chấm